CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG REE

CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH

----ꕥ❖ꕥ----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3
TẠI VỊ TRÍ V1-3



Duyên Hải, tháng 3 năm 2024

CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG REE
CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH

----❖----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở
NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH
CÔNG TY TNHH
ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Quyền

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN

Từ Chí Thiện

Duyên Hải, tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

MỤC LỤC i

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT iii

DANH MỤC BẢNG iv

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1

1. Tên chủ cơ sở 1

2. Tên cơ sở 1

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 9

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 9

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 10

3.3. Sản phẩm của cơ sở 12

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước 12

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 13

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 13

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 15

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 19

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 19

1.1. Thu gom, thoát nước mưa 19

1.2. Thu gom, thoát nước thải 22

1.3. Xử lý nước thải 24

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 26

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 27

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 29

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn 31

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 32

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 38

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 41

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 45

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 45

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có 45

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không có 45

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 46

1. Kết quả quan trắc môi trường năm 2022 46

2. Kết quả quan trắc môi trường năm 2023 48

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG 51

CỦA CƠ SỞ 51

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 51

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật 51

2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục và định kỳ chất thải 51

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở 51

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm 52

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 53

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 54

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên – Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	XLNT	Xử lý nước thải
18	BTCT	Bêtông cốt thép

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 1. Tọa độ giới hạn Khu vực các hạng mục công trình trên bờ 2
Bảng 2. Tọa độ của ranh giới khu turbine gió gần bờ..... 3
Bảng 3. Tọa độ của các trụ turbine gió 3
Bảng 4. Quy mô các hạng mục công trình tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3..... 9
Bảng 5. Kết quả thử nghiệm nước biển ven bờ thị xã Duyên Hải năm 2023 15
Bảng 6. Kết quả thử nghiệm nước biển ven bờ thị xã Duyên Hải năm 2023 (tt)16
Bảng 7. Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường không khí thị xã Duyên Hải năm 2023 17
Bảng 8. Thông tin lấy mẫu không khí xung quanh..... 17
Bảng 9. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh Nhà máy 18
Bảng 10. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại 31
Bảng 11. Danh mục thiết bị, phương tiện PCCC..... 36
Bảng 12. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 41
Bảng 13. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý 45
Bảng 14. Thông tin lấy mẫu quan trắc môi trường năm 2022 46
Bảng 15. Kết quả quan trắc điện từ trường năm 2022 46
Bảng 16. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2022 (đợt 1) 47
Bảng 17. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2022 (đợt 2) 47
Bảng 18. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2022 (đợt 3) 47
Bảng 19. Thông tin lấy mẫu quan trắc môi trường năm 2023 48
Bảng 20. Kết quả quan trắc điện từ trường năm 2023 48
Bảng 21. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2023 (đợt 1) 49
Bảng 22. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2023 (đợt 2) 49
Bảng 23. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2023 (đợt 3) 50
Bảng 24. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2023 (đợt 4) 50

Bảng 25. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ..... 51

DANH MỤC HÌNH

Trang

Hình 1. Vị trí 12 trụ turbine gió 4
Hình 2. Vị trí địa lý Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3..... 5
Hình 3. Vị trí hướng tuyến đường dây 110kV 6
Hình 4. Sơ đồ tổng quan các hạng mục công trình thuộc Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 9
Hình 5. Sơ đồ tổng quan về công nghệ sản xuất điện..... 11
Hình 6. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa chảy tràn 19
Hình 7. Cống thu gom, thoát nước mưa Khu Trạm biến áp, nâng áp 22/110kV 21
Hình 8. Cống thu gom, thoát nước mưa Khu nhà O&M 22
Hình 9. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt..... 23
Hình 10. Sơ đồ công trình xử lý nước thải sinh hoạt 25
Hình 11. Các loại thùng chứa CTRSH..... 27
Hình 12. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại 30
Hình 13. Các biển báo các khu vực nguy hiểm 33
Hình 14. Bể chứa dầu sự cố tại Nhà máy..... 34
Hình 15. Kho chứa hóa chất..... 35
Hình 16. Thiết bị, công trình PCCC tại Nhà máy 38
Hình 17. Vị trí lắp đặt turbine theo ĐTM 44
Hình 18. Vị trí lắp đặt turbine tại thời điểm lập báo cáo 44
Hình 19. Sơ đồ vị trí lấy mẫu quan trắc nước thải sau xử lý 52

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG REE**

+ Địa chỉ văn phòng: số 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

+ Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quang Quyền. Chức vụ: Giám đốc.

+ Mã số doanh nghiệp: 0316514160, cấp ngày 30/9/2020

- Tên đơn vị tiếp nhận và quản lý: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH** (viết tắt REE TRÀ VINH)

+ Địa chỉ văn phòng: Khu nhà điều hành Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3, ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

+ Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quang Quyền. Chức vụ: Giám đốc

+ Điện thoại: 02943 900 868

- Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký đầu tư: Mã số dự án 2881811743, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 4 ngày 29/12/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100673348, đăng ký lần đầu ngày 24/02/2022, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 06/10/2023.

- Nghị quyết hội đồng quản trị số 25/2023/NQ-HĐQT-REE ngày 31/7/2023 của Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh.

- Mã số thuế: 2100673348

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 - TẠI VỊ TRÍ V 1-3**

- Địa điểm cơ sở: Xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Vị trí thực hiện các hạng mục công trình thuộc Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 cụ thể như sau:

+ **Khu vực các hạng mục công trình trên bờ *(Khu văn phòng điều hành và trạm biến áp, nâng áp 22/110kV)***: xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, nằm về phía Tây của khu vực xây dựng Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V1-3, có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp với đường nhựa và đất trồng hoa màu
- Phía Đông giáp với rừng phòng hộ
- Phía Nam giáp với đất nhà máy nước xã Trường Long Hoà và đất trống
- Phía Tây giáp đất trồng hoa màu

Tọa độ góc ranh các điểm khống chế khu đất thực hiện Khu vực các hạng mục công trình trên bờ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. Tọa độ giới hạn Khu vực các hạng mục công trình trên bờ

Ký hiệu điểm tọa độ	**Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^o**	
	X (m)	**Y (m)**
1	1068756.5176	617926.6239
2	1068808.6350	617951.1470
3	1068793.9490	617946.8150
4	1068772.5880	617942.2720
5A	1068759.3115	617962.9061
5	1068755.7270	617968.4770
6	1068748.9280	617982.2330
7	1068643.012	617952.4700
8	1068660.6860	617880.2820
9	1068690.2580	617880.3120
10	1068720.9220	617893.4440
10A	1068775.7448	617904.3976
11	1068667.4080	617852.8310
11A	1068685.3399	617857.1132

Nguồn: Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh, 2024

+ ***Khu vực lắp đặt turbine gió trên biển***: xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ ranh giới khu vực turbine gió và các trụ turbine *(tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^o)* được thể hiện trong các bảng sau:

Bảng 2. Tọa độ của ranh giới khu turbine gió gần bờ

Mốc giới	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^o	
	X (m)	Y (m)
2.2A	1067801	618227
2.2B	1069789	618639
2.2C	1071667	618656
2.2D	1071627	621502
2.2E	1069414	621374
2.2F	1066909	620867

Nguồn: Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh, 2024

Bảng 3. Tọa độ của các trụ turbine gió

STT	Tên turbine	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^o	
		X (m)	Y (m)
1	TB-01	1070084.958	619018.320
2	TB-02	1069814.739	619148.937
3	TB-03	1069544.520	619279.554
4	TB-04-NEW	1096259.072	619337.547
5	TB-05	1069004.084	619539.788
6	TB-06	1068733.866	619670.405
7	TB-07	1068463.647	619801.022
8	TB-08	1068193.429	619931.640
9	TB-09	1067923.212	620061.257
10	TB-10	1067652.994	620191.874
11	TB-11	1067382.776	620322.492

STT	Tên turbine	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^o	
		X (m)	Y (m)
12	TB-12	1067112.558	620453.110

Nguồn: Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh, 2024

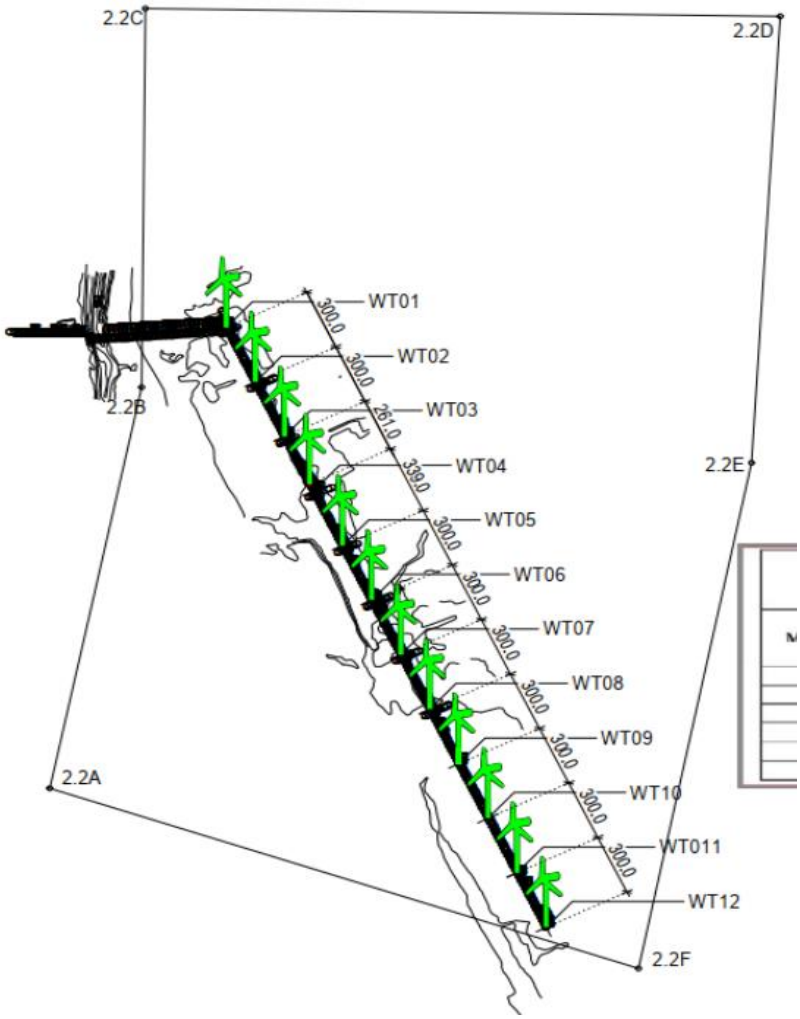
+ ***Cầu dẫn và Tuyến cáp ngầm 22kV***

++ Điểm đầu: Ranh giới dự án ngoài biển.

++ Điểm cuối: Trạm biến áp nâng áp 22/100kV của Nhà máy thuộc địa phận xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

++ ***Hạng mục đường dây đấu nối 110kV:*** xã Trường Long Hòa, xã Hiệp Thạnh thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

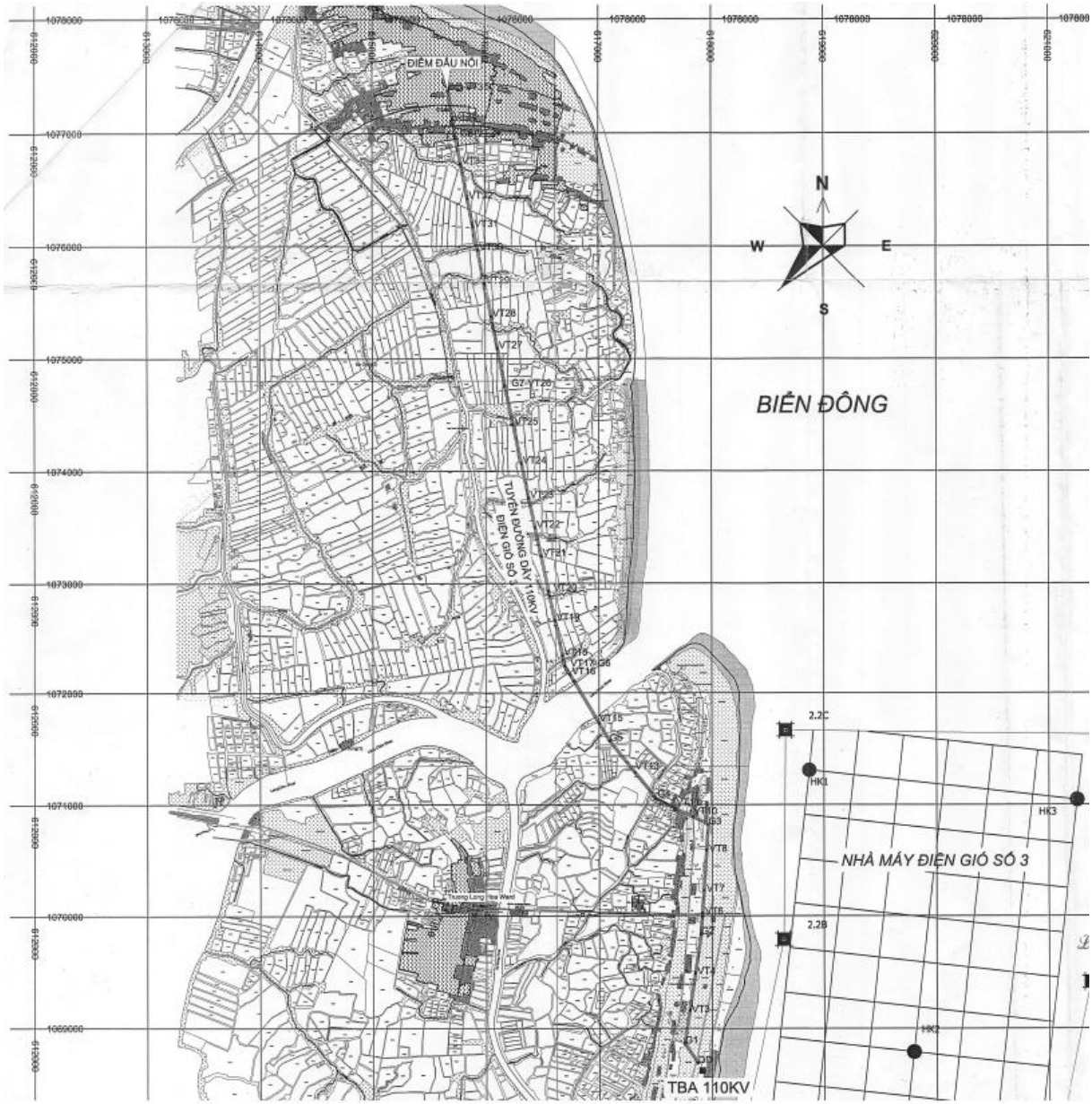
Vị trí của Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 được thể hiện trong các sơ đồ sau:



Hình 1. Vị trí 12 trụ turbine gió



Hình 2. Vị trí địa lý Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3



Hình 3. Vị trí hướng tuyến đường dây 110kV

- **<u>Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:</u>**

+ Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh.

+ Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3750/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh.

+ Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 501/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh.

+ Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc giao quyền sử dụng khu vực biển cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh.

+ Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh

về việc giao quyền sử dụng khu vực biển cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh.

+ Công văn số 934/BQLKKT-QHXDTNMT ngày 07/10/2021 của Ban Quản lý khu kinh tế về việc thống nhất điều chỉnh tổng mặt bằng dự án Nhà máy điện gió số 3.

+ Thông báo số 59/TB-ĐL ngày 27/10/2021 của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo – Bộ Công thương về việc chấp thuận nghiệm thu và đưa vào sử dụng dự án Nhà máy điện gió số 3.

+ Công căn số 1084/SXD-QLXD ngày 20/8/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc thông báo Dự án được miễn giấy phép xây dựng đối với công trình turbine gió và các hạng mục phụ trợ Nhà máy điện gió số 3.

+ Công căn số 1184/SXD-QLXD ngày 13/9/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc thông báo Dự án được miễn giấy phép xây dựng đối với Trạm biến áp 22/110kv và đường dây 110kv đấu nối.

+ Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc về việc cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh thuê 2.736,5 m^2 đất tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để thực hiện hạng mục cầu dẫn thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3.

+ Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thu hồi 4.567,6 m^2 đất, tọa lạc tại các xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, do Công ty tự nguyện trả lại đất để cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh thuê, tiếp tục thực hiện hạng mục móng trụ đường dây 110kV thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

+ Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh thuê 4.567,6 m^2 đất, tọa lạc tại các xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để tiếp tục thực hiện hạng mục móng trụ đường dây 110kV thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

+ Hợp đồng thuê đất số 23/HĐTĐ ngày 15/3/2023 được ký kết giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh với Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh

+ Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thu hồi 10.633,9 m^2 đất, tọa lạc tại các xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, do Công ty tự nguyện trả lại đất để cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh thuê, tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

+ Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh thuê 10.633,9 m^2 đất, tọa lạc tại các xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

+ Hợp đồng thuê đất số 44/HĐTĐ ngày 24/4/2023 được ký kết giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh với Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh.

- **Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và các giấy phép môi trường thành phần:**

+ Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá Tác động Môi trường của dự án Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

+ Giấy phép hoạt động điện lực số 121/GP-ĐTĐL ngày 21/10/2021 của Cục Điều tiết điện lực;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 87/TD-PCCC ngày 18/6/2021 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 301/TD-PCCC ngày 15/12/2020 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH

+ Công văn số 968/STNMT-QLMT ngày 13/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc đăng ký Sổ chủ nguồn thải CTNH của Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh.

- **Quy mô của Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3:**

+ Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật đầu tư công. Tổng vốn đầu tư là 2.331.046.448.700 đồng *(bằng chữ: Hai nghìn, ba trăm ba mươi mốt tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm đồng)*: Thuộc nhóm A theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

+ Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 thuộc nhóm II theo quy định tại tiểu mục 2 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 39 và Điểm c Khoản 3 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp giấy phép môi trường *(cấu trúc và nội dung Báo cáo được xây dựng theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)*.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

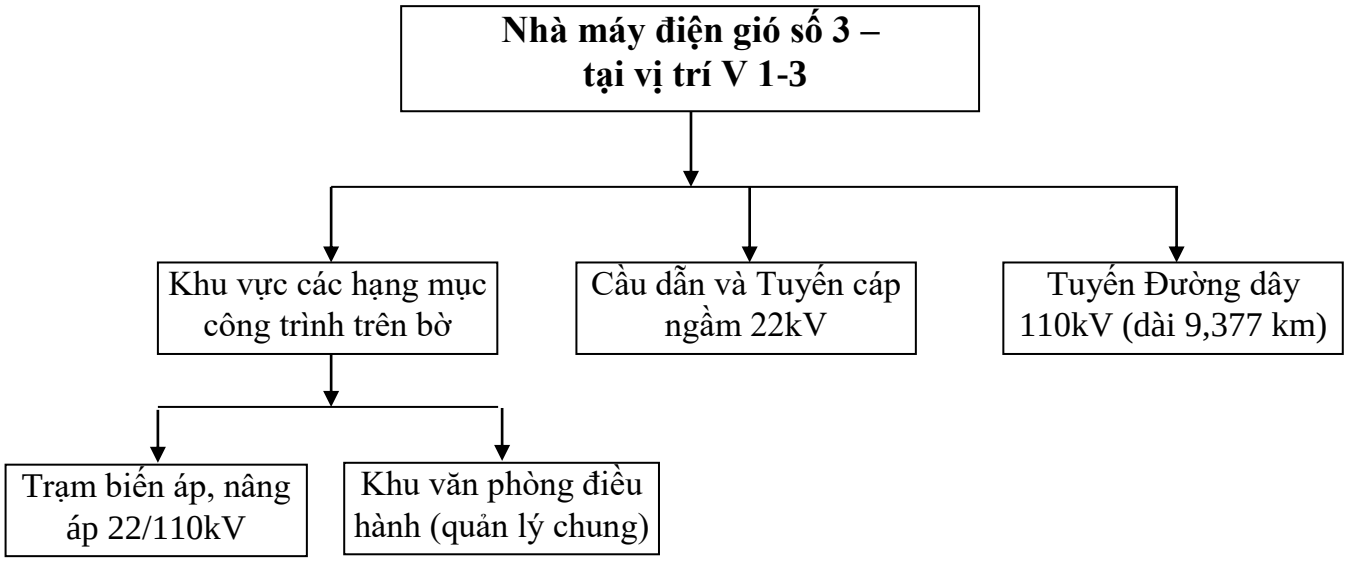
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Quy mô: Khu vực thực hiện Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 có diện tích là 280,5438 ha (tương đương 2.805.438 m^2), trong đó:

+ Diện tích sử dụng khu vực biển: 278,75 ha (tương đương 2.787.500 m^2)

+ Diện tích sử dụng đất: 1,7938 ha (tương đương 17.938 m^2)

Các hạng mục công trình thuộc Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 được thể hiện khái quát trong sơ đồ sau:



Hình 4. Sơ đồ tổng quan các hạng mục công trình thuộc Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3

Quy mô các hạng mục công trình tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 4. Quy mô các hạng mục công trình tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)
1	**Khu vực turbine gió gần bờ**	**2.787.500**
2	**Hạng mục công trình trên bờ**	**10.633,9**
1.1	***Trạm biến áp, nâng áp 22/110Kv***	
a	Khu vực đặt Trạm biến áp (theo trục hàng rào)	3.262,95
b	Phòng điều khiển	74,88
c	Phòng acquy	18,72
d	Phòng phân phối	103,68
e	Phòng scada	12,96

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)
f	Trạm bơm PCCC	18,5
g	Bể chứa nước PCCC	43,56
1.2	***Khu văn phòng điều hành (quản lý chung)***	
a	Văn phòng điều hành	420
b	Văn phòng O&M	40
c	Kho chính	100
d	Kho lạnh	50
e	Nhà ăn	30
f	Kho hóa chất	15
g	Kho chất thải nguy hại	15
h	Nhà xe	90
i	Nhà bảo vệ	2,25
1.3	***Đất cây xanh, sân, đường nội bộ***	***6.336,4***
3	***Tuyến Đường dây 110kV (dài 9,377 km)***	***4.567,6***
4	***Cầu dẫn và Tuyến cáp ngầm 22kV***	***2.736,5***

Nguồn: Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh, 2024

- Công suất hoạt động: 48 MW (bao gồm 12 turbine, mỗi turbine có công suất 4,0 MW)

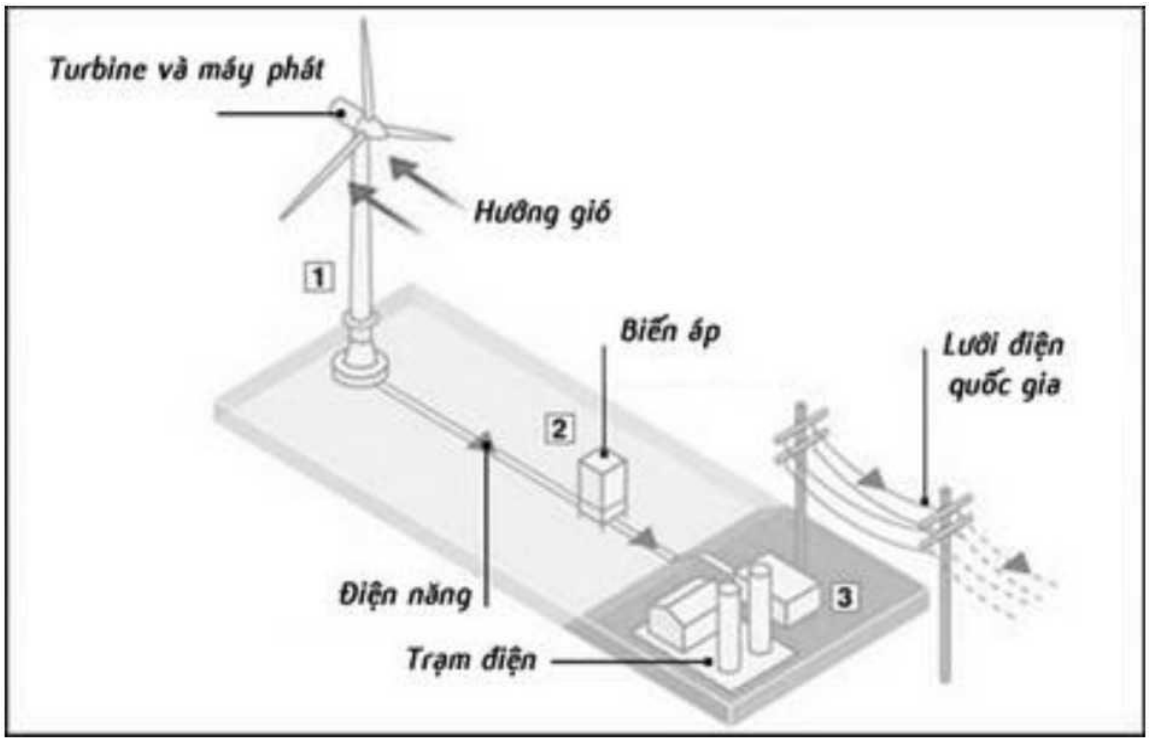
- Nhân viên làm việc tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 tối đa 17 người, bao gồm:

+ 13 nhân viên thuộc Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh

+ Tối đa 04 nhân viên thuộc đơn vị phụ trách bảo trì và sửa chữa turbine (Công Ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam).

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Công nghệ sản xuất điện từ turbine gió tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 5. Sơ đồ tổng quan về công nghệ sản xuất điện

**** Thuyết minh sơ đồ***

- Công nghệ phát điện của Nhà máy được sử dụng từ nguồn năng lượng gió. Qua tác động của sức gió sẽ làm quay turbine và phát sinh ra dòng điện.

- Tại các turbine, các thiết bị RTU (thiết bị thu thập tín hiệu dạng đầu cuối) kết nối đến các bộ điều khiển turbine và giao tiếp với chúng bằng cách sử dụng các giao thức điều khiển. Sau đó các RTU sẽ kết nối đến thiết bị Hub bằng cáp quang (thông qua wireless) và kết nối đến hệ thống điều khiển SCADA (hệ thống này có thể đặt tại văn phòng TED JSC và AVG) bằng đường internet. Modem sẽ kết nối giữa máy chủ điều khiển hệ thống SCADA trang trại gió và trạm biến áp nâng áp 22/110kV.

- Các máy phát của từng turbine gió sẽ phát điện 3 pha xoay chiều 720V. Từ đây, điện được đưa qua máy biến thế nâng áp lên 22kV - 4500kVA đặt cạnh chân tháp. Các máy nâng áp này sẽ được kết nối với nhau bằng cáp ngầm 22kV, đấu nối vào trạm biến áp nâng áp 22/110kV và được dẫn truyền đấu nối vào hệ thống điện quốc gia thông qua đường dây 110kV.

- Phương án đấu nối vào hệ thống điện quốc gia

+ Xây dựng TBA nâng áp 22/110kV Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3, công suất 1x63MVA và 02 ngăn xuất tuyến 110kV;

+ Xây dựng đường dây mạch kép, dây dẫn phân pha ACSR 2x240 mm^2 dài khoảng 9,377km từ trạm nâng áp 22/110kV Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 đấu nối transit lên 01 mạch của đường dây mạch kép 110kV nối từ Nhà máy điện

gió Hiệp Thạnh đi TBA 110kV Cầu Ngang (Nhà máy điện gió Hiệp Thạnh đấu nối transit lên đường dây 110kV Cầu Ngang - Duyên Trà).

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3: Dòng điện mang điện áp 110kV từ NLTT (gió), với tổng công suất khoảng 150 triệu kWh/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước

4.1. Nhu cầu nguyên liệu

Nguyên liệu chính cho hoạt động của Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 là tài nguyên gió cung cấp năng lượng để quay Turbine, sản xuất ra điện.

Theo *https://*globalwindatlas.*info* tài nguyên gió ở khu vực vùng biển ven bờ xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tại độ cao 100m luôn ở mức 6m/s, phù hợp với quy mô của cơ sở.

4.2. Nhu cầu nhiên liệu, nguồn cung cấp điện nước

a) Nhu cầu sử dụng nước

- Mục đích sử dụng:

+ Phục vụ sinh hoạt của 17 công nhân viên

+ Phục vụ nhu cầu tưới cây xanh trong khuôn viên Nhà máy

- Nguồn cung cấp: Trung tâm nước sạch và Vệ sinh Môi trường Nông thôn tỉnh Trà Vinh

- Nhu cầu sử dụng:

+ Phục vụ sinh hoạt: Trung bình khoảng 2,0 m^3/ngày (tương đương khoảng 60 m^3/tháng)

+ Phục vụ nhu cầu tưới cây xanh: Trung bình khoảng 3,0 m^3/ngày (tương đương khoảng 90 m^3/tháng)

b) Nhu cầu sử dụng điện

- Mục đích và nhu cầu sử dụng:

+ Vận hành máy móc, thiết bị tại khu vực Trạm biến áp, văn phòng, khu sinh hoạt nhân viên: trung bình khoảng 400 Kwh/tháng. Nguồn cung cấp: Công ty Cổ phần phát triển điện Trà Vinh

+ Vận hành turbine gió, trong trường hợp vận tốc gió quá thấp, không đủ vận hành các turbin: Dao động trong khoảng 20.000 – 30.000 Kwh/tháng. Nguồn cung cấp: Công ty Điện lực Trà Vinh – Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.1. Về mục đích sử dụng đất

- Các thửa đất thực hiện xây dựng Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 đều do Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh làm chủ sở hữu, với mục đích sử dụng đất là **ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG**, cụ thể như sau:

- Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc về việc cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh thuê 2.736,5 m^2 đất tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để thực hiện hạng mục cầu dẫn thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3.

- Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thu hồi 4.567,6 m^2 đất, tọa lạc tại các xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, do Công ty tự nguyện trả lại đất để cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh thuê, tiếp tục thực hiện hạng mục móng trụ đường dây 110kV thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

- Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh thuê 4.567,6 m^2 đất, tọa lạc tại các xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để tiếp tục thực hiện hạng mục móng trụ đường dây 110kV thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

- Hợp đồng thuê đất số 23/HĐTĐ ngày 15/3/2023 được ký kết giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh với Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh

- Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thu hồi 10.633,9 m^2 đất, tọa lạc tại các xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, do Công ty tự nguyện trả lại đất để cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh thuê, tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

- Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh thuê 10.633,9 m^2 đất, tọa lạc tại các xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

- Hợp đồng thuê đất số 44/HĐTĐ ngày 24/4/2023 được ký kết giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh với Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh.

1.2. Về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 về phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Điện gió được xem là một trong những nguồn cung bổ sung đáng kể, trong khi Việt Nam có nhiều thuận lợi trong việc khai thác nguồn năng lượng này.

- Với mục tiêu đáp ứng nhu cầu điện, đảm bảo an ninh năng lượng, đa dạng hóa nguồn điện và cung cấp điện ổn định, tin cậy, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước, ngày 17/11/2022 Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về "Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" xác định xác định ngành công nghiệp năng lượng là 1 trong 6 ngành công nghiệp nền tảng cần được ưu tiên phát triển nhất là phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới. Như vậy phát triển điện gió ngoài khơi được Việt Nam xác định là lĩnh vực phát triển đột phá trong chuyển dịch năng lượng bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

- Vì vậy việc đầu tư và đưa vào vận hành Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 là hết sức cần thiết, phù hợp với chính sách phát triển năng lượng của nước ta và là xu thế của thế giới. Đây sẽ là bước khởi đầu quan trọng trong việc sử dụng và phát triển nguồn năng lượng gió tại Việt Nam, tăng nguồn phát điện tại chỗ, góp phần cải thiện điện áp và tăng thêm độ an toàn cung cấp điện áp cho các Khu Công nghiệp, Khu Kinh tế của tỉnh Trà Vinh. Hơn nữa, sau khi dự án Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 hoạt động, khu vực này sẽ trở thành địa điểm nổi tiếng tại thị xã Duyên Hải, tạo cảnh quan mới, thu hút khách du lịch, góp phần vào chiến lược phát triển du lịch của thị xã Duyên Hải nói riêng và tỉnh Trà Vinh nói chung.

Ngoài ra, quá trình hoạt động của Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 còn phù hợp với một số quy định của pháp luật và các quy hoạch có liên như:

- Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 13309/QĐ-BCT ngày 04/12/2015 của Bộ Công Thương: phê duyệt Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030;

- Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030;

- Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 19/05/2016 của Bộ Công thương: phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà vinh giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV;

- Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh: Phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến 2035 – Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung thế và hạ áp sau các trạm 110kv.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước nước biển ven bờ

Theo nội dung Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2023, chất lượng nước viển ven bờ khu vực lân cận Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 như sau:

Bảng 5. Kết quả thử nghiệm nước biển ven bờ thị xã Duyên Hải năm 2023

Stt	Thông số	Đơn vị	B_1			QCVN 10:2023/BTNMT *(Vùng biển ven bờ)*
			Tháng 1/2023	Tháng 3/2023	Tháng 5/2023	
1	pH	-	7,90	7,58	7,50	6,5 - 8,5
2	DO	mg/L	6,46	**4,53**	**4,85**	≥ 5
3	TSS	mg/L	**350,0**	**361,3**	**149,2**	50
4	NH_4^+-N	mg/L	**0,13**	**0,20**	**0,12**	0,1
5	Dầu mỡ khoáng	mg/L	0,3	0,6	KPH	5,0
6	As	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,02
7	Hg	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,0005
8	Fe	mg/L	**5,560**	**7,540**	**0,720**	0,5
9	Cr	mg/L	KPH	**0,31**	KPH	0,1
10	Zn	mg/L	0,08	0,09	0,07	0,1
11	Cd	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,005
12	Cu	mg/L	**0,04**	**0,04**	**0,04**	0,02
13	Phenol	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,03
14	DDT_s	µg/L	KPH	KPH	KPH	1,0
15	Coliform	MPN/ 100mL	$9,3.10^2$	$4,3.10^2$	$4,3.10^1$	1.000

Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh, đợt tháng 5

năm 2023

Bảng 6. Kết quả thử nghiệm nước biển ven bờ thị xã Duyên Hải năm 2023 (tt)

Stt	Thông số	Đơn vị	B_7			QCVN 10:2023/BTNMT *(Vùng biển ven bờ)*
			Tháng 1/2023	Tháng 3/2023	Tháng 5/2023	
1	pH	-	7,83	7,51	7,63	6,5 - 8,5
2	DO	mg/L	5,25	**4,94**	**4,32**	≥ 5
3	TSS	mg/L	**342,7**	**741,0**	**252,8**	50
4	NH_4^+-N	mg/L	**0,19**	**0,15**	**0,14**	0,1
5	Dầu mỡ khoáng	mg/L	0,7	0,7	0,5	5,0
6	As	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,02
7	Hg	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,0005
8	Fe	mg/L	**1,876**	**10,555**	0,191	0,5
9	Cr	mg/L	0,07	**0,20**	KPH	0,1
10	Zn	mg/L	0,08	**0,13**	0,08	0,1
11	Cd	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,005
12	Cu	mg/L	**0,04**	**0,05**	**0,17**	0,02
13	Phenol	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,03
14	DDT_s	µg/L	KPH	KPH	KPH	1,0
15	Coliform	MPN/ 100mL	$9,3.10^1$	$4,3.10^2$	$2,4.10^2$	1.000

Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh, đợt tháng 5 năm 2023

**** Ghi chú:***

- B_1: lấy mẫu tại Khu du lịch biển Ba Động, xã Trường Long Hoà, thị xã Duyên Hải

- B_7: lấy mẫu tại Khu vực Cảng biển, thị xã Duyên Hải

**** Nhận xét chung:*** Nước biển ven bờ khu vực thị xã Duyên Hải 06 tháng đầu năm 2023 có chất lượng tương đối tốt, cụ thể:

- Đa số (07 - 09/15) các thông số thử nghiệm đều có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển (vùng biển ven bờ)

- Tuy nhiên, vẫn còn một vài thông số vượt giới hạn cho phép, trong đó có

3 thành phần ô nhiễm chủ yếu trong nước biển ven bờ khu vực thị xã Duyên Hải là TSS, NH_4^+-N và Fe.

- Bên cạnh đó, quá trình hoạt động sản xuất điện tại các turbine gió thuộc Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 hoàn toàn không phát sinh nước thải công nghiệp. Từ đó hoàn toàn không gây sức ép đến chất lượng nước biển ven bờ tại khu vực turbine và các khu vực lân cận.

2.2. Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường không khí

- Theo nội dung Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2023, chất lượng môi trường không khí khu vực lân cận Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 như sau:

Bảng 7. Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường không khí thị xã Duyên Hải năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	K_{30}			QCVN 05:2023/ BTNMT
			Tháng 1/2023	Tháng 3/2023	Tháng 5/2023	
1	Tiếng ồn	dBA	63,5	63,7	64,7	70(*)
2	Bụi lơ lửng	µg/m^3	121	103	205	300
3	SO_2	µg/m^3	21,3	18,3	13,0	350
4	NO_2	µg/m^3	6,0	6,0	9,7	200
5	CO	µg/m^3	KPH	7.130	6.676	30.000

Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh, đợt tháng 5 năm 2023

**** Ghi chú:*** K_{30} lấy mẫu tại Khu du lịch sinh thái biển Ba Động

**** Nhận xét chung:*** Chất lượng không khí tại vị trí quan trắc thuộc khu vực thị xã Duyên Hải 06 tháng đầu năm 2023 tốt, 05/05 thông số quan trắc có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cụ thể như sau:

Bảng 8. Thông tin lấy mẫu không khí xung quanh

STT	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Ngày lấy mẫu
1	Khu vực turbine gần bờ	KK4	16/01/2024

STT	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Ngày lấy mẫu
2	Khu vực trạm biến áp	KK5	16/01/2024
3	Khu vực nhà dân gần khu vực turbine gần bờ	KK6	16/01/2024

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Kết quả quan trắc: Thực hiện lấy mẫu trong điều kiện Nhà máy đang hoạt động, kết quả như sau:

Bảng 9. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh Nhà máy

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2023/ BTNMT
			KK10	KK11	KK12	
1	Tiếng ồn (*)	dBA	-	-	53,7	70(*)
2	SO_2	mg/Nm^3	0,070	0,083	-	0,35
3	NO_2	mg/Nm^3	0,081	0,096	-	0,2
4	CO	mg/Nm^3	5,76	5,97	-	30
5	NH_3	$\mu g/Nm^3$	KPH	KPH	-	42
6	H_2S	$\mu g/Nm^3$	KPH	KPH	-	200

Ghi chú: Giá trị (*): áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT, đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ;

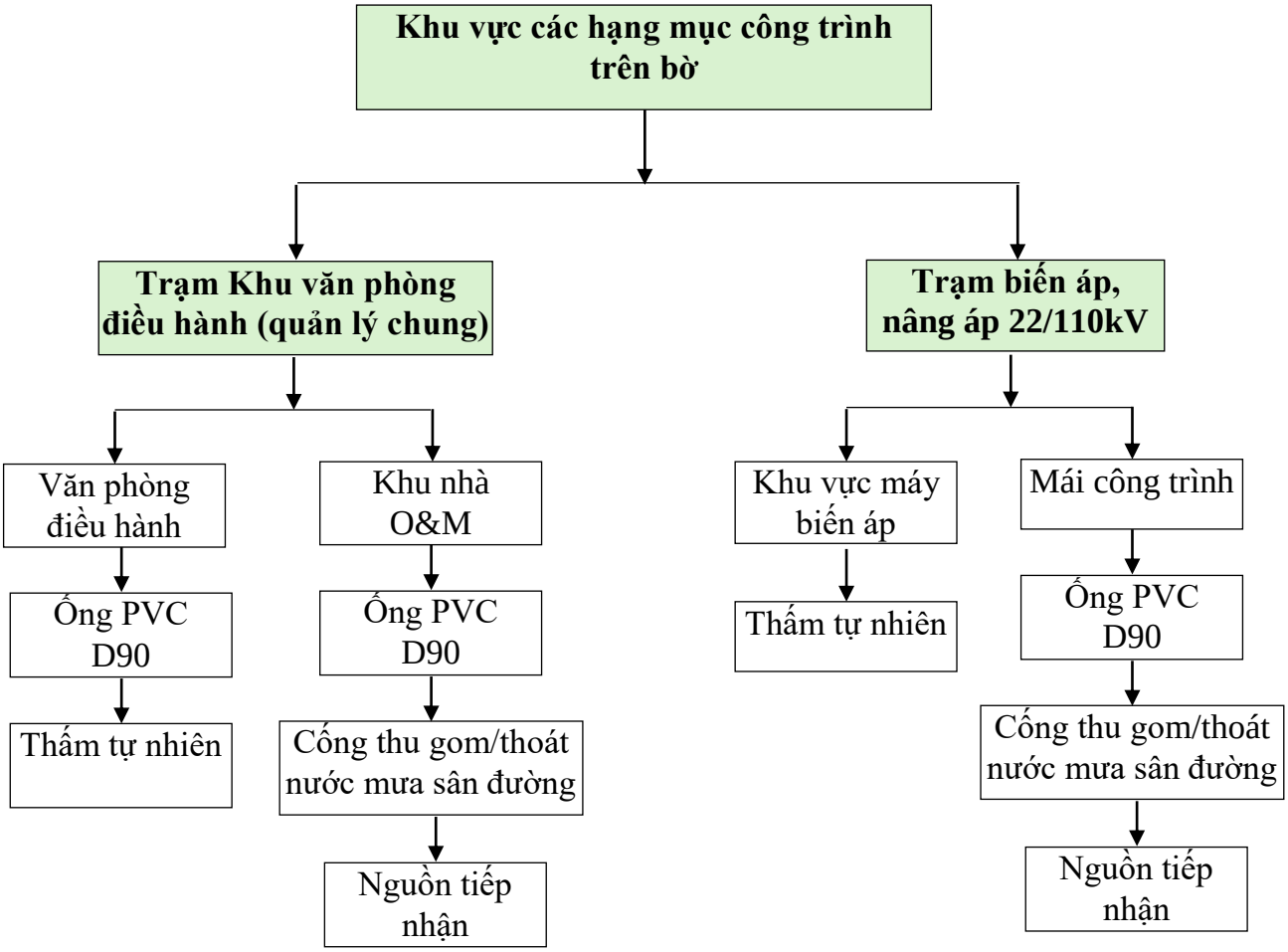
Nhận xét: Theo số liệu quan trắc tại 03 vị trí lấy mẫu cho thấy, môi trường không khí xung quanh các hạng mục công trình thuộc Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 có chất lượng tốt, tất cả các thông số đều đạt giới hạn cho phép quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hiện trạng xung quanh Khu vực các hạng mục công trình trên bờ thuộc Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 chưa có hệ thống cống thoát nước công cộng, trong khu vực có nền công trình chủ yếu là đất cát, diện tích đất trống, đất cây xanh tương đối cao, … nên phương án nước mưa tự thấm vào nền đất được ưu tiên áp dụng.



Hình 6. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa chảy tràn

Các công trình thu gom nước mưa chảy tràn tại Nhà máy đã được đầu tư xây dựng và hoàn thành cụ thể như sau:

a) Công trình thu gom nước mưa

a.1) Công trình thu gom nước mưa tại khu vực Trạm biến áp, nâng áp 22/110kV

- Nước mưa chảy tràn khu vực sân (Khu vực máy biến áp, khu vực cây xanh) được thấm tự nhiên xuống nền trạm.

- Nước mưa chảy tràn phần mái công trình: Được thu gom vào đường ống PVC D90, độ dốc hướng về phễu thu nước và cuối cùng được dẫn xuống tuyến cống thu gom/thoát nước mưa sân đường.

- Bố trí 08 phễu thu nước, tại mỗi phễu đều bố trí cầu chắn rác.

- Nước mưa phần mương cáp: Tự thấm xuống nền công trình và hoàn toàn không đấu nối vào tuyến cống thu gom/thoát nước mưa sân đường .

- Nước mưa chảy tràn khu vực sân, đường bêtông: Được thu gom vào tuyến cống thu gom/thoát nước mưa sân đường chung.

- Ngoài ra, nước xả cặn bể chứa nước chữa cháy được xả thải ra tuyến cống thu gom/thoát nước mưa sân đường bằng đường ống PVC dy=150, với tổng chiều dài là 12m.

- Thông số kỹ thuật của tuyến cống thu gom/thoát nước mưa sân đường:

+ Vật liệu:

- Cống bêtông, đường kính dy=300. Tổng chiều dài: 152m
- Ống PVC D140. Tổng chiều dài: 35m

+ Dọc trên tuyến cống bố trí 11 hố ga thu nước mưa (kích thước: dài x rộng = 1.240mm x 1.240mm; cao độ đáy hố ga trung binh 1.200mm), với chức năng: Tách chất rắn có trong dòng chảy, điều hòa lưu lượng dòng chảy, đặc biệt vào thời điểm mưa to và kéo dài.

- Điểm thoát nước mưa chảy tràn tại khu Trạm biến áp, nâng áp 22/110kV:

+ Tên nguồn tiếp nhận: Hiện trạng tuyến đường nhựa tiếp giáp Nhà Máy chưa có hệ thống cống công cộng, nên nước mưa chảy tràn được thoát ra khu vực xung quanh tại vị trí tiếp giáp với tuyến đường nhựa.

+ Tọa độ điểm thoát nước mưa (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^o): X = 10668669; Y = 617847

(đính kèm Phụ lục mặt bằng thu gom, thoát nước mưa chảy tràn tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3)



Hình 7. Cống thu gom, thoát nước mưa Khu Trạm biến áp, nâng áp 22/110kV

a.2) Công trình thu gom nước mưa Khu văn phòng điều hành (quản lý chung)

** Công trình thu gom nước mưa Khu nhà O&M*

- Nước mưa chảy tràn phần mái công trình: Được thu gom vào đường ống PVC D90, độ dốc hướng về phễu thu nước và cuối cùng được dẫn xuống tuyến cống thu gom/thoát nước mưa sân đường.

- Nước mưa chảy tràn khu vực sân, đường bêtông: Được thu gom vào tuyến cống thu gom/thoát nước mưa sân đường.

- Thông số kỹ thuật của tuyến cống thu gom nước mưa sân đường:

+ Vật liệu: ống PVC D125

+ Tổng chiều dài: 08m

- Thông số kỹ thuật của tuyến cống thoát nước mưa sân đường:

+ Vật liệu: ống PVC D400

+ Tổng chiều dài: 23m

- Dọc trên tuyến cống bố trí 03 hố ga thu nước mưa (kích thước: dài x rộng = 1.240mm x 1.240mm)

- Điểm thoát nước mưa chảy tràn tại Khu nhà O&M và một phần khu vực sân đường nội bộ (đoạn dẫn từ cổng chính vào Khu nhà O&M):

+ Tên nguồn tiếp nhận: Nước mưa chảy tràn được thoát ra khu vực đất trống, đất rừng phòng hộ tiếp giáp Nhà máy về phía Đông.

+ Tọa độ điểm thoát nước mưa (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^o): X = 1068692; Y = 617968

(đính kèm Phụ lục mặt bằng thu gom, thoát nước mưa chảy tràn tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3)



Hình 8. Cống thu gom, thoát nước mưa Khu nhà O&M

** Công trình thu gom nước mưa Văn phòng điều hành*

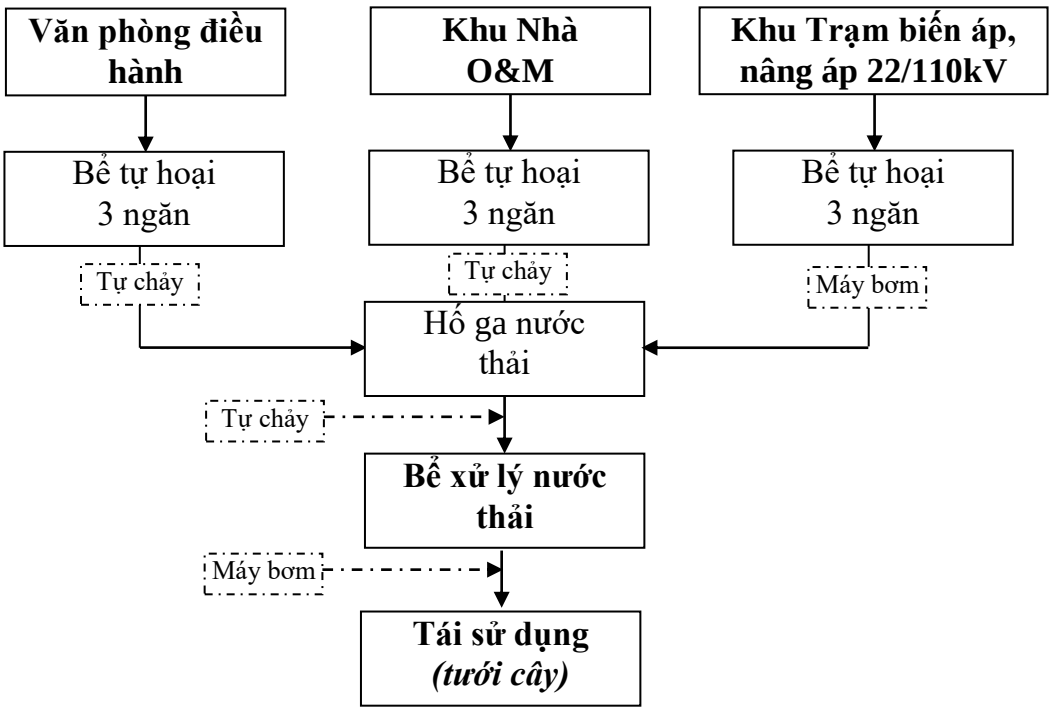
- Nước mưa chảy tràn phần mái công trình: Được thu gom vào đường ống PVC D90, độ dốc hướng về phểu thu nước và cuối cùng được dẫn xuống xả tự do (được thấm tự nhiên xuống nền công trình, khu đất trống trồng cây xanh)

- Nước mưa chảy tràn phần sân đường nội bộ: Khu vực sân đường nội bộ có độ dốc hướng về khu đất cây xanh, nước mưa chảy tràn được chảy tự do và thấm tự nhiên.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a) Công trình thu gom nước thải

- Giải pháp thu gom và thoát nước thải sinh hoạt tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 cụ thể như sau:



Hình 9. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt

**** Thuyết minh sơ đồ:*** Các loại ống thu gom nước thải phát sinh tại các nhà vệ sinh đều tương tự nhau, cụ thể như sau:

- Nước thải phát sinh từ chậu tiểu nam, lavabo, phễu thu sàn, được gom vào đường ống PVC D42, D60 và dẫn về ống thu gom chung là PVC D90, sau đó được gom về xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn.

- Nước thải phát sinh từ bệ xí, được thu gom về xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn bằng đường ống PVC D114.

- Nước thải sau các hầm tự hoại được thu gom về Bể xử lý nước thải bằng đường ống PVC D90 (tổng chiều dài khoảng 115m), phương thức tự chảy.

- Riêng khu vực Nhà điều khiển TPP, nước thải sau hầm tự hoại được bơm bằng máy bơm nước thải (tuyến ống PVC D27, tổng chiều dài khoảng 61m) về hố ga T01. Từ hố ga T01, nước thải tiếp tục được thu gom về Bể xử lý nước thải bằng đường ống PVC D90 theo phương thức tự chảy.

- Trên tuyến ống có bố trí 07 hố ga nước thải, nhằm điều hoà lưu lượng dòng chảy, phục vụ công tác kiểm tra hiện trạng hoạt động của tuyến ống này (kích thước mỗi hố: dài x rộng x sâu = 600mm x 600mm x 1.00mm).

b) Công trình thoát nước thải sau xử lý

- Nước thải sau xử lý tại Bể xử lý nước thải được tái sử dụng với mục đích tưới cây xanh bằng đường ống PVC D27.

- Phương thức: Bơm bằng máy bơm công suất 25 m^3/h

c) Điểm xả nước thải sau xử lý

- Nước thải sau xử lý được tái sử dụng và hoàn toàn không xả thải ra môi trường xung quanh.

1.3. Xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3: Nước thải sinh hoạt.

- Lưu lượng nước thải phát sinh trung bình khoảng 1,6 m^3/ngày (lưu lượng nước thải chiếm khoảng 80 % lưu lượng nước cấp)

a) Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: Hầm tự hoại 3 ngăn.

- Chức năng của công trình: Thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, trước khi được xử lý tại công trình xử lý nước thải tập trung.

- Công suất: Tại khu vực Nhà máy bố trí 03 hầm tự hoại với thể tích mỗi bể là 6,29 m^3 (Kích thước: dài x rộng x sâu = 2.540 x 1.650 x 1.500).

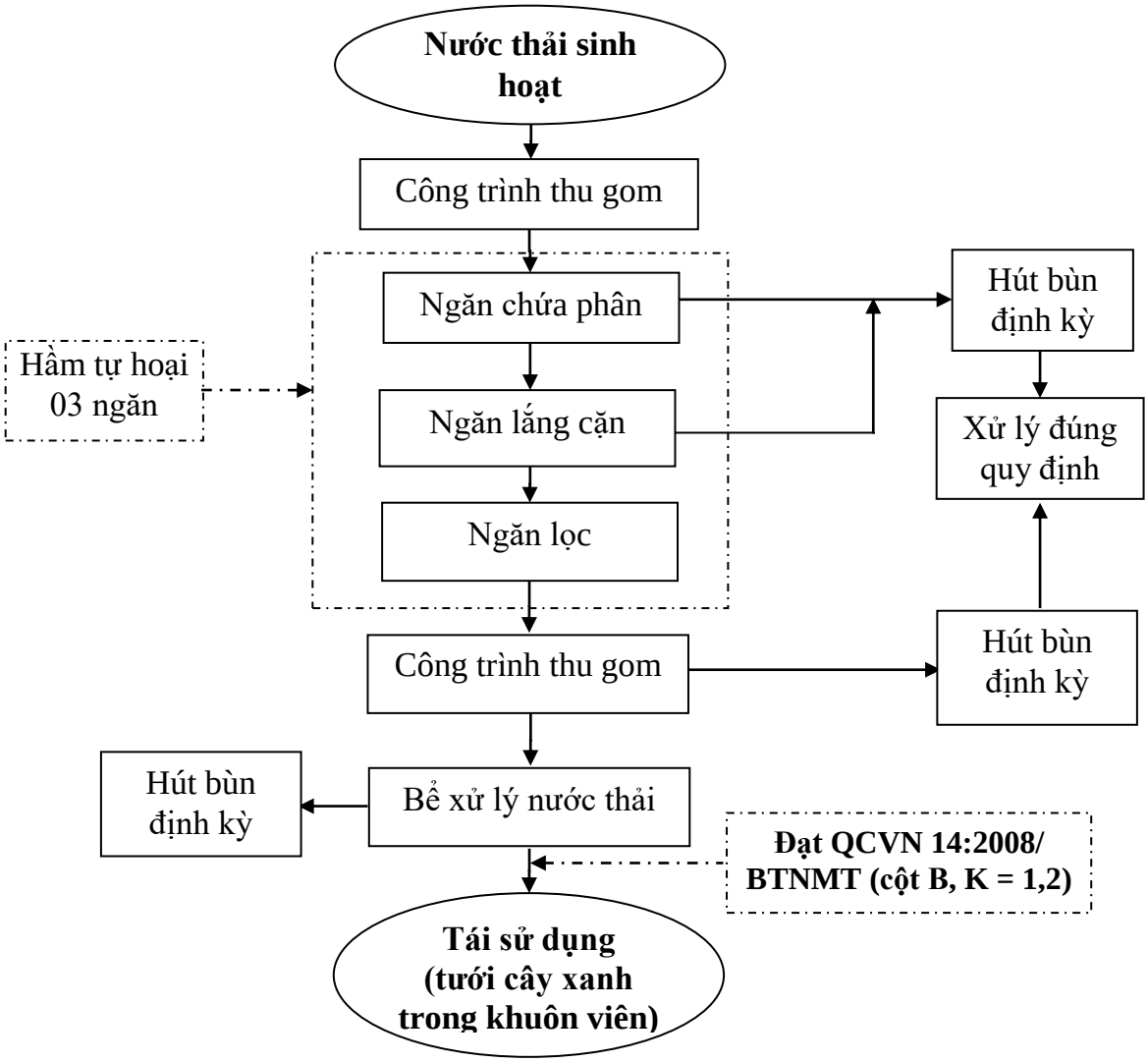
b) Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: Bể xử lý nước thải

- Chức năng của công trình: Xử lý tập trung 03 nguồn nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại.

- Công suất: Thể tích của Bể xử lý nước thải 5,62 m^3 (dài x rộng x sâu = 2.600 x 1.800 x 1.200).

- Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 10. Sơ đồ công trình xử lý nước thải sinh hoạt

**** Thuyết minh quy trình:***

- Ngăn chứa và phân hủy kỵ khí: Có thể tích tối thiểu chiếm ½ tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải. Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữa cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối. Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phần cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể và giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân hủy các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân hủy trong bể.

- Ngăn lắng: Thể tích của ngăn lắng chiếm ¼ tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân hủy của vi sinh vật.

- Ngăn lọc: Thể tích chiếm ¼ tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

Nước thải sau xử lý tại hầm tự hoại được thu gom vào mạng lưới ống thu gom nước thải, sau đó dẫn về xử lý tiếp tục tại công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung là Bể xử lý nước thải.

- Tại Bể xử lý nước thải, nước thải tiếp tục được xử lý bằng phương pháp lắng, lọc trước khi được tái sử dụng.

- Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT, khu vực chưa có mạng lưới cống thoát nước công cộng. Do đó, nước thải sinh hoạt sau xử lý được tái sử dụng vào mục đích tưới cây trong khuôn viên Nhà máy, hoàn toàn không xả thải ra môi trường xung quanh.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,2).

Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường 2020, khoản 2, 3 điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, nước thải sinh hoạt sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,2) trước khi được tái sử dụng vào mục đích tưới cây trong khuôn viên Nhà máy.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Nhìn chung, quá trình hoạt động của 12 turbine thuộc Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 hoàn toàn không phát sinh khí thải. Đối với các hạng mục công trình thuộc Khu vực các hạng mục công trình trên bờ, chỉ phát sinh khí thải từ các phương tiện giao thông:

Đây là nguồn thải gián đoạn và cục bộ, các tác động môi trường hầu như không đáng kể. Các biện pháp được áp dụng nhằm giảm thiểu tác động của khí thải cụ thể như sau:

- Thực hiện quy định "Tắt máy, xuống xe khi ra vào cổng".

- Thực hiện vệ sinh sân đường nội bộ, tần suất tối thiểu là 01 lần/ngày.

- Phần lớn khu vực sân và đường nội bộ được bêtông/nhựa hóa, qua đó giảm thiểu được bụi phát sinh từ mặt sân, đường.

- Thực hiện tăng cường diện tích cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên Nhà máy, nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu, hạn chế phát sinh bụi từ mặt đường, sân cát và hấp thụ một phần bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu trữ chất thải rắn

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí các loại thùng chứa CTR sinh hoạt tại các khu vực phát sinh chất thải, cụ thể như sau:

+ Thùng chứa CTR sinh hoạt bố trí tại khu vực các nhà vệ sinh, khu vực ăn uống, …: Loại thùng nhựa, có nắp đậy.

+ Thùng chứa CTR sinh hoạt bố trí dọc trên tuyến đường nội bộ: 03 thùng nhựa (Loại thùng nhựa, có nắp đậy, dung tích 240 lít), 01 xe gom rác (có nắp đậy, dung tích 660 lít).



Hình 11. Các loại thùng chứa CTRSH

b) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bố trí khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, với các thông số kỹ thuật cơ bản như sau:

+ Vị trí: Trong khu vực kho thiết bị

+ Diện tích: 2 m^2

+ Đảm bảo khoảng cách an toàn với các thiết bị được lưu chứa trong kho, không gây ảnh hưởng đến các hoạt động tại khu vực kho.

3.2. Công trình xử lý chất thải rắn

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Thực hiện tập kết CTR sinh hoạt đến thùng chứa rác công cộng trong khu vực.

- Tần suất thực hiện: 01 lần/ngày

b) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với các loại rác thải như bao bì/túi nilong, giấy vụn/giấy đã qua sử dụng: Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh thực hiện thu gom, cung cấp cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Đối với các loại rác thải như thùng carton, ballet: Đơn vị phụ trách bảo trì và sửa chữa turbine (Công Ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam) thực hiện thu gom về kho chứa bố trí tại khu vực lưu chứa thuộc Công Ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam và tái sử dụng, không thải bỏ ra môi trường xung quanh. Tần suất trung bình 01 tháng/lần.

3.3. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 5,1 kg/ngày (trung bình 0,3 kg/người/ngày). Thành phần chủ yếu bao gồm:

+ Loại không có khả năng phân hủy sinh học: Vỏ đồ hộp, vỏ lon, bao bì, chai nhựa,... chứa thức ăn, nước uống

+ Loại có hàm lượng chất hữu cơ cao, có khả năng phân hủy sinh học: Thức ăn thừa và một phần nhỏ chất thải từ vệ sinh sân đường nội bộ.

b) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu bao gồm: thùng carton, bao bì/túi nilong, giấy vụn/giấy đã qua sử dụng, ballet, ….

- Khối lượng phát sinh:

+ Đối với giấy vụn/giấy đã qua sử dụng phát sinh tại khu vực văn phòng: khối lượng phát sinh trung bình khoảng 05 - 10 kg/tháng.

+ Đối với các loại thùng carton, bao bì/túi nilong, ballet, … chỉ phát sinh vào các đợt bảo trì, sửa chữa thiết bị, tần suất phát sinh không thường xuyên và khối lượng phát sinh phụ thuộc vào khối lượng vật tư sử dụng.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 theo đúng quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

4.1. Công trình lưu trữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa đảm bảo các yêu cầu cơ bản như: có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng trong quá trình sử dụng; Có biển dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định. Số lượng cụ thể như sau:

+ Đối với CTNH ở thể rắn: Bố trí 04 thùng nhựa (dung tích 240 lít),

+ Đối với CTNH ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi: Bố trí 04 thùng phuy sắt (dung tích 200 lít), có nắp đậy kín.

- Khu vực lưu chứa CTNH: Bố trí 01 kho chứa, với kết cấu xây dựng cụ thể như sau:

+ Kết cấu: Sử dụng thùng container (loại thùng đã qua sử dụng), được thiết kế bằng sắt và có cường độ chịu lực tốt, … nên cơ bản đảm bảo được các yêu cầu về khu vực lưu chứa CTNH, cụ thể như:

- Mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào;
- Phần mái và vách đảm bảo che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

+ Thông số kỹ thuật: dài x rộng x cao = 2,44m x 6,06m x 2,59m, tổng diện tích khoảng 15 m^2 .

+ Bố trí đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.



Hình 12. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

4.2. Công trình xử lý chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, đảm bảo lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp.

- Thực hiện ký hợp đồng để chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý nguy hại phù hợp: Ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH SX TM DV Môi trường Việt Xanh

+ Công ty TNHH SX TM DV Môi trường Việt Xanh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý CTNH số 1-2-3-4-5-6.033.VX ngày 18/11/2020 (cấp lần 02).

+ Tần suất thu gom chất thải nguy hại: Tối đa 3 - 4 lần/năm.

4.3. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại

Thành phần và tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 10. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại	Khối lượng *(kg/năm)*
08 02 04	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Đ, ĐS	Rắn	KS	-
15 01 02	Bộ lọc dầu nhớt đã qua sử dụng	Đ, ĐS	Rắn	NH	33
16 01 13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Đ, ĐS	Rắn	NH	-
17 01 07	Các loại dầu thủy lực thải khác	Đ, ĐS, C	Lỏng	NH	286
17 02 04	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Đ, ĐS, C	Lỏng	NH	200
17 06 01	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	C, Đ, ĐS	Lỏng	NH	-
18 01 02	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Đ, ĐS	Rắn	KS	-
18 01 04	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Đ, ĐS	Rắn	KS	31
18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Đ, ĐS	Rắn	KS	1.000
19 05 04	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Đ, ĐS	Rắn	KS	-
Tổng cộng					***1.550***

Nguồn: Số liệu thống kê năm 2023

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

5.1. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

a) Biện pháp cụ thể cho công tác quản lý và vận hành trạm biến áp, nâng áp 22/110kV

- Chọn loại máy biến áp có tiếng ồn thấp;
- Các máy biến áp được đặt trong nhà được thiết kế chống ồn;
- Định kỳ bảo trì máy biến áp.

b) Biện pháp cụ thể cho khu vực turbine gần bờ

- Sử dụng mẫu turbine có độ ồn thấp. Kết quả tính toán mô hình lan truyền tiếng ồn cho thấy khu vực turbine gần bờ sẽ không gây ra ảnh hưởng tiếng ồn nghiêm trọng nào lên các đối tượng tiếp nhận gần đó;

- Turbine được bảo trì định kỳ; việc này cũng sẽ giúp đảm bảo thông số kỹ thuật về tiếng ồn phát sinh từ các turbine.

5.2. Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn

QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với công trình thu gom, xử lý nước thải

- Mạng lưới cống thu gom, thoát nước mưa và nước thải được xây dựng hoàn toàn riêng biệt, đảm bảo nước mưa chảy tràn không bị ô nhiễm chéo.

- Mạng lưới cống thu gom, thoát nước mưa và nước thải được thi công đúng yêu cầu kỹ thuật, độ dốc đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống đường ống thu gom, hố ga, … nhằm phát hiện và xử lý kịp thời khi phát sinh hư hỏng.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông dòng chảy các tuyến cống nhằm giảm thiểu tối đa sự cố tắc nghẽn.

- Thực hiện thuê đơn vị có chức năng thu gom bùn thải phát sinh từ các công trình xử lý nước thải sinh hoạt (hầm tự hoại), nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải của công trình.

6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Công nhân làm các công việc đặc thù (bảo trì và vận hành máy biến áp, turbine gió, đường dây 110kV) phải được đào tạo về các quy trình thao tác an toàn điện, điện từ trường, làm việc trên cao, làm việc trên mặt nước.

- Các công nhân được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ bảo hộ theo đúng quy định hiện hành.

- Bố trí các biển báo các khu vực nguy hiểm hoặc cách ly các công nhân và người dân không phận sự với những khu vực nguy hiểm (khu vực TBA, khu vực đang bảo trì turbine, khu vực bảo trì đường dây).

- Trang bị đầy đủ các thiết bị chống sét cần thiết.

- Theo dõi thông tin dự báo thời tiết hàng ngày. Xem xét tắt động cơ

turbine, ngừng các công việc vận hành và bảo trì ngoài trời trong các điều kiện thời tiết bất thường như mưa lớn, sóng lớn, sấm sét và bão.

- Bố trí nhân viên phụ trách ứng cứu khẩn cấp (cho tất cả các sự cố tai nạn lao động, cháy nổ, tràn đổ hóa chất, thảm họa tự nhiên). Đây là nhiệm vụ, trách nhiệm của từng nhân viên làm việc tại Nhà máy.



Hình 13. Các biển báo các khu vực nguy hiểm

6.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu

- Các biện pháp áp dụng nhằm ngăn ngừa sự cố tràn dầu từ khu vực máy biến áp:

+ Trong quá trình vận hành, nếu phát hiện máy biến áp có những biểu hiện bất thường như: Phát sinh tiếng động khác lạ, máy bị nóng quá mức, phát nóng cục bộ ở đầu cốt sứ hay bộ điều chỉnh điện áp hoạt động không ổn định thì phải tìm ra nguyên nhân ngay lập tức và báo cho cấp quản lý để đưa ra biện pháp xử lý cụ thể và kịp thời.

+ Bố trí nhân viên có đủ chuyên môn chịu trách nhiệm vận hành, theo dõi quá trình hoạt động của máy biến áp, từ đó phát hiện và xử lý nhanh chóng, kịp thời khi phát sinh sự cố.

+ Tập huấn và định kỳ diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu cho đội ứng cứu khẩn cấp và cán bộ, công nhân viên (hiện nay Đội PCCC cơ sở kiêm nhiệm công tác ứng cứu khi phát sinh sự cố).

+ Thường xuyên kiểm tra công tác quản lý khu vực chứa dầu và phòng ngừa, ứng phó tràn dầu.

- Công trình thu gom dầu tràn: Xây dựng 01 Bể chứa dầu sự cố, với các thông số kỹ thuật như sau:

+ Vật liệu xây dựng: Bằng bêtông cốt thép

+ Kích thước: dài x rộng x sâu = 6,75m x 4,5m x 3,5m, được chia thành 02 ngăn.

+ Đường ống thu gom: ống thép tráng kẽm D200, độ dốc i > 0,5%.

- Dung tích hố: 106,3 m^3

- Biện pháp xử lý khi phát sinh sự cố:

+ Khi phát sinh sự cố, toàn bộ phần dầu và nước nhiễm dầu được thu gom về Bể chứa dầu sự cố.

+ Bể chứa dầu sự cố được chia thành 02 ngăn, khi phát sinh sự cố phần dầu tràn và nước nhiễm dầu được thu gom về ngăn thứ nhất bằng đường ống thép tráng kẽm D200 và tiếp tục được dẫn qua ngăn thứ hai bằng ống phân ly PVC D140.

+ Thực hiện thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý dầu thải như CTNH theo đúng quy định.

+ Dầu tràn và nước nhiễm dầu hoàn toàn không dẫn thoát ra tuyến cống thoát nước trong khuôn viên Nhà máy và không xả thải ra môi trường xung quanh.



Hình 14. Bể chứa dầu sự cố tại Nhà máy

6.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn hóa chất

Các loại hóa chất được sử dụng trong quá trình vận hành của Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 chủ yếu là các loại dầu thủy lực, dầu động cơ, bôi trơn, … các biện pháp được áp dụng nhằm quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn các loại hóa chất này cụ thể như sau:

- Hóa chất được lưu trữ trong nhà kho, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Bố trí khu vực lưu chứa hóa chất: Bố trí 01 kho chứa, với kết cấu xây dựng cụ thể như sau:

+ Kết cấu: Sử dụng thùng container (loại thùng đã qua sử dụng), được thiết kế bằng sắt và có cường độ chịu lực tốt, …

- Mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào;
- Phần mái và vách đảm bảo che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ hóa chất.

+ Thông số kỹ thuật: dài x rộng x cao = 2,44m x 6,06m x 2,59m, tổng diện tích khoảng 15 m^2 .

+ Bố trí đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy;



Hình 15. Kho chứa hóa chất

- Có kế hoạch nhập, lưu chứa hóa chất với khối lượng/số lượng phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế.

- Thực hiện nghiêm ngặt công tác kiểm tra thùng chứa, thiết bị chứa hóa chất theo đúng quy định.

- Nhân viên tiếp xúc trực tiếp với hóa chất được tập huấn các biện pháp an toàn hóa chất.

6.5. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Thiết kế các hạng mục công trình phải được thẩm duyệt và cấp chứng nhận đảm bảo an toàn cháy nổ của cảnh sát PCCC. Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 đã được Phòng CS-PCCC và CNCH cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 301/TD-PCCC ngày 15/12/2020

- Các hạng mục công trình, bao gồm các thiết bị, hệ thống PCCC đã được thi công và nghiệm thu theo thiết kế được duyệt;

- Lập và trình cảnh sát PCCC phê duyệt phương án PCCC theo quy định;

- Bố trí đầy đủ các thiết bị, bình chữa cháy, đặc biệt tại các vị trí có nguy cơ cháy nổ cao;

- Tổ chức tập huấn và định kỳ diễn tập ứng phó sự cố cháy nổ cho Đội PCCC và CNCH cơ sở, cán bộ công nhân viên theo đúng quy định;

- Thành lập Đội PCCC và CNCH cơ sở bao gồm 11 người (theo quyết định số 40/2022/QĐ-CĐL ngày 16/5/2022).

- Thực hiện kiểm định các phương tiện, thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra công tác thực hiện Nội quy PCCC và hệ thống phòng chữa cháy.

- Các phương tiện, thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ được trang bị tại Nhà máy bao gồm:

Bảng 11. Danh mục thiết bị, phương tiện PCCC

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Hiện trạng sử dụng
1	Tủ trung tâm báo cháy (kèm chức năng điều khiển van tràn loại 24 kênh)	01 tủ	Hoạt động tốt, sẵn sàng ứng phó sự cố
2	Đầu báo cháy (khói và nhiệt)	19 cái	
3	Nút ấn và chuông báo cháy	03 cái	
4	Cáp và dây tín hiệu báo cháy	01 hệ thống	
5	Hệ thống chữa cháy bằng nước - Đường ống cấp nước chữa cháy - Trụ nước chữa cháy	01 hệ thống	

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Hiện trạng sử dụng
	- Dàn phun sương - Nhà trạm bơm - Bơm chữa cháy - Bể dự trữ nước chữa cháy		
6	Bình chữa cháy bằng khí CO_2, loại MT5	03 bình	
7	Bình chữa cháy xe đẩy bằng bột ABC, loại 24kg	02 bình	
8	Bình chữa cháy bằng bột ABC, loại MFZ8	01 bình	
9	Bình chữa cháy bằng bột ABC, loại MFZ24	02 bình	
10	Hệ thống chữa cháy bằng khí FM-200	01 hệ thống	

Nguồn: Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh, 2024







Hình 16. Thiết bị, công trình PCCC tại Nhà máy

6.6. Biện pháp đảm bảo an toàn điện

- Tập huấn cho nhân viên trực vận hành am hiểu, thuần thục về quy trình vận hành turbine, trạm biến áp, quản lý đường dây 110kV, … theo quy trình vận hành đã được phê duyệt.

- Lắp đặt hệ thống tiếp địa trên khu vực turbine, trạm biến áp, trụ đỡ đường dây 110kV theo quy định của ngành điện lực.

- Lắp đặt hệ thống chống sét tại tất cả các trụ turbine, sân phân phối và trụ đỡ đường dây 110kV theo quy định của ngành điện lực.

- Lắp đặt hệ thống giám sát, điều khiển, bảo vệ hoạt động trong quá trình sản xuất, truyền tải, nâng áp, hòa lưới.

- Đảm bảo các hệ thống lắp đặt đều vận hành tự động và kiểm tra, bảo trì theo chế độ hàng ngày và định kỳ.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1. Biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu tác động đến cảnh quan và tầm nhìn (khu vực turbine gió gần bờ)

- Các tia sáng phản xạ từ các cánh turbine được tạo ra do độ phản sáng, có thể được giảm thiểu bằng cách tối ưu hóa độ nhẵn của bề mặt cánh quạt cũng như sơn phủ bằng vật liệu ít phản xạ hơn;

- Chọn turbine gió tiên tiến nhất hiện có, turbine được thiết kế gọn gàng và nhỏ gọn, giảm tác động của dự án đến cảnh quan;

- Để hài hòa với cảnh quan chung của khu vực, các cột turbine gió được sơn màu xám nhạt để tạo môi trường thoải mái, dễ chịu và nhẹ nhàng cho những người sống xung quanh hoặc khi đến gần các cột turbine gió. Khoảng cách của mỗi turbine là 300 – 320 m để tránh gây rối loạn thị giác.

7.2. Biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái

a) Các biện pháp chung

- Tập huấn cán bộ công nhân viên về tất cả các quy tắc, quy định và thông tin liên quan đến việc bảo vệ đa dạnh sinh học, cũng như những hình thức kỹ luật nếu vi phạm. Cấm các hoạt động săn bắn đối với cán bộ công nhân viên;

- Tránh thu hút chim, đặc biệt là các loài chim ăn thịt, đến các nguồn thức ăn chẳng hạn như khu vực, thùng chứa chất thải tại các khu vực Nhà máy.

b) Biện pháp cụ thể cho đường dây 110KV

- Tạo hành lang an toàn về điện, đảm bảo khoảng cách từ đường dây điện đến khu vực có cây xanh, tránh tình trạng cây cối phát triển sát đường dây điện hay những loại thực vật dây leo phát triển trên đường dây điện.

- Trường hợp cây xanh ở ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không và ngoài thành phố, thị xã, thị trấn thì khoảng cách từ bộ phận bất kỳ của cây khi cây bị đổ đến bộ phận bất kỳ của đường dây không nhỏ hơn 1m (theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ, Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ)

- Các cột điện và dây điện đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, giảm thiểu rủi ro điện giật.

7.3. Biện pháp đảm bảo an toàn trong công tác quản lý, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị chuyên dụng tại Nhà máy

Tuân thủ các quy định cụ thể về các biện pháp an toàn trong công tác quản lý, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị chuyên dụng chủ yếu bao gồm:

- Biện pháp an toàn khi tiếp xúc với thiết bị điện. Biện pháp kỹ thuật về an toàn lao động theo đúng quy định của Luật số 84/2015/QH13 về An toàn, Vệ sinh Lao động, Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ, Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ.

- Biện pháp an toàn trong công tác quản lý, vận hành, sửa chữa; An toàn điện; An toàn tiếp xúc điện từ trường (đặc biệt áp dụng cho khu vực trạm biến áp và đường dây 110KV).

- Trang bị đầy đủ các loại thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động theo đúng

quy định. Tuân thủ quy định về thời gian làm việc tại khu vực có cường độ điện trường cao để đảm bảo an toàn.

- Công nhân viên thực hiện vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị chuyên dụng được huấn luyện, sát hạch về an toàn điện theo đúng quy định tại Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định.

- Trong quá trình vận hành, khi có sự cố hệ thống rơle bảo vệ tại mỗi turbine gió, trạm biến áp và trên tuyến đường dây sẽ tự động ngắt mạch hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự cố điện gây ra;

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng turbine gió, trạm và tuyến đường dây, kịp thời phát hiện, khắc phục các sự cố sụt lún, ngăn ngừa sự cố gãy trụ, đứt dây và phóng điện xảy ra.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 12. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Hạng mục công trình	Quy mô, công suất		Cơ sở pháp lý
		Theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi	
1	Diện tích đất và nước mặt sử dụng	Diện tích 1.225 ha	473,75 ha (khu vực biển là 278,75 ha)	Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh
2	Tuyến Đường dây 110kV (dài 9,377 km)	Diện tích chiếm đất vĩnh viễn của móng trụ: 3.872 m^2	Diện tích chiếm đất vĩnh viễn của móng trụ: 4.567,6 m^2	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh
3	Khu hành chính	Diện tích 731 m^2	Văn phòng điều hành: Diện tích 420 m^2	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh
4	Nhà kho	Diện tích 96 m^2	Cụm công trình Văn phòng O&M, Kho chính, Kho lạnh và nhà ăn: 220 m^2	
5	Nhà để xe	Diện tích 87 m^2	Diện tích 90 m^2	
6	Nhà bảo vệ	Diện tích 15,68 m^2	Diện tích 2,25 m^2	
7	Đất cây xanh, sân, đường nội bộ	Diện tích 4.118 m^2	Diện tích 6.336,4 m^2	
8	Khu vực đặt Trạm biến áp (theo trục hàng rào)	Diện tích 3.191 m^2	3.262,95 m^2	
9	Bể chứa dầu sự cố	Thể tích 40 m^3	Thể tích 106,3 m^3	
10	Kho chứa CTR công nghiệp	Diện tích 5 m^2	Không thực hiện xây dựng	

STT	Hạng mục công trình	Quy mô, công suất		Cơ sở pháp lý
		Theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt	**Nội dung thay đổi**	
11	Kho chứa CTNH	Diện tích 10 m^2	Diện tích 15 m^2	
12	Kho chứa hóa chất	-	Diện tích 15 m^2	
13	Máy phát điện dự phòng	- Bố trí 01 máy, công suất 20 KVA	Không thực hiện	-
14	Bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt	- Số lượng: 01 bể - Thể tích: 9 m^3	- Số lượng: 03 bể - Thể tích mỗi bể: 6,29 m^3	-
15	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	- Công suất: 7 m^3/ngày - Quy trình: nước thải sau hầm tự hoại ➔ hố thu gom kết hợp điều hòa ➔ bể sinh học hiếu khí ➔ bể sinh học màng MBR ➔ hố thự thấm (đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2)	- Bể xử lý nước thải tập trung: thể tích 5,62 m^3 - Quy trình: nước thải sau hầm tự hoại ➔ Bể xử lý nước thải (ngăn lắng, ngăn lọc) ➔ tái sử dụng vào mục đích tưới cây xanh (đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2)	

- Căn cứ theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá Tác động Môi trường của dự án Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3, hiện trạng các hạng mục công trình tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3, các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường *(thay đổi về quy mô và vị trí thực hiện các hạng mục công trình)* nhằm phù hợp với quy mô, công suất và công nghệ hoạt động của Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

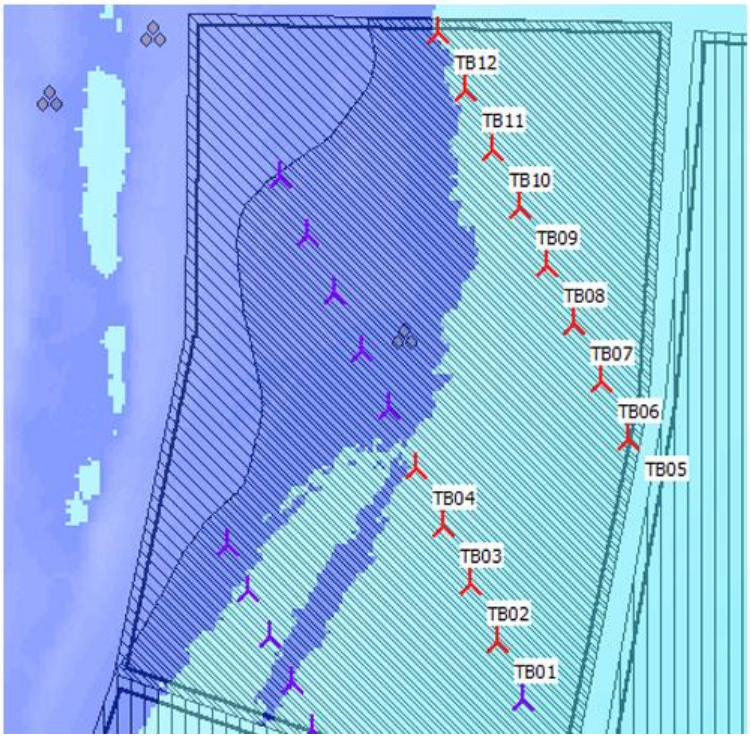
- Đối với các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Vẫn đảm bảo khả năng quản lý, xử lý triệt để các loại chất thải phát sinh trong quá trình vận hành Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

Riêng đối với hệ thống xử lý nước thải, do lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 rất ít, không đảm bảo cho quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải (công suất 7 m^3/ngày). Do đó, Nhà mày đã điều đỉnh phương án xử lý nước thải, nhằm phù hợp với tình hình phát sinh nước thải thực tế tại Nhà máy.

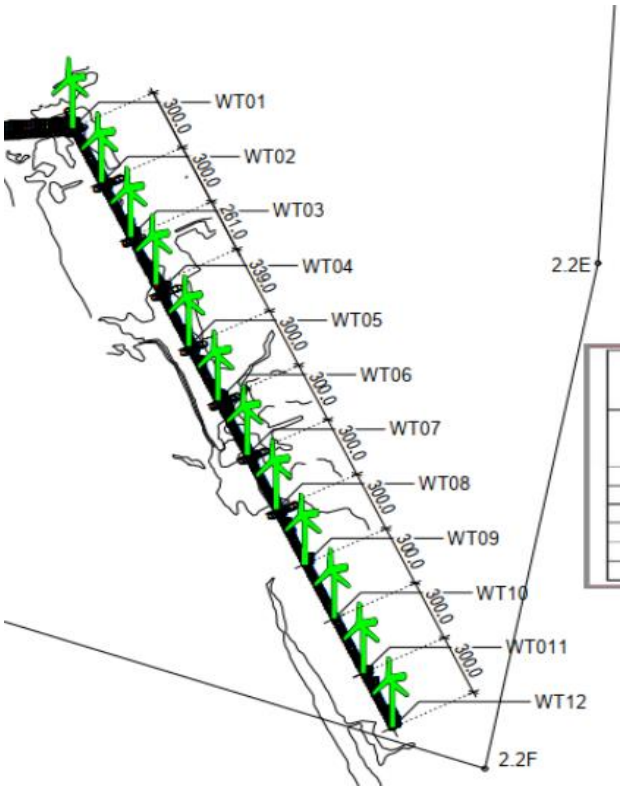
Theo kết quả quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt (năm 2022, 2023) tại Nhà máy cho thấy, nước thải sinh hoạt đã được xử lý đạt giới hạn cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột B; K = 1,2).

- Đối với 12 turbine: Không thay đổi về số lượng và công suất so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Tuy nhiên, thay đổi vị trí xây dựng các turbin, nhưng việc thay đổi vẫn đảm bảo các turbine nằm trong khu vực biển được giao theo Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh.



Hình 17. Vị trí lắp đặt turbine theo ĐTM



Hình 18. Vị trí lắp đặt turbine tại thời điểm lập báo cáo

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Nhà máy.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 1,6 m^3/ngày.

- Dòng nước thải: 01 dòng thải là dòng nước thải sau xử lý.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,2), cụ thể như sau:

Bảng 13. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT *(cột B, K = 1,2)*
1	pH	-	5 - 9
2	TSS	mg/l	120
3	BOD_5	mg/l	60
4	Amoni	mg/l	12
5	Nitrat	mg/l	60
6	Photphat	mg/l	12
7	Coliform	MPN/100ml	5.000

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý được tái sử dụng vào mục đích tưới cây xanh trong khuôn viên Nhà máy, hoàn toàn không xả thải ra môi trường xung quanh.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không có

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường năm 2022

Bảng 14. Thông tin lấy mẫu quan trắc môi trường năm 2022

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Ngày lấy mẫu
I	***Điện từ trường***		
1	Khu vực trạm biến áp	ĐTT.001	- Đợt 1: ngày 06/4/2022 - Đợt 2: ngày 18/7/2022 - Đợt 3: ngày 22/9/2022
2	Khu vực quản lý vận hành	ĐTT.002	
II	***Nước thải***		
1	Nước thải sinh hoạt đầu vào	NT.001	- Đợt 1: ngày 06/4/2022 - Đợt 2: ngày 18/7/2022 - Đợt 3: ngày 22/9/2022
2	Nước thải sinh hoạt đầu ra	NT.002	

1.1. Kết quả quan trắc điện từ trường

Bảng 15. Kết quả quan trắc điện từ trường năm 2022

Đợt quan trắc	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 25:2016/BYT
			ĐTT. 001	ĐTT. 002	
Đợt 1	Điện từ trường	kV/m	0,227	0,002	**< 5** **Thời gian tiếp xúc (phút): Không giới hạn**
Đợt 2	Điện từ trường	kV/m	0,602	0,0034	
Đợt 3	Điện từ trường	kV/m	0,909	0,003	

Ghi chú:

- QCVN 25:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc

- Thông tư số 25/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc

Nhận xét: Kết quả quan trắc điện từ trường năm 2022 tại các điểm quan trắc đều thấp hơn và đạt giới hạn quy định tại QCVN 25:2016/BYT (thời gian tiếp xúc không giới hạn).

1.2. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt

Bảng 16. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2022 (đợt 1)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT *(Cột B; K = 1,2)*
			NT.001	NT.002	
1	pH	-	6,9	6,8	5 - 9
2	TSS	mg/L	32,0	27,0	120
3	BOD_5	mg/L	23,6	19,9	60
4	NO_3^-- N	mg/L	2,25	1,85	60
5	NH_4^+- N	mg/L	6,04	2,12	12
6	PO_4^{3-}- P	mg/L	1,88	0,73	12
7	Coliform	MPN/100mL	3.240	3.060	5.000

Bảng 17. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2022 (đợt 2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT *(Cột B; K = 1,2)*
			NT.001	NT.002	
1	pH	-	6,7	6,6	5 - 9
2	TSS	mg/L	35,6	30,0	120
3	BOD_5	mg/L	21,7	18,5	60
4	NO_3^-- N	mg/L	2,42	2,09	60
5	NH_4^+- N	mg/L	6,33	3,18	12
6	PO_4^{3-}- P	mg/L	1,71	0,94	12
7	Coliform	MPN/100mL	4.780	3.840	5.000

Bảng 18. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2022 (đợt 3)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT *(Cột B; K = 1,2)*
			NT.001	NT.002	
1	pH	-	6,8	6,7	5 - 9
2	TSS	mg/L	36,0	29,0	120
3	BOD_5	mg/L	18,9	17,3	60
4	NO_3^-- N	mg/L	2,55	2,02	60
5	NH_4^+- N	mg/L	6,57	3,14	12

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT *(Cột B; K = 1,2)*
			NT.001	NT.002	
6	PO_4^{3-}- P	mg/L	1,88	1,05	12
7	Coliform	MPN/100mL	5.310	3.060	5.000

Ghi chú: Giá trị tối đa cho phép được tính theo công thức: C_{max}= C x K của QCVN 14:2008/BTNMT, trong đó:

+ C: Giá trị của thông số ô nhiễm (cột B);

+ K: Là hệ số tính đối với cơ sở sản xuất < 500 người (K=1,2). Không áp dụng hệ số K cho chỉ tiêu pH và Coliforms.

Nhận xét: Kết quả quan trắc năm 2022 cho thấy, nước thải sinh hoạt sau xử lý có chất lượng tốt, 07/07 thông số quan trắc đều có giá trị thấp và đạt giới hạn cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột B; K = 1,2).

2. Kết quả quan trắc môi trường năm 2023

Bảng 19. Thông tin lấy mẫu quan trắc môi trường năm 2023

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Ngày lấy mẫu
I	***Điện từ trường***		
1	Khu vực trạm biến áp	ĐTT.001	- Đợt 1: ngày 07/3/2023 - Đợt 2: ngày 17/6/2023 - Đợt 3: ngày 30/9/2023 - Đợt 4: ngày 08/12/2023
2	Khu vực quản lý vận hành	ĐTT.002	
II	***Nước thải***		
1	Nước thải sinh hoạt đầu vào	NT.001	- Đợt 1: ngày 07/3/2023 - Đợt 2: ngày 17/6/2023 - Đợt 3: ngày 30/9/2023 - Đợt 4: ngày 08/12/2023
2	Nước thải sinh hoạt đầu ra	NT.002	

2.1. Kết quả quan trắc điện từ trường

Bảng 20. Kết quả quan trắc điện từ trường năm 2023

Đợt quan trắc	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 25:2016/BYT
			ĐTT. 001	ĐTT. 002	
Đợt 1	Điện từ trường	kV/m	0,34	0,0023	**< 5** **Thời gian tiếp xúc**
Đợt 2	Điện từ trường	kV/m	0,31	0,0026	

Đợt quan trắc	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 25:2016/BYT (phút): Không giới hạn
			ĐTT. 001	ĐTT. 002	
Đợt 3	Điện từ trường	kV/m	0,45	0,0032	
Đợt 4	Điện từ trường	kV/m	1,837	0,0009	

Nhận xét: Kết quả quan trắc điện từ trường năm 2023 tại các điểm quan trắc đều đạt giới hạn quy định tại QCVN 25:2016/BYT (thời gian tiếp xúc không giới hạn)

2.2. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt

Bảng 21. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2023 (đợt 1)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT *(Cột B; K = 1,2)*
			NT.001	NT.002	
1	pH	-	6,7	6,6	5 - 9
2	TSS	mg/L	36,4	32,0	120
3	BOD_5	mg/L	21,1	14,5	60
4	NO_3^-- N	mg/L	2,18	2,02	60
5	NH_4^+- N	mg/L	6,70	3,88	12
6	PO_4^{3-}- P	mg/L	2,25	1,47	12
7	Coliform	MPN/100mL	6.240	4.290	5.000

Bảng 22. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2023 (đợt 2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT *(Cột B; K = 1,2)*
			NT.001	NT.002	
1	pH	-	6,1	6,9	5 - 9
2	TSS	mg/L	42,0	26,8	120
3	BOD_5	mg/L	20,2	13,3	60
4	NO_3^-- N	mg/L	1,87	1,45	60
5	NH_4^+- N	mg/L	6,21	3,64	12
6	PO_4^{3-}- P	mg/L	2,29	1,32	12
7	Coliform	MPN/100mL	5.600	3.440	5.000

Bảng 23. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2023 (đợt 3)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT *(Cột B; K = 1,2)*
			NT.001	NT.002	
1	pH	-	6,5	6,4	5 - 9
2	TSS	mg/L	48,4	28,0	120
3	BOD_5	mg/L	30,3	28,8	60
4	NO_3^-- N	mg/L	4,35	2,89	60
5	NH_4^+- N	mg/L	7,16	5,22	12
6	PO_4^{3-}- P	mg/L	3,62	2,58	12
7	Coliform	MPN/100mL	5.300	4.200	5.000

Bảng 24. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2023 (đợt 4)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT *(Cột B; K = 1,2)*
			NT.001	NT.002	
1	pH	-	6,1	6,5	5 - 9
2	TSS	mg/L	74,0	31,6	120
3	BOD_5	mg/L	38,4	36,4	60
4	NO_3^-- N	mg/L	4,03	3,12	60
5	NH_4^+- N	mg/L	8,06	5,37	12
6	PO_4^{3-}- P	mg/L	3,90	2,42	12
7	Coliform	MPN/100mL	4.780	3.440	5.000

Nhận xét: Kết quả quan trắc năm 2023 cho thấy, nước thải sinh hoạt sau xử lý có chất lượng tốt, 07/07 thông số quan trắc đều có giá trị đạt giới hạn cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột B; K = 1,2).

Như vậy, theo số liệu kết quả quan trắc năm 2022 và 2023 cho thấy: Các nguồn thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 đã được quản lý và xử lý tốt, chưa phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường khu vực Nhà máy và khu vực xung quanh.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Các công trình xử lý chất thải đã được xây dựng tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 bao gồm:

- Hầm tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: Căn cứ theo điểm d khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà máy không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình này.

- Bể xử lý nước thải (lắng lọc): Căn cứ theo điểm d khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà máy không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình này.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục và định kỳ chất thải

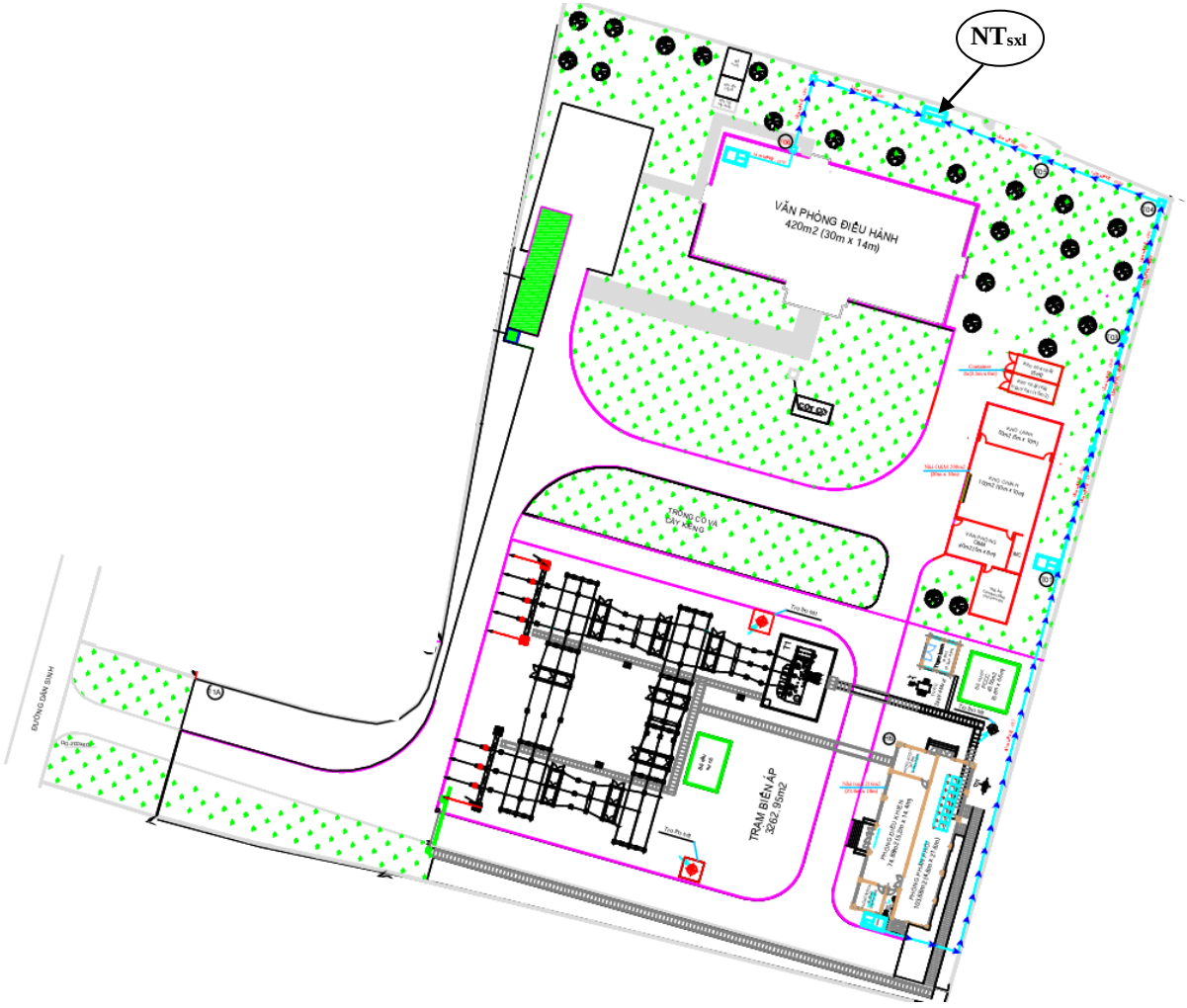
Căn cứ theo Điều 111 Luật bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 97, Phụ lục II và XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ.

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

Nhằm theo dõi, đánh giá được các tác động phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 đến các thành phần môi trường, cộng đồng dân cư lân cận, … Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh đề xuất chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

Bảng 25. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

TT	Thành phần môi trường	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	CTR công nghiệp thông thường	Khu vực chứa CTR công nghiệp thông thường	- Thành phần - Khối lượng - Công tác thu gom, xử lý	06 tháng/lần	Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
2	CTNH	Kho chứa CTNH		06 tháng/lần	
3	Nước thải sinh hoạt sau xử lý	Nước thải sau Bể xử lý nước thải (ký hiệu: NT_{sxl})	pH, TSS, BOD_5, Amoni, Nitrat, Photphat, Coliform	06 tháng/lần	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2)



Hình 19. Sơ đồ vị trí lấy mẫu quan trắc nước thải sau xử lý

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

- Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: Trung bình khoảng 25.000.000 đồng/năm (bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng)

- Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh chịu trách nhiệm bố trí đầy đủ kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3.

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

- Trong năm 2022 và 2023, Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 tiếp 01 đoàn Thanh tra theo Quyết định số 100/QĐ-TTr ngày 18/10/2022 của Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Theo Biên bản số 03/BB-VPHC ngày 23/11/2022 của Đoán Thanh tra, khu vực hiện Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 đã vi phạm trong lĩnh vực đất đai với diện tích 482,4 m^2.

- Công ty đã thực hiện khắc phục vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với số tiền 9.504.484 đồng *(bằng chữ: Chín triệu, năm trăm lẻ bốn nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng).*

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh tại Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,2) và được tái sử dụng vào mục đích tưới cây, không thực hiện xả thải ra môi trường.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn, đảm bảo không ô nhiễm chéo trong phạm vi Nhà máy trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Đối với chất thải rắn (chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại): Thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý chất thải tại nguồn, thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định. Đảm bảo công tác quản lý và xử lý chất thải rắn đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với sự cố, rủi ro: Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, rủi ro.

+ Cam kết vận hành đảm bảo an toàn tuyệt đối, hiệu quả đối với công trình sản xuất điện, nâng áp, truyền tải. Bảo đảm yếu tố điện trường, từ trường nằm trong giới hạn cho phép của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 và QCVN 25:2016/BYT.

+ Cam kết hoạt động của Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V 1-3 đúng theo quy định tại Giấy phép hoạt động điện lực số 121/GP-ĐTĐL ngày 21/10/2021 của Cục Điều tiết điện lực, Luật điện lực và các quy định hiện hành.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 2100673348

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 02 năm 2022

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 06 tháng 10 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: REE TRA VINH WIND POWER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: REE TRA VINH WP CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu nhà điều hành Nhà máy Điện gió Số 3 – tại vị trí V1-3, Ấp Nhà Mát, Xã Trường Long Hòa, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: *029.43900868* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ : 868.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi tám tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG REE

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *0316514160*

Ngày cấp: *30/09/2020* Nơi cấp: *Phòng ĐKKD Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh*

Địa chỉ trụ sở chính: *364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN QUANG QUYỀN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *23/03/1972* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001072022278*

Ngày cấp: *18/05/2020* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *8A/1C1 Thái Văn Lung, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tòa nhà Etown 5, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Lê Thanh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
Số: 25/2023/NQ-HĐQT-REE

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông qua việc sử dụng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh trong Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh để góp tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Năng lượng REE

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh;
Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Năng lượng REE;
Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Quản trị ngày 24 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ

1. Chấp thuận việc sử dụng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("REE") trong Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh để góp tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Năng lượng REE ("REE Energy") và cho phép Ree Energy tiếp nhận toàn bộ phần vốn góp này, cụ thể như sau:
   - Vốn điều lệ REE Energy hiện tại: 6.380.000.000.000 đồng.
   - Vốn điều lệ REE Energy tăng thêm: 868.000.000.000 đồng.
   - Vốn điều lệ REE Energy sau khi tăng vốn: 7.248.000.000.000 đồng.
   - Hình thức tăng vốn điều lệ: Tăng vốn điều lệ thông qua việc chủ sở hữu công ty góp thêm vốn, cụ thể: REE sử dụng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh có giá trị bằng 868.000.000.000 đồng để góp tăng vốn điều lệ cho REE Energy.

   Kể từ thời điểm hoàn tất việc góp vốn, toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh do REE Energy trực tiếp sở hữu.

2. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh triển khai và thực hiện các thủ tục nhằm sử dụng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của REE trong Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh để góp tăng vốn điều lệ cho REE Energy.

3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc và những người liên quan có trách nhiệm thực hiện nghị quyết này.

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

Nguyễn Thị Mai Thanh

Nơi nhận:
- Tổng Giám đốc REE;
- Giám đốc REE Energy;
- Ban Điều hành Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh;
- Lưu VP HĐQT.

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
Ký ngày: 31/7/2023 15:14:12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOÀN TẤT VIỆC GÓP VỐN

Hôm nay, ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, địa chỉ 364 Cộng Hòa, P.13, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm có:

1. Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

- Địa chỉ : 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. HCM
- Giấy CNĐKDN số : 0300741143, cấp ngày 29/12/1993 tại Sở KH&ĐT Tp.HCM
- Người đại diện : Ông Huỳnh Thanh Hải
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

2. Bên B: CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG REE

- Địa chỉ : 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Giấy CNĐKDN số : 0316514160, cấp ngày 30/09/2020 tại Sở KH&ĐT Tp.HCM
- Người đại diện : Ông Nguyễn Quang Quyền
- Chức vụ : Giám đốc

3. Bên C: CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH

- Địa chỉ : Khu nhà điều hành Nhà máy Điện gió Số 3 – tại vị trí V1-3, Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, Thị xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh
- Giấy CNĐKDN số : 2100673348, cấp ngày 24/02/2022 tại Sở KH&ĐT Tỉnh Trà Vinh
- Người đại diện : Ông Nguyễn Quang Quyền
- Chức vụ : Giám đốc

Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh là đơn vị nhận vốn góp
Sau đây gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Các Bên".

Các Bên cùng nhau tiến hành đối chiếu và xác nhận việc góp vốn như sau:

Điều 1. Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("**REE**") sở hữu phần vốn góp 868.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh ("**REE Trà Vinh**"), theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100673348, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 24/02/2022.

Điều 2. REE sử dụng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh để góp tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Năng lượng REE ("**REE Energy**").

Sau khi góp vốn, chủ sở hữu và vốn điều lệ của Các Bên thay đổi như sau:

2.1. Chủ sở hữu của REE Trà Vinh:

- Chủ sở hữu của REE Trà Vinh trước khi góp vốn: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh sở hữu phần vốn góp 868.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh.

- Chủ sở hữu của REE Trà Vinh sau khi góp vốn: Công ty TNHH Năng lượng REE sở hữu phần vốn góp 868.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh.

2.2. Vốn điều lệ của REE Energy:

- Vốn điều lệ REE Energy trước khi góp vốn: 6.380.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ REE Energy tăng thêm: 868.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ REE Energy sau khi góp vốn: 7.248.000.000.000 đồng.

Điều 3. REE đã hoàn tất việc sử dụng toàn bộ phần vốn góp của mình trong Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh, có giá trị bằng 868.000.000.000 đồng, để góp tăng vốn điều lệ cho REE Energy.

Các Bên xác nhận việc góp vốn đã được hoàn tất theo Biên bản này và không có bất kỳ thắc mắc hay khiếu nại nào.

Thời điểm hoàn tất việc góp vốn: Ngày 01 tháng 8 năm 2023

Điều 4. Biên bản này có hiệu lực kể từ thời điểm các bên ký tên và được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

		Xác nhận của đơn vị nhận vốn góp
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH	**CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG REE**	**CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH**
Tổng Giám đốc	**Giám đốc**	**Giám đốc**
Huỳnh Thanh Hải	**Nguyễn Quang Quyền**	**Nguyễn Quang Quyền**

Xác nhận về việc Bên A và Bên B đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty TNHH Điện Gió REE Trà Vinh

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 2881811743

Chứng nhận lần đầu: Ngày 24 tháng 4 năm 2019

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 04: Ngày 29 tháng 12 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2019; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3750/QĐ-UBND ngày 24/11/2020; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 501/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2881811743 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp lần đầu ngày 24/4/2019; do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp thay đổi lần thứ 03 ngày 10/10/2022;

Căn cứ Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh nộp ngày 28/12/2022,

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3; mã số dự án 2881811743, do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp lần đầu ngày 24/4/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp điều chỉnh lần thứ 03 ngày 10/10/2022; được đăng ký điều chỉnh: hiệu đính thông tin phần diện tích đất sử dụng nằm ngoài khu kinh tế.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2100673348 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 24/02/2022.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu nhà điều hành Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V1-3, ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

Điện thoại: 0294.3900868, Email: ree.windpower3@reecorp.com.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ và tên: Nguyễn Quang Quyền; Giới tính: Nam;

Chức danh: Giám đốc; Ngày sinh: 23/3/1972; Quốc tịch: Việt Nam;

Căn cước công dân số 001072022278; Ngày cấp: 18/5/2020; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ thường trú: Số 8A/1C1, Thái Văn Lung, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

Địa chỉ liên lạc: Tòa nhà Etown 5, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

Điện thoại: 0283.8100017; Email: ree.windpower3@reecorp.com.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3.

2. Mục tiêu dự án: Cung cấp năng lượng điện tái tạo sạch, hòa vào điện lưới quốc gia.

3. Quy mô dự án: Công suất thiết kế: 48 MW; 01 trạm phân phối 110 kV; công suất 1x63 MVA.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

5. Diện tích mặt đất, khu vực biển sử dụng: Khoảng 473,75 ha. Trong đó:

- Diện tích sử dụng khu vực biển: Khoảng 278,75 ha.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 195 ha *(trong đó diện tích nằm ngoài khu kinh tế khoảng 59 ha, trong khu kinh tế khoảng 136 ha)*.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: Khoảng 2.331.046.448.700 *đồng (Hai nghìn, ba trăm ba mươi mốt tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm đồng)*, trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là: 868.000.000.000 đồng, chiếm 37,24% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh	868.000.000.000		100%	Giá trị tài sản gắn liền với đất	Tháng 9/2022

- Vốn vay: 1.463.046.448.700 đồng, chiếm 62,76% tổng vốn đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 25 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Trước tháng 11/2021: Nghiệm thu bàn giao, đưa nhà máy vào vận hành thương mại.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ dự án:

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Theo quy định hiện hành.

2. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Đối với diện tích ngoài khu kinh tế: Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

+ Đối với diện tích trong khu kinh tế: Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế.

+ Đối với diện tích khu vực biển: Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư trên địa bàn trong và ngoài khu kinh tế.

3. Các hình thức hỗ trợ đầu tư: Theo Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam và Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư hằng quý, hằng năm đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh về tình hình thực hiện dự án đầu tư, gồm các nội dung sau: vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách Nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, xử lý và bảo vệ môi trường, các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

3. Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh phối hợp với Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, thực hiện thủ tục về đất đai theo quy định.

4. Nhà đầu tư xác định giá trị vốn đầu tư của dự án đầu tư sau khi dự án đầu tư đưa vào khai thác, vận hành được quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Đầu tư.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2881811743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp thay đổi lần thứ 03 ngày 10/10/2022.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh, được sao gửi cho các đơn vị có liên quan và đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, TTXT.P.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH

Châu Văn Hòa

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2717 /STNMT-QLMT
V/v hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép môi trường đối với các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh

Trà Vinh, ngày 19 tháng 9 năm 2022

Kính gửi:
- Công ty Cổ phần Điện gió Trà Vinh 1.
- Công ty Cổ phần điện gió Trung Nam Trà Vinh 1;
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh;
- Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Ecotech Trà Vinh;
- Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1;
- Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh;
- Công ty TNHH Điện gió Duyên Hải;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Công văn số 2916/TCMT-QLCT ngày 30/8/2022 của Tổng Cục Môi trường về việc hướng dẫn thủ tục môi trường đối với loại hình dự án điện gió; Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các Quý Công ty thực hiện thủ tục báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường như sau:

1. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 39 Luật BVMT năm 2020 các dự án điện gió nếu phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức thuộc đối tượng **phải có giấy phép môi trường.**

2. Đối với các cơ sở đã đi vào hoạt động chính thức trước ngày 01/01/2022:

Căn cứ Khoản 2 Điều 39 và điểm c Khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì các dự án **đã đi vào hoạt động** trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực và đã được **UBND tỉnh** phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thì **thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp tỉnh.**

Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường: Thực hiện theo quy định Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường thực hiện theo **Mẫu phụ lục X** kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường: chủ cơ sở nộp báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường **trước 30 ngày** kể từ ngày phải có giấy phép môi trường theo quy định tại điểm d, Khoản 2 Điều 29 Nghị định số

08/2022/NĐ-CP (Thời điểm phải có giấy phép môi trường là **36 tháng** kể từ ngày Luật BVMT có hiệu lực thi hành, tức ngày 01/01/2025).

3. Đối với các dự án đầu tư chưa đi vào hoạt động chính thức:

3.1. Trường hợp dự án có sử dụng khu vực biển **thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường**: căn cứ số thứ tự 09 Phụ lục III Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án thuộc **nhóm I** → Căn cứ Khoản 1 Điều 39 và Khoản 1 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì dự án **thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép.**

Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường: Thực hiện theo quy định Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường thực hiện theo **Mẫu phụ lục VIII** kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường: sau khi đã hoàn thành công trình xử lý chất thải cho toàn bộ dự án hoặc cho từng phân kỳ đầu tư của dự án (nếu dự án có phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn) hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án (nhưng phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải).

3.2. Trường hợp dự án có tổng mức đầu tư **trên 120 tỷ** theo tiêu chí phân loại dự án được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019 hoặc dự án có sử dụng khu vực biển **thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của UBND cấp tỉnh**: căn cứ số thứ tự 02 hoặc 08 Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án thuộc **nhóm II** → Căn cứ Khoản 1 Điều 39 và điểm a Khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì dự án **thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp tỉnh.**

Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường: Thực hiện theo quy định Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường thực hiện theo **Mẫu phụ lục VIII** kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường: sau khi đã hoàn thành công trình xử lý chất thải cho toàn bộ dự án hoặc cho từng phân kỳ đầu tư của dự án (nếu dự án có phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn) hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án (nhưng phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải).

3.3. Trường hợp dự án có tổng mức đầu tư **dưới 120 tỷ** theo tiêu chí phân loại dự án được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019: căn cứ số thứ tự 02 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án thuộc **nhóm III** → Căn cứ Khoản 1 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì dự án **thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp huyện.**

Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường: Thực hiện theo quy định Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường thực hiện theo **Mẫu phụ lục XI** kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường: sau khi đã hoàn thành công trình xử lý chất thải cho toàn bộ dự án hoặc cho từng phân kỳ đầu tư của dự án (nếu dự án có phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn) hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án (nhưng phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải).

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc; đề nghị Quý Công ty liên hệ Phòng Quản lý môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, qua số điện thoại: 02943. 740486 để được hỗ trợ, hướng dẫn.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường đối với các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đến Quý Công ty để biết và thực hiện theo đúng quy định.

Trân trọng kính gửi./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Quốc Tuấn

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Sở Công thương;
- Ban Quản lý KKT;
- Lưu: VT, MT.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 687/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 24 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam và Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2019 Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện gió;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 19/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020, có xét đến 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV;

Xét Tờ trình số 31/TTr-BQLKKT ngày 10/4/2019 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh về việc trình xin Quyết định chủ trương đầu tư (đính kèm Báo cáo số 101/BC-BQLKKT ngày 10/4/2019 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh về kết quả thẩm định dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3), ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 389-TB/TU ngày 24/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300741143 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 03/6/2016.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 364, Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành

phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh, sinh ngày 25/12/1952; quốc tịch Việt Nam; giấy chứng thực cá nhân số 022321063 cấp ngày 15/6/2009 tại Công an thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ thường trú tại số 44, Huỳnh Tịnh Của, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: số 44, Huỳnh Tịnh Của, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; số điện thoại: 0838100017; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

2. Mục tiêu dự án: Cung cấp năng lượng điện tái tạo sạch, hòa vào điện lưới quốc gia.

3. Quy mô dự án:

- Công suất thiết kế 48MW; 01 trạm phân phối 110kV, công suất 1x63MVA;

- Đường dây 110kV: Mạch kép dài 20km, tiết diện ACSR 400mm^2;

- Phương án đấu nối: Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Trà Vinh - Duyên Hải, nhánh rẽ Cầu Ngang;

- Công nghệ/nhà sản xuất thiết bị tuabin, máy phát điện thuộc Top 10 do tạp chí Bloomberg công bố năm 2019: Vestas (Đan Mạch), GE (Mỹ), Siemen Gamesa (Đức và Tây Ban Nha), Enercon (Đức),...;

- Trạm phân phối ngoài trời 110kV - 01ha; nhà trực vận hành 600m^2 - 02 tầng; nhà nghỉ, trực ca 2.000m^2 - 02 tầng; kho chứa thiết bị dự phòng, nhà xưởng 1.000m^2; đường giao thông nội bộ,...

4. Địa điểm thực hiện dự án: Bãi bồi ven biển, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng: Khoảng 1.225ha.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: Khoảng 2.120.000.000.000 đồng. *(Hai ngàn một trăm hai mươi tỷ đồng)*, trong đó: Vốn chủ sở hữu 30%; vốn vay 70%.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 25 năm, kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Tháng 10/2019: Khởi công xây dựng dự án;

- Trước tháng 10/2020: Nghiệm thu bàn giao, đưa nhà máy vào vận hành thương mại.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư tại địa bàn khu kinh tế.

2. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và đầu tư vào khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (thị xã Duyên Hải).

3. Các hình thức hỗ trợ đầu tư: Theo quy định hiện hành.

Điều 3. Điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, quy mô, tiến độ cam kết; tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, nghĩa vụ tài chính và các quy định khác có liên quan.

2. Thực hiện ký quỹ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Định kỳ tháng, quý, năm báo cáo tình hình hoạt động đầu tư dự án gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh theo quy định của Luật Đầu tư.

Điều 4. Quyết định chủ trương đầu tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định chủ trương đầu tư sẽ chấm dứt hiệu lực trong trường hợp Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 của Luật Đầu tư ngày 26/11/2014.

Điều 5. Quyết định này được lập thành 03 (ba) bản gốc; Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản gửi Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh và 01 (một) bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và sao gửi các Sở: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải; Cục Thuế tỉnh; Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Trà Vinh; Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3750/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 24 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2019 Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện gió;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 19/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020, có xét đến 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh tại Tờ trình số 144/TTr-BQLKKT ngày 11/11/2020 (đính kèm Báo cáo số 526/BC-BQLKKT ngày 11/11/2020 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh về kết quả thẩm định điều chỉnh dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh thông tin nhà đầu tư tại Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

Chấp thuận nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0300741143 do Phòng

Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 03/8/2020.

Địa chỉ trụ sở chính: 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số điện thoại: 08.38100017

Địa chỉ email: ree@reecorp.com.vn

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh Hải, sinh ngày 30/4/1970, quốc tịch Việt Nam, căn cước công dân số 077070001799, cấp ngày 11/6/2020 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ thường trú tại số 24/22 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; chỗ ở hiện tại số 24/22 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Điều 2. Điều chỉnh Khoản 4, 5, 8 Điều 1 và Điều 2 Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh Khoản 4, 5, 8 Điều 1 như sau:

"...

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

5. Diện tích đất và khu vực biển: Khoảng 1.210 ha. Trong đó:

- Diện tích khu vực biển: Khoảng 1.015 ha.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 195 ha (trong đó diện tích nằm ngoài khu kinh tế khoảng 59 ha, trong khu kinh tế khoảng 136 ha).

...

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Trước tháng 11/2021: Nghiệm thu bàn giao, đưa nhà máy vào vận hành thương mại."

2. Điều chỉnh Điều 2 như sau:

"**Điều 2.** Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Theo quy định hiện hành.

2. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Đối với diện tích ngoài khu kinh tế: Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

+ Đối với diện tích trong khu kinh tế: Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế.

+ Đối với diện tích khu vực biển: Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư trên địa bàn trong và ngoài khu kinh tế.

3. Các hình thức hỗ trợ đầu tư: Theo Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam và Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam."

Điều 3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, quản lý và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2881811743 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp lần đầu ngày 24/4/2019 (tất cả hồ sơ có liên quan đến giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và văn bản xử lý các công việc có liên quan đến Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh đã thực hiện thì vẫn có giá trị pháp lý).

Điều 4. Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các điều, khoản khác của Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 5. Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư này được lập thành 04 (bốn) bản gốc; Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, 01 (một) bản gửi Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh và 01 (một) bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; sao gửi đến Bộ Công Thương (để báo cáo) và các Sở: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải; Cục Thuế tỉnh; Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Trà Vinh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng

SAO Y
Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh
Thời gian ký: 15/03/2021 08:25:55 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 501 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 15 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3750/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 39/TTr-SKHĐT ngày 11/3/2021 (đính kèm Báo cáo số 172/BC-SKHĐT ngày 11/3/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh diện tích đất và khu vực biển quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3750 /QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

"...

5. Diện tích đất và khu vực biển: Khoảng 473,75 ha. Trong đó:

- Diện tích khu vực biển: Khoảng 278,75 ha.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 195 ha (trong đó diện tích nằm ngoài khu kinh tế khoảng 59 ha, trong khu kinh tế khoảng 136 ha).".

Điều 2. Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các điều, khoản khác của Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3750/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh được cấp 01 (một) bản, 01 (một)

bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và 01 (một) bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; các Sở: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải; Cục Thuế tỉnh; Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Trà Vinh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện

3697.
D:\ChapthuanDT2021\01Totrinh34(SKHĐT)-DieuchinhQuyetdinhchutruongdautuDANMĐGV1-3.doc

UBND TỈNH TRÀ VINH **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 934 /BQLKKT-QHXDTNMT	*Trà Vinh, ngày 07 tháng 10 năm 2021*
V/v thống nhất điều chỉnh tổng mặt bằng dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3	

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh nhận được Công văn số 272/2021/CV-CĐL ngày 28/9/2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh về việc điều chỉnh thỏa thuận tổng mặt bằng dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3.

Qua nghiên cứu hồ sơ kèm theo và ý kiến đóng góp của Sở, ngành, địa phương, Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh có ý kiến như sau:

Đối chiếu với tổng mặt bằng dự án được Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh chấp thuận tại Công văn số 588/BQLKKT-QHXDTNMT ngày 18/9/2019 thì tổng mặt bằng của dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3 kèm theo Công văn số 272/2021/CV-CĐL ngày 28/9/2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh đã điều chỉnh vị trí bố trí 12 trụ tubin và hướng tuyến 22kV đấu nối vào trạm biến áp, tuy nhiên việc điều chỉnh hướng tuyến 22kV và bố trí lại 12 trụ tubin trên đã được UBND tỉnh Trà Vinh chấp thuận điều chỉnh hướng tuyến tại Công văn số 3972/UBND-CNXD ngày 30/9/2020, được UBND tỉnh Trà Vinh giao quyền sử dụng khu vực biển tại Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 và được Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thuộc Bộ Công Thương thẩm định thiết kế kỹ thuật tại Công văn số 59/ĐL-NLTT ngày 12/01/2021.

Từ các cơ sở pháp lý trên và ý kiến đóng góp thống nhất của Sở, ngành và địa phương, Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh thống nhất tổng mặt bằng điều chỉnh dự án nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 như hồ sơ kèm theo tại Công văn số 272/2021/CV-CĐL ngày 28/9/2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh. Đề nghị Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh thực hiện các thủ tục điều chỉnh hồ sơ thiết kế (bao gồm việc thay đổi vị trí móng tubin số 04 mới) trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định hiện hành.

Trên đây là ý kiến của Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh gửi đến Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh được biết, thực hiện./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lãnh đạo Ban; - Lưu: VT, QLQHXD&TNMT.	**KT. TRƯỞNG BAN** **PHÓ TRƯỞNG BAN** **Trần Viễn Phương**

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐIỆN LỰC
VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Số: 59 /TB-ĐL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 1084/SXD-QLXD ngày 20 tháng 8 năm 2021 và Văn bản số 1184/SXD-QLXD ngày 13 tháng 9 năm 2021 về xem xét đánh giá điều kiện miễn giấy phép xây dựng dự án Nhà máy điện gió (NMĐG) số 3 tại vị trí V1-3;

Căn cứ hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh đã được Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thẩm định tại Văn bản số 2008/ĐL-NLTT ngày 27 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế kỹ thuật Dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh đã được Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thẩm định tại Văn bản số 1823/ĐL-LĐ&NT ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Văn bản số 59/ĐL-NLTT ngày 12 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ Văn bản số 6391/BCT-ĐL ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Công Thương về điều chỉnh tiến độ vận hành các dự án điện gió tỉnh Trà Vinh (trong đó có dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3);

Căn cứ Báo cáo số 286/2021/BC-CĐL ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh về việc Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng NMĐG số 3 tại vị trí V1-3;

Căn cứ Văn bản số 96/NT-PC07 ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Trà Vinh về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu PCCC công trình dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, hạng mục trạm biến áp 22/110 kV: Nhà điều khiển, nhà bơm, bể nước chữa cháy, bể dầu sự cố và 01 MBA 63 MVA);

Căn cứ Văn bản số 100/NT-PC07 ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Trà Vinh về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu PCCC công trình dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3 các trụ tuabin gió

(12 trụ, mỗi trụ có công suất 4,0 MW);

Căn cứ Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3;

Căn cứ Văn bản số 1924/ĐL-NLTT ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo về việc thông báo kế hoạch kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng dự án Nhà máy Điện gió số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Văn bản số 2024/ĐL-NLTT ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo về yêu cầu cung cấp bổ sung hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Văn bản số 333/2021/CV-CĐL ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh về cung cấp bổ sung hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Văn bản số 717/BC-SCT ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh về việc kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3;

Căn cứ Báo cáo số 1020.01/BC-ĐG ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn thí nghiệm công trình giao thông 1 – CIENCO1 về đánh giá sự phù hợp chất lượng công trình dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3;

Căn cứ Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh thuê đất để thực hiện dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc giao quyền sử dụng biển cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh xây dựng dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Giấy phép hoạt động Điện lực số 258/GP-ĐTĐL ngày 08 tháng 10 năm 2021 do Cục Điều tiết điện lực cấp cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh;

Căn cứ Biên bản ngày 26 tháng 9 năm 2021 về việc họp Hội đồng nghiệm thu cấp Chủ đầu tư đóng điện công trình Trạm biến áp và Đường dây đấu nối dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh giữa Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (Chủ đầu tư) và đại diện gồm Công ty Điện lực Trà Vinh, Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Ecotech Trà Vinh, tư vấn giám sát Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Năng lượng Bền Vững, đơn vị thi công Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Công nghiệp Đại Dương – Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2 – Công ty Cổ phần tư vấn Điện 1, đơn vị thí nghiệm – Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Thí nghiệm điện;

Căn cứ Biên bản kiểm tra điều kiện đóng điện điểm đấu nối, hạng mục Trạm biến áp 22/110 kV Điện gió số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh, đường dây

110 kV đấu nối ngày 23 tháng 9 năm 2021 giữa Chủ đầu tư và đại diện Tổng Công ty Điện lực miền Nam, Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Ecotech Trà Vinh;

Căn cứ Văn bản số 8527/EVN SPC-KT ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tổng Công ty điện lực miền Nam về xác nhận điều kiện đóng điện điểm đấu nối (phần đường dây và TBA) dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng giữa Chủ đầu tư và đại diện Tư vấn giám sát nhà máy, đại diện Liên danh Tổng thầu EPC, đại diện nhà thầu thi công TBA và đường dây 110 kV đấu nối ngày 10 tháng 10 năm 2021;

Căn cứ Biên bản thử nghiệm kết nối FRs/PQ/PMU dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh số 3934/BB-ĐĐQG ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia (A0), Chủ đầu tư, nhà thầu thi công;

Căn cứ Văn bản số 2982/ĐĐMN-CN+ĐĐ+PT ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Trung tâm Điều độ hệ thống điện miền Nam về xác nhận thử nghiệm End to End tín hiệu SCADA giai đoạn 1 của NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Biên bản số 3607/BB-ĐĐQG ngày 01 tháng 9 năm 2021 của giữa A0, Chủ đầu tư và đơn vị thi công về kiểm tra, nghiệm thu kết nối hạ tầng công nghệ thông tin NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh phục vụ vận hành thị trường điện và hệ thống điện;

Căn cứ Biên bản số 3676/BB-ĐĐQG ngày 07 tháng 9 năm 2021 và Biên bản số 4341/BB-ĐĐQG ngày 12 tháng 10 năm 2021 về kiểm tra End-To-End hạng mục Gateway/PPC/Thiết bị công trình NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh giữa A0, Chủ đầu tư và đơn vị thi công;

Căn cứ Biên bản số 4686/BB-ĐĐQG ngày 25 tháng 10 năm 2021 giữa A0, đơn vị phát điện Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh – NMĐG số 3 tại vị trí V1-3 và đơn vị thí nghiệm Công ty Cổ phần Công nghiệp Đại Dương về việc thử nghiệm khả năng phát, nhận công suất phản kháng Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 cho 04 cột gió WT01, WT02, WT03, WT04 (04/12 WTs, 16.0 MW/48.0 MW) được đánh giá đạt yêu cầu;

Căn cứ Biên bản số 4727/BB-ĐĐQG ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa A0, đơn vị phát điện Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh – NMĐG số 3 tại vị trí V1-3 và đơn vị thí nghiệm Công ty Cổ phần Công nghiệp Đại Dương về việc thử nghiệm khả năng phát, nhận công suất phản kháng Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 cho 08 cột gió WT05, WT06, WT07, WT08, WT09, WT10, WT11, WT12 (08/12 WTs, 32.0 MW/48.0 MW) được đánh giá đạt yêu cầu;

Căn cứ Biên bản số 4712/BB-ĐĐQG ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa A0, đơn vị phát điện Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh – NMĐG số 3 tại vị trí V1-3 và đơn vị thí nghiệm Công ty Cổ phần Công nghiệp Đại Dương về việc thử nghiệm kết nối AGC Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 cho 04 cột gió WT01, WT02, WT03, WT04 (04/12 WTs, 16.0 MW/48.0 MW) được đánh giá đạt yêu cầu;

Căn cứ Biên bản số 4728/BB-ĐĐQG ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa A0,

đơn vị phát điện Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh – NMĐG số 3 tại vị trí V1-3 và đơn vị thí nghiệm Công ty Cổ phần Công nghiệp Đại Dương về việc thử nghiệm kết nối AGC NMĐG số 3 tại vị trí V1-3 cho 08 cột gió WT05, WT06, WT07, WT08, WT09, WT10, WT11, WT12 (08/12 WTs, 32.0 MW/48.0 MW) được đánh giá đạt yêu cầu;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa Chủ đầu tư Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh và đại diện Tổng thầu Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam về xác nhận hoàn thành chạy tin cậy cho các trụ gió WT01 đến WT12 của Dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3.

Sau khi xem xét các hồ sơ, tài liệu liên quan của Dự án, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên hạng mục công trình xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu

- Tên công trình: Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

- Hạng mục công trình và phạm vi nghiệm thu:

+ Tuabin gió (12 tuabin gió): Từ WT01/(TB01) đến WT12/(TB12) - mỗi tuabin có công suất 4,0 MW/tuabin.

+ Hệ thống cầu dẫn.

+ Hệ thống cáp ngầm và đường dây trên không 22 kV kết nối các tuabin gió về TBA nâng áp.

+ Trạm biến áp 22/110 kV - 01 MBA 3 pha, công suất 63 MVA.

+ Công trình đường dây đấu nối 110 kV mạch kép từ cột cổng ngăn lộ 110 kV TBA 22/110 kV NMĐG số 3 tại vị trí V1-3 đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV mạch kép NMĐG Hiệp Thạnh – Trạm biến áp 110 kV Cầu Ngang, sử dụng dây dẫn phân pha 2xACSR–240 mm^2 chiều dài tuyến khoảng 9,38 km.

b) Địa điểm xây dựng: Xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

c) Loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình năng lượng, cấp I, quy mô công suất 48 MW.

d) Mô tả các thông số chính của công trình:

- Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 có tổng công suất thiết kế là 48 MW, với 12 tuabin gió (mỗi tuabin có công suất 4,0 MW/tuabin).

- Khu vực lắp tuabin gió thuộc vùng biển xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, khu nhà quản lý vận hành và trạm biến áp 22/110 kV tọa lạc tại ấp Nhà mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Hạng mục Trạm biến áp 22/110 kV: Khu vực trạm biến áp 22/110 kV và sân phân phối tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

được lắp đặt 01 MBA 3 pha - công suất 63 MVA, sân phân phối, bể thu dầu sự cố, xây dựng 01 nhà quản lý vận hành, 01 nhà bơm chữa cháy; bố trí phòng phân phối 22 kV, phòng điều khiển, phòng thông tin, phòng Ắc quy, phòng phụ trợ.

- Công trình đường dây đấu nối 110 kV mạch kép từ cột cổng ngăn lộ 110 kV TBA 22/110 kV NMĐG số 3 tại vị trí V1-3 đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV mạch kép NMĐG Hiệp Thạnh – Trạm biến áp 110 kV Cầu Ngang, sử dụng dây dẫn phân pha 2xACSR–240 mm^2 chiều dài tuyến khoảng 9,38 km.

- Hạng mục tuyến cáp ngầm và đường dây trên không 22 kV: Các tuyến cáp ngầm kết nối các trụ gió nằm trong hệ thống cầu dẫn, kết nối với tuyến đường dây trên không về phòng phân phối 22 kV tại trạm biến áp 22/110 kV NMĐG số 3 tại vị trí V1-3.

2. Về tình hình thi công xây dựng

- Tại thời điểm kiểm tra, theo báo cáo của Chủ đầu tư và Văn bản số 717/BC-SCT ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh về việc kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3: Chủ đầu tư đã hoàn thành các hạng mục công trình xây dựng như đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu của Dự án.

- Theo Báo cáo tổng hợp số 1020.01/BC-ĐG ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn thí nghiệm công trình giao thông 1 – CIENCO1 về đánh giá sự phù hợp chất lượng công trình dự án NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, cho thấy các công việc thi công đã hoàn thành đảm bảo chất lượng, phù hợp với hồ sơ thiết kế được Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thẩm định và đủ điều kiện nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng theo quy định.

3. Kết luận

3.1. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chấp thuận kết quả nghiệm thu của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh để đưa vào sử dụng đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

- Hạng mục Nhà máy điện: NMĐG có tổng công suất 48 MW, gồm 12 tuabin gió từ WT01/(TB01) đến WT12/(TB12) - mỗi tuabin có công suất 4,0 MW/tuabin.

- Hệ thống cầu dẫn.

- Hệ thống cáp ngầm và đường dây trên không 22 kV kết nối các tuabin gió về TBA nâng áp.

- Trạm biến áp nâng 22/110 kV - 01 MBA 3 pha, công suất 63 MVA.

- Công trình đường dây đấu nối 110 kV mạch kép từ cột cổng ngăn lộ 110 kV TBA 22/110 kV NMĐG số 3 tại vị trí V1-3 đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV mạch kép NMĐG Hiệp Thạnh – Trạm biến áp 110 kV Cầu Ngang, sử dụng dây dẫn phân pha 2xACSR–240 mm^2 chiều dài tuyến khoảng 9,38 km.

3.2. Yêu cầu đối với Chủ đầu tư

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định;

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt;

- Tuân thủ các quy định về vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các hạng mục, công trình để bảo đảm vận hành an toàn, cung cấp điện ổn định, tin cậy hệ thống điện;

- Tuân thủ về bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

- Trong khai thác và sử dụng: (i) Tiếp tục theo dõi tình trạng hoạt động thực tế tại các vị trí móng tuabin gió có điều kiện địa chất, địa hình phức tạp; (ii) Lập phương án và thực hiện quan trắc công trình để kiểm soát các tuabin gió bị sụt, trượt, lún, nghiêng trong giới hạn của thiết kế;

- Chủ đầu tư tiếp tục rà soát hoàn thiện các tồn tại sau kiểm tra đã nêu trong Văn bản số 333/2021/CV-CĐL ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh nêu trên và các nội dung rà soát khác, báo cáo Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo kiểm tra kết quả thực hiện;

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng, đủ theo quy định của pháp luật về hồ sơ (file điện tử) hoàn thành công trình/hạng mục công trình, bao gồm các báo cáo giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo sẽ hậu kiểm công trình dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Trên đây là thông báo của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu công trình/hạng mục công trình dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3, tỉnh Trà Vinh, đề nghị Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh thực hiện khai thác và vận hành công trình theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- EVN, A0, EPTC (để phối hợp);
- Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: VT, NLTT(dlc).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC ĐIỆN LỰC VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO
BỘ CÔNG THƯƠNG

Phạm Nguyên Hùng

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ XÂY DỰNG

Số: 1084/SXD-QLXD

V/v phúc đáp Công văn số 183/2021/CV-CĐL ngày 11/8/2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh đã nhận Công văn số 183/2021/CV-CĐL ngày 11/8/2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh về việc xem xét đánh giá điều kiện miễn giấy phép xây dựng công trình Tuabin gió và hệ thống phụ trợ thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Qua nghiên cứu, Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh phúc đáp như sau:

1. Về kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng: Công trình Tuabin gió và hệ thống phụ trợ thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 đã được thẩm định thiết kế kỹ thuật và kết luận cơ bản đủ điều kiện trình phê duyệt theo kết quả thẩm định tại Công văn số 59/ĐL-NLTT ngày 12/01/2021 của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thuộc Bộ Công thương.

2. Về các điều kiện về cấp giấy phép xây dựng:

- Dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 đã được giao quyền sử dụng khu vực biển tại Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 19/6/2020, Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; Đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Công trình Tuabin gió và hệ thống phụ trợ thuộc dự án đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy tại Công văn số 87/TD-PCCC ngày 18/6/2021 của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ thuộc Công an tỉnh Trà Vinh.

- Về sự phù hợp vị trí xây dựng; an toàn công trình; các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, hành lang bảo vệ công trình giao thông, đê biển, khu di tích lịch sử - văn hóa,... đã được Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thuộc Bộ Công thương kết luận đảm bảo phù hợp theo kết quả thẩm định tại Công văn số 59/ĐL-NLTT ngày 12/01/2021 nêu trên.

- Hồ sơ gửi kèm đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 95 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020).

Đối chiếu quy định tại khoản 30, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020: *"g) Công trình xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đủ điều kiện phê duyệt thiết kế xây dựng và đáp ứng các điều kiện về cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Luật này;"* thì công trình Tuabin gió và hệ thống phụ trợ thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 thuộc trường hợp được miễn giấy phép xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi thông báo thời điểm khởi công xây dựng, hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương để quản lý.

Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh phúc đáp đến Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- BQL KKT (đ/b)
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLXD.

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Nguyễn Văn Hùng

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ XÂY DỰNG

Số: 1184/SXD-QLXD

V/v phúc đáp Công văn số 218/2021/CV-CĐL ngày 01/9/2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh về xem xét đánh giá điều kiện miễn giấy phép xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 13 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh đã nhận Công văn số 218/2021/CV-CĐL ngày 01/9/2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh về việc xem xét đánh giá điều kiện miễn giấy phép xây dựng công trình Trạm biến áp 22/110kV và Đường dây 110kV đấu nối thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Qua nghiên cứu, Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh phúc đáp như sau:

1. Về kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng: Công trình Trạm biến áp 22/110kV và Đường dây 110kV đấu nối thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 đã được thẩm định thiết kế kỹ thuật và kết luận cơ bản đủ điều kiện trình phê duyệt theo kết quả thẩm định tại Công văn số 1823/ĐL-NLTT ngày 12/11/2021 của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thuộc Bộ Công thương.

2. Về các điều kiện về cấp giấy phép xây dựng:

- Dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Công trình Trạm biến áp 22/110kV và Đường dây 110kV đấu nối thuộc dự án đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy tại Công văn số 301/TD-PCCC ngày 15/12/2020 của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ thuộc Công an tỉnh Trà Vinh.

- Về quyền sử dụng đất để thực hiện đầu tư xây dựng công trình:

+ Vị trí đầu tư xây dựng Trạm biến áp 22/110kV đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh thuê để thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 tại Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 26/11/2019.

+ Toàn bộ 36/36 móng trụ thuộc tuyến đường dây 110kV đã được bàn giao cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh tiến hành triển khai thi công theo nội dung Công văn số 11/THĐBTHTTĐC ngày 18/8/2021 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư - Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải.

- Về sự phù hợp vị trí xây dựng; an toàn công trình; các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, hành lang bảo vệ công trình giao thông, đê biển, khu di tích lịch sử - văn hóa,... đã được Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thuộc Bộ Công thương kết luận đảm bảo phù hợp theo kết quả thẩm định tại Công văn số 1823/ĐL-NLTT ngày 12/11/2021 nêu trên.

- Hồ sơ gửi kèm đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 95 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020).

Đối chiếu quy định tại khoản 30, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020: *"g) Công trình xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đủ điều kiện phê duyệt thiết kế xây dựng và đáp ứng các điều kiện về cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Luật này;"* thì công trình Trạm biến áp 22/110kV và Đường dây 110kV đấu nối thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 thuộc trường hợp được miễn giấy phép xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi thông báo thời điểm khởi công xây dựng, hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương để quản lý.

Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh phúc đáp đến Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLXD.

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Văn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2262 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 22 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh, thuê 2.736,5m² đất, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để thực hiện hạng mục cầu dẫn thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 thánh 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2021;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 587/TTr-STNMT ngày 21 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh, địa chỉ: Khu nhà điều hành Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3, ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, thuê 2.736,5m² đất, thuộc thửa đất số: 16, 21, tờ bản đồ số 8, loại đất công trình năng lượng, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để thực hiện hạng mục cầu dẫn thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Thời hạn sử dụng đất: Từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 23/4/2044.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ Trích lục bản đồ địa chính: số 1772/TL-VPĐKĐĐ, tỷ lệ 1/5000 ngày 14/11/2022 và số 1785/TL-VPĐKĐĐ tỷ lệ 1/2000 ngày 17/11/2022 do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các ngành, địa phương thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan thông báo cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

b) Ký Hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh theo quy định.

c) Phối hợp với UBND thị xã Duyên Hải và đơn vị có liên quan xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh.

d) Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

đ) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan truy thu tiền thuê đất của Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh theo quy định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Duyên Hải; Chủ tịch UBND xã Trường Long Hòa và Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên trang thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các Phòng: CNXD, KT;
- TT TH-CB;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Quỳnh Thiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 190 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 21 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi 4.567,6m² đất, tọa lạc tại các xã: Trường Long Hòa và Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, do Công ty tự nguyện trả lại đất để cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh thuê, tiếp tục thực hiện hạng mục móng trụ đường dây 110kV thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 48/TTr-STNMT ngày 14 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 4.567,6m^2 (trong đó có 69,1m^2 đất vừa thuộc hành lang bảo vệ đê biển và thuộc hành lang an toàn lưới điện 110kV; 4.464,9m^2 đất thuộc diện tích hành lang an toàn lưới điện 110kV) của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, thuộc các thửa đất: 396, 398, 399, 401, 403, 405, 407, 409, 411, 413, 433, 1004, 1352, 1358, 1360, 1362, 1364, 1366, 1368, 1370, 1649, 2092, 2093, 2434, 2436, 2438, 2444, 2446, 2448, 2450, 2453, 2455, 2463, 2465, 2677, 2678, tờ bản đồ số: 2, 3, 4, 5; loại đất công trình năng lượng, tọa lạc tại các xã: Trường Long Hòa và Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Lý do thu hồi đất: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh tự nguyện trả lại đất để cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh thuê, tiếp tục thực hiện hạng mục móng trụ đường dây 110kV thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính số: 39, 41, 43, 45, 47, 49, 51, 53, 55, 57, 59, 61, 63, 65, 67, 69, 87, 91, 109/TL-VPĐKĐĐ cùng tỷ lệ 1/500; 71, 73, 75, 77, 79, 81, 83, 85, 93, 95, 97, 99, 101, 103, 105, 107/TL-VPĐKĐĐ cùng tỷ lệ 1/200; 89/TL-VPĐKĐĐ tỷ lệ 1/1000, cùng ngày 10 tháng 02 năm 2023, do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập.

Điều 2. Căn cứ Điều 1, Quyết định này, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Trường Long Hòa và Hiệp Thạnh có trách nhiệm giao Quyết định này cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh;

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và các đơn vị có liên quan thực hiện việc thu hồi đất trên thực địa; chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chánh Thanh tra tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Trương Long Hòa, Hiệp Thạnh và Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các Phòng: CNXD, KT;
- TT TH-CB;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Quỳnh Thiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 191 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 21 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh, thuê 4.567,6m² đất, tọa lạc tại các xã: Trường Long Hòa và Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để tiếp tục thực hiện hạng mục móng trụ đường dây 110kV thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 48/TTr-STNMT ngày 14 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh, địa chỉ trụ sở chính: Khu nhà điều hành Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3, ấp Nhà Mát, xã trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, thuê 4.567,6m^2 đất (trong đó có 69,1m^2 đất vừa thuộc hành lang bảo vệ đê biển và thuộc hành lang an toàn lưới điện 110kV; 4.464,9m^2 đất thuộc diện tích hành lang an toàn lưới điện 110kV), thuộc thửa đất số: 396, 398, 399, 401, 403, 405, 407, 409, 411, 413, 433, 1004, 1352, 1358, 1360, 1362, 1364, 1366, 1368, 1370, 1649, 2092, 2093, 2434, 2436, 2438, 2444, 2446, 2448, 2450, 2453, 2455, 2463, 2465, 2677, 2678, tờ bản đồ số: 2, 3, 4, 5, loại đất công trình năng lượng, tọa lạc tại các xã: Trường Long Hòa và Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để tiếp tục thực hiện hạng mục móng trụ đường dây 110kV thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Thời hạn sử dụng đất: Từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 23 tháng 4 năm 2044.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo các Trích lục bản đồ địa chính: số 40, 42, 44, 46, 48, 50, 52, 54, 56, 58, 60, 62, 64, 66, 68, 70, 88, 92, 110/TL-VPĐKĐĐ tỷ lệ 1/500; số: 72, 74, 76, 78, 80, 82, 84, 86, 94, 96, 98, 100, 102, 104, 106, 108/TL-VPĐKĐĐ tỷ lệ 1/200 và số 90/TL-VPĐKĐĐ tỷ lệ 1/1000, cùng ngày 10 tháng 02 năm 2023, do Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thông báo cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo đúng quy định của pháp luật;

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và đơn vị có liên quan xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh theo quy định;

3. Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh theo quy định;

4. Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

5. Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Trường Long Hòa, Hiệp Thạnh và Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các Phòng: CNXD, KT;
- TT TH-CB;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện

Mẫu số 4

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Số: 23 /HĐTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2019 và các Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3750/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020, số 501/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh,

thuê 4.567,6m² đất, tọa lạc tại các xã: Trường Long Hòa và Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để tiếp tục thực hiện hạng mục móng trụ đường dây 110kV thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2881811743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 29 tháng 12 năm 2022 (chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2019);

Căn cứ Quyết định số 1142/QĐ-CTTVI ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Trà Vinh về việc miễn tiền thuê đất;

Căn cứ Thông báo số 779/TB-CTTVI ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Cục Thuế tỉnh Trà Vinh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông báo nộp tiền số 826/TB-CTTVI ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Cục Thuế tỉnh Trà Vinh về tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm;

Ngày 14/3/2023, Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh có Công văn số 10/2023/CV-RTV về việc cung cấp thông tin theo Thông báo số 89/TB-STNMT ngày 03/3/2023.

Hôm nay, ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh;

Địa chỉ: Số 478A, đường Mậu Thân, khóm 3, Phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;

Người đại diện: Ông Nguyễn Vạn Kha;

Chức vụ: Phó Giám đốc.

(Theo Quyết định số 240/QĐ-STNMT ngày 20/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc phân công nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm đối với Giám đốc và các Phó Giám đốc).

II. Bên thuê đất là:

Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh;

Địa chỉ: Khu nhà điều hành Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3, ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Số điện thoại: 0294 3900868;

Mã số thuế: 2100673348;

Người đại diện: Ông Nguyễn Quang Quyền;

Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản số: 1030961283 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất 4.567,6m^2 *(Bốn ngàn, năm trăm sáu mươi bảy phẩy sáu mét vuông)*, trong đó có 69,1m^2 đất vừa thuộc hành lang bảo vệ đê biển và thuộc hành lang an toàn lưới điện 110kV, có 4.464,9m^2 đất thuộc diện tích hành lang an toàn lưới điện 110kV; tọa lạc tại các xã: Trường Long Hòa và Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

2. Vị trí, ranh giới khu đất thuê được xác định theo các Tờ trích lục bản đồ địa chính số: 40, 42, 44, 46, 48, 50, 52, 54, 56, 58, 60, 62, 64, 66, 68, 70, 88, 92, 110/TL-VPĐKĐĐ cùng tỷ lệ 1/500; số: 72, 74, 76, 78, 80, 82, 84, 86, 94, 96, 98, 100, 102, 104, 106, 108/TL-VPĐKĐĐ cùng tỷ lệ 1/200; số 90/TL-VPĐKĐĐ tỷ lệ 1/1000, do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập cùng ngày 10/02/2023.

3. Thời hạn thuê đất: kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2023 đến hết ngày 23 tháng 4 năm 2044.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Sử dụng vào mục đích đất công trình năng lượng để tiếp tục thực hiện hạng mục móng trụ đường dây 110kV thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

- Ngoài Khu Kinh tế Định An (các thửa đất: 396, 398, 399, 401, 403, 405, 407, 409, 411, 413, 433, 1004, 1352, 1358, 1360, 1362, 1364, 1366, 1368, 1370, 1649), VT1 = VT 2 = VT3 = HLATBV đê biển = 1.000 đồng/m^2/năm *(Một ngàn đồng trên một mét vuông trên năm).*

- Trong Khu Kinh tế Định An (các thửa đất: 2092, 2093, 2434, 2436, 2438, 2444, 2446, 2448, 2450, 2453, 2455, 2463, 2465, 2677, 2678), VT1 = VT 2 = VT3 = 1.000 đồng/m^2/năm *(Một ngàn đồng trên một mét vuông trên năm).*

- Tổng số tiền thuê đất phải nộp hàng năm: 4.567.600 đồng/năm (*Bốn triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, sáu trăm đồng trên năm*). Riêng năm 2023, số tiền thuê đất phải nộp là 3.806.333 đồng (*Ba triệu, tám trăm lẻ sáu ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

- Đơn giá thuê đất nêu trên được tính ổn định 05 năm kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2023 đến hết ngày 20 tháng 02 năm 2028. Hết thời hạn ổn định, đơn giá thuê đất được điều chỉnh lại theo quy định hiện hành của thời kỳ tiếp theo và Bên thuê đất thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định theo thông báo nộp tiền thuê đất do cơ quan thuế ban hành.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 21 tháng 02 năm 2023 đến hết ngày 23 tháng 4 năm 2044.

3. Các khoản miễn, giảm tiền thuê đất: Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh có trách nhiệm thực hiện theo Quyết định miễn, giảm tiền thuê đất của cơ quan thuế đúng theo quy định.

4. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền thuê đất hàng năm.

5. Nơi nộp tiền thuê đất: Tại Kho Bạc Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

6. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2019 và các Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3750/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020, 501/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2881811743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 29 tháng 12 năm 2022 (chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2019).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận của các Bên (nếu có): Không.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có): Không.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Bên thuê đất	**Bên cho thuê đất**
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*
CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ TRÀ VINH	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH
Nguyễn Quang Quyền	**Nguyễn Vạn Kha**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 453 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 07 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi 10.633,9m² đất, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, do Công ty tự nguyện trả lại đất để cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh thuê, tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 119/TTr-STNMT ngày 05 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 10.633,9m^2 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, thuộc thửa đất số 1980, tờ bản đồ số 4, loại đất công trình năng lượng, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Lý do thu hồi đất: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh tự nguyện trả lại đất để cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh thuê, tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính số 215/TL-VPĐKĐĐ tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 22 tháng 3 năm 2023.

Điều 2. Căn cứ Điều 1, Quyết định này, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa có trách nhiệm giao Quyết định này cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh;

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và các đơn vị có liên quan thực hiện việc thu hồi đất trên thực địa; chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chánh Thanh tra tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa và Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các Phòng: CNXD, KT;
- TT TH-CB;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 454 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 07 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh, thuê 10.633,9m² đất, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 119/TTr-STNMT ngày 05 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh, địa chỉ trụ sở chính: Khu nhà điều hành Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3, ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, thuê 10.633,9m^2 đất, thuộc thửa đất 1980, tờ bản đồ số 4, loại đất công trình năng lượng, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Thời hạn sử dụng đất: Từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 23 tháng 4 năm 2044.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính số 216/TL-VPĐKĐĐ tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 22 tháng 3 năm 2023.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thông báo cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo đúng quy định của pháp luật;

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và đơn vị có liên quan xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh theo quy định;

3. Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh theo quy định;

4. Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

5. Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa và Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các Phòng: CNXD, KT;
- TT TH-CB;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện

Mẫu số 4

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Số: 44/HĐTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 04 tháng 4 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2019 và các Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3750/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020, số 501/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2881811743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 29 tháng 12 năm 2022 (chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2019);

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh, thuê 10.633,9m² đất, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3;

Căn cứ Thông báo số 1720/TB-CTTVI ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Cục Thuế tỉnh Trà Vinh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông báo nộp tiền số 1746/TB-CTTVI ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Cục Thuế tỉnh Trà Vinh về tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm;

Ngày 11/4/2023, Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh có Công văn số 005/202304/CV-RTV về việc cung cấp thông tin kí hợp đồng thuê đất 10.633,9m² đất, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để tiếp tục thực hiện dự án NMĐG V1-3 Trà Vinh.

Hôm nay, ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh;

Địa chỉ: Số 478A, đường Mậu Thân, khóm 3, Phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;

Người đại diện: Ông Nguyễn Vạn Kha;

Chức vụ: Phó Giám đốc.

(Theo Quyết định số 240/QĐ-STNMT ngày 20/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc phân công nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm đối với Giám đốc và các Phó Giám đốc).

II. Bên thuê đất là:

Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh;

Địa chỉ: Khu nhà điều hành Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3, ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Số điện thoại: 0294 3900868;

Mã số thuế: 2100673348;

Người đại diện: Ông Nguyễn Quang Quyền;

Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản số: 1030961283 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất 10.633,9m² *(Mười ngàn, sáu trăm ba mươi ba phẩy chín mét vuông)*, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

2. Vị trí, ranh giới khu đất thuê được xác định theo các Tờ trích lục bản đồ địa chính số 216/TL-VPĐKĐĐ tỷ lệ 1/1000, do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 22/3/2023.

3. Thời hạn thuê đất: kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 23 tháng 4 năm 2044.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Sử dụng vào mục đích đất công trình năng lượng để tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

- Vị trí 1 = Vị trí 2 = 1.000 đồng/m^2/năm *(Một ngàn đồng trên một mét vuông trên năm).*

- Tổng số tiền thuê đất phải nộp hàng năm: 10.633.900 đồng/năm *(Mười triệu, sáu trăm ba mươi ba ngàn chín trăm đồng trên năm).* Riêng năm 2023, số tiền thuê đất phải nộp là 7.975.425 đồng *(Bảy triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).*

- Đơn giá thuê đất nêu trên được tính ổn định 05 năm kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 06 tháng 4 năm 2028. Hết thời hạn ổn định, đơn giá thuê đất được điều chỉnh lại theo quy định hiện hành của thời kỳ tiếp theo và Bên thuê đất thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định theo thông báo nộp tiền thuê đất do cơ quan thuế ban hành.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 07 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 23 tháng 4 năm 2044.

3. Các khoản miễn, giảm tiền thuê đất: Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh có trách nhiệm thực hiện theo Quyết định miễn, giảm tiền thuê đất của cơ quan thuế đúng theo quy định.

4. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền thuê đất hàng năm.

5. Nơi nộp tiền thuê đất: Tại Kho Bạc Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

6. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2019 và các Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3750/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020, 501/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2881811743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 29 tháng 12 năm 2022 (chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2019).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận của các Bên (nếu có): Không.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có): Không.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Bên thuê đất	**Bên cho thuê đất**
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*
CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Nguyễn Quang Quyền	**Nguyễn Vạn Kha**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2443 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 19 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao quyền sử dụng khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3;

Căn cứ Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3";

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị giao quyền sử dụng khu vực biển ngày 16/6/2020 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, nộp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 309/TTr-STNMT ngày 18/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh; địa chỉ: Số 364 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục đích sử dụng khu vực biển: Xây dựng dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Địa điểm khu vực biển: Xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích là: 1014,7ha, độ sâu được phép sử dụng là: 65m (tại các vị trí trụ móng tua bin), được giới hạn bởi 96 điểm góc từ TK1 đến TK93 và 2.2F, 2.2E, 2.2D có tọa độ thể hiện trong Phụ lục kèm theo và được thể hiện trên Bản đồ khu vực biển.

Thời hạn sử dụng khu vực biển: Từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 23/4/2044.

Tiền sử dụng khu vực biển Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh phải nộp hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế trên cơ sở quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển do UBND tỉnh ban hành hàng năm; riêng năm 2020, Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh phải nộp tiền sử dụng khu vực biển là: 3.044.100.000 đồng *(Ba tỷ, không trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm nghìn đồng).*

(3.000.000 đồng/ha/năm x 1014,7ha x 01 năm = 3.044.100.000 đồng).

Điều 2. Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, có trách nhiệm:

1. Nộp tiền sử dụng khu vực biển hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế.

2. Tiến hành sử dụng khu vực biển đúng tọa độ, phạm vi ranh giới được giao.

3. Sử dụng khu vực biển đúng mục đích quy định tại Điều 1 Quyết định này.

4. Trước khi tiến hành sử dụng khu vực biển phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra thực địa tại khu vực biển được sử dụng.

5. Báo cáo, cung cấp thông tin tình hình sử dụng khu vực biển cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường biển, phục hồi, cải thiện môi trường biển khi thời hạn sử dụng khu vực biển hết hiệu lực.

7. Không cản trở các hoạt động khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện trong khu vực biển được giao và các hoạt động hợp pháp khác trên biển theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh;
- Các Sở: TN&MT, CT, TC, GTVT, XD;
- Cục Thuế tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Trà Vinh;
- UBND thị xã Duyên Hải;
- Cty Cổ phần Cơ Điện Lạnh;
- LĐVP; các Phòng: CNXD, KT;
- Lưu: VT, NN. 07

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

D:\Tot20\Giao khu vuc bien\02. Giao 1.014,7ha khu vuc bien cong ty Co Dien Lanh

Mẫu số 05 Nghị định 51/2014/NĐ-CP

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ GIAO SỬ DỤNG

Để thực hiện Dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.
Địa điểm: Khu vực biển xã Trường Long Hoà,
thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

(Kèm theo Quyết định số: 2443 /QĐ-UBND
ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh)

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	X	Y
	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(m)	(m)
TK1	9°41'24.0"	106°35'27.1"	1071652	619708
TK2	9°41'17.7"	106°35'28.5"	1071459	619752
TK3	9°41'16.7"	106°35'28.7"	1071427	619756
TK4	9°41'15.9"	106°35'28.6"	1071402	619755
TK5	9°41'12.3"	106°35'27.9"	1071293	619734
TK6	9°41'11.9"	106°35'27.8"	1071280	619729
TK7	9°41'10.5"	106°35'27.1"	1071237	619708
TK8	9°41'09.7"	106°35'26.4"	1071211	619688
TK9	9°41'06.9"	106°35'24.3"	1071125	619623
TK10	9°41'01.8"	106°35'20.4"	1070970	619507
TK11	9°41'01.7"	106°35'20.3"	1070965	619504
TK12	9°41'01.6"	106°35'20.2"	1070962	619501
TK13	9°41'01.5"	106°35'20.2"	1070959	619500
TK14	9°41'01.4"	106°35'20.2"	1070958	619498
TK15	9°41'01.4"	106°35'20.1"	1070955	619496
TK16	9°40'59.6"	106°35'17.7"	1070901	619423

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	X	Y
	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(m)	(m)
TK17	9°40'59.4"	106°35'17.4"	1070895	619414
TK18	9°40'59.3"	106°35'17.3"	1070893	619412
TK19	9°40'58.9"	106°35'16.5"	1070878	619387
TK20	9°40'58.8"	106°35'16.4"	1070877	619384
TK21	9°40'58.8"	106°35'16.3"	1070875	619381
TK22	9°40'58.5"	106°35'15.8"	1070867	619367
TK23	9°40'58.5"	106°35'15.8"	1070865	619365
TK24	9°40'57.3"	106°35'14.0"	1070830	619311
TK25	9°40'57.1"	106°35'13.8"	1070824	619304
TK26	9°40'56.8"	106°35'13.3"	1070814	619290
TK27	9°40'56.0"	106°35'12.2"	1070788	619256
TK28	9°40'55.6"	106°35'11.7"	1070777	619240
TK29	9°40'55.4"	106°35'11.4"	1070770	619231
TK30	9°40'55.1"	106°35'11.0"	1070761	619219
TK31	9°40'54.5"	106°35'10.0"	1070742	619191
TK32	9°40'53.1"	106°35'08.2"	1070700	619134
TK33	9°40'48.6"	106°35'04.0"	1070562	619006
TK34	9°40'46.4"	106°35'02.8"	1070494	618971
TK35	9°40'41.4"	106°35'01.9"	1070340	618944
TK36	9°40'37.0"	106°35'02.1"	1070206	618951
TK37	9°40'32.0"	106°35'02.7"	1070053	618970
TK38	9°40'30.2"	106°35'03.0"	1069996	618977
TK39	9°40'27.3"	106°35'03.3"	1069906	618988

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	X	Y
	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(m)	(m)
TK40	9°40'27.1"	106°35'03.3"	1069902	618989
TK41	9°40'24.1"	106°35'04.2"	1069810	619015
TK42	9°40'24.0"	106°35'04.2"	1069806	619016
TK43	9°40'18.0"	106°35'05.6"	1069621	619058
TK44	9°40'12.1"	106°35'06.9"	1069442	619098
TK45	9°40'10.1"	106°35'07.0"	1069379	619101
TK46	9°40'07.5"	106°35'06.6"	1069298	619090
TK47	9°40'05.6"	106°35'06.3"	1069242	619081
TK48	9°40'04.0"	106°35'05.7"	1069190	619064
TK49	9°40'03.7"	106°35'05.7"	1069183	619062
TK50	9°40'03.7"	106°35'05.7"	1069182	619062
TK51	9°40'03.6"	106°35'05.6"	1069178	619060
TK52	9°40'03.4"	106°35'05.6"	1069174	619059
TK53	9°40'02.0"	106°35'05.3"	1069131	619050
TK54	9°40'00.8"	106°35'05.0"	1069093	619041
TK55	9°40'00.2"	106°35'04.8"	1069074	619037
TK56	9°39'59.1"	106°35'04.6"	1069042	619030
TK57	9°39'59.0"	106°35'04.6"	1069038	619029
TK58	9°39'58.8"	106°35'04.5"	1069030	619027
TK59	9°39'58.6"	106°35'04.4"	1069025	619025
TK60	9°39'58.4"	106°35'04.3"	1069018	619023
TK61	9°39'58.2"	106°35'04.3"	1069014	619022
TK62	9°39'58.0"	106°35'04.3"	1069006	619020

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	X	Y
	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(m)	(m)
TK63	9°39'57.2"	106°35'04.0"	1068981	619012
TK64	9°39'56.4"	106°35'03.7"	1068958	619004
TK65	9°39'55.9"	106°35'03.6"	1068941	618999
TK66	9°39'55.4"	106°35'03.4"	1068926	618994
TK67	9°39'55.1"	106°35'03.3"	1068917	618991
TK68	9°39'54.6"	106°35'03.0"	1068901	618981
TK69	9°39'54.2"	106°35'02.7"	1068891	618972
TK70	9°39'51.4"	106°34'59.6"	1068805	618877
TK71	9°39'48.3"	106°34'56.1"	1068708	618772
TK72	9°39'48.2"	106°34'56.0"	1068703	618768
TK73	9°39'48.0"	106°34'55.8"	1068698	618764
TK74	9°39'46.4"	106°34'54.8"	1068651	618732
TK75	9°39'46.2"	106°34'54.6"	1068645	618728
TK76	9°39'45.8"	106°34'54.4"	1068631	618720
TK77	9°39'45.5"	106°34'54.2"	1068621	618713
TK78	9°39'45.4"	106°34'54.1"	1068619	618711
TK79	9°39'44.9"	106°34'53.7"	1068603	618698
TK80	9°39'41.8"	106°34'51.5"	1068507	618632
TK81	9°39'37.5"	106°34'49.1"	1068375	618559
TK82	9°39'37.3"	106°34'49.0"	1068371	618556
TK83	9°39'37.2"	106°34'48.9"	1068367	618554
TK84	9°39'37.1"	106°34'48.8"	1068362	618552
TK85	9°39'36.9"	106°34'48.7"	1068356	618549

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	X	Y
	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(m)	(m)
TK86	9°39'36.7"	106°34'48.7"	1068351	618547
TK87	9°39'36.2"	106°34'48.4"	1068334	618540
TK88	9°39'35.5"	106°34'48.2"	1068315	618532
TK89	9°39'35.5"	106°34'48.2"	1068314	618532
TK90	9°39'35.1"	106°34'47.9"	1068301	618524
TK91	9°39'33.7"	106°34'47.1"	1068258	618499
TK92	9°39'30.7"	106°34'45.5"	1068165	618451
TK93	9°39'18.8"	106°34'38.3"	1067799	618232
2.2F	9°38'49.5"	106°36'04.6"	1066909	620867
2.2E	9°40'11.0"	106°36'21.5"	1069414	621374
2.2D	9°41'23.0"	106°36'25.9"	1071627	621502

- Diện tích của khu vực biển: 1014,7(ha).
- Độ sâu đề nghị được sử dụng là: 65,0(m).

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1042/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 01 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao quyền sử dụng khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển 05 năm (2021 - 2025) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3;

Căn cứ Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3";

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại một phần khu vực biển ngày 06/5/2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, nộp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 269/TTr-STNMT ngày 01/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh; địa chỉ: Số 364 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục đích sử dụng khu vực biển: Xây dựng dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Địa điểm khu vực biển: Xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích là: 278,75ha, độ sâu được phép sử dụng là: 65m, được giới hạn bởi 26 điểm góc từ TK1 đến TK6, TK6A, GD2-1, GD2-2, TK35A, từ TK36 đến TK43, TK43A, GD1-1, GD1-2 và từ GD2-3 đến GD2-7 có tọa độ thể hiện trên sơ đồ khu vực biển còn lại sau khi trả lại một phần khu vực biển theo Mẫu số 05 Phụ lục Nghị định số 11/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Thời hạn sử dụng khu vực biển: Từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 23/4/2044.

Tiền sử dụng khu vực biển Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh phải nộp hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế trên cơ sở quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác năng lượng gió do UBND tỉnh ban hành theo từng thời điểm.

Điều 2. Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, có nghĩa vụ:

1. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Khoản 7 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tiến hành sử dụng khu vực biển theo đúng tọa độ, diện tích, phạm vi, ranh giới, độ cao.

3. Sử dụng khu vực biển đúng mục đích quy định tại Điều 1 Quyết định này.

4. Nộp tiền sử dụng khu vực biển hàng năm theo Thông báo của cơ quan thuế.

5. Trước khi tiến hành sử dụng khu vực biển phải thông báo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để bàn giao thực địa.

6. Báo cáo, cung cấp thông tin tình hình sử dụng khu vực biển cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường biển, phục hồi, cải thiện môi trường biển khi thời hạn sử dụng khu vực biển hết hiệu lực.

8. Không cản trở các hoạt động khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện trong khu vực biển được giao và các hoạt động hợp pháp khác trên biển theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh về việc giao quyền sử dụng khu vực biển.

1. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh; Chủ tịch UBND thị xã Duyên hải có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; các Phòng: CNXD, KT;
- Lưu: VT, NN. 12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2534/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 29 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3" họp ngày 03/10/2019;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3" đã được bổ sung, chỉnh sửa gửi kèm Văn bản số 187/2019/CĐL ngày 20/11/2019 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh;

Xét Tờ trình số 655/TTr-STNMT ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3",

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3" *(sau đây gọi là Dự án)* của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh *(sau đây gọi là Chủ dự án)* thực hiện tại xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và phải hoạt động đúng theo công suất thiết kế được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNN. 04

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3"
(Kèm theo Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

I. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (địa chỉ: Số 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh).

- Quy mô, hạng mục công trình chính của dự án: Sản xuất và cung cấp điện từ năng lượng gió với quy mô công suất thiết kế 48MW (12 trụ tua bin gió). Hạng mục công trình chính của dự án bao gồm:

+ Khu quản lý vận hành và trạm biến áp.

+ Khu vực trụ tua bin gió.

+ Tuyến đường dây đấu nối 110kV.

+ Tuyến cáp ngầm 22kV.

Quy mô dự án, vị trí xây dựng trạm biến áp và hướng tuyến đường dây thống nhất với chủ trương đầu tư tại Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 và Công văn số 4262/UBND-CNXD ngày 11/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh đường dây 110kV của dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 (Chi tiết quy mô các hạng mục được trình bày theo báo cáo ĐTM đính kèm).

II. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

A. Giai đoạn triển khai xây dựng

1. Các tác động môi trường chính của dự án: Chủ yếu bao gồm: giải phóng mặt bằng, nước thải (nước mưa chảy tràn, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt); chất thải rắn thông thường (sinh khối thực vật, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt); chất thải nguy hại; bụi và khí thải (phương tiện vận chuyển, thi công; hoạt động vận chuyển, tập kết vật tư; hoạt động thi công); tiếng ồn; độ rung; giao thông; kinh tế - xã hội và các rủi ro, sự cố.

2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.1. Nước thải từ công đoạn vệ sinh máy móc, thiết bị: Phát sinh với lưu lượng rất thấp, nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng như COD, BOD_5, cặn lơ lửng và có thể nhiễm dầu.

2.2. Nước thải sinh hoạt: Chủ yếu do quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng với lưu lượng tối đa 13,5 m^3/ngày.đêm, phân tán theo từng khu vực thi công. Thành phần gồm: chất lơ lửng, dầu mỡ, nồng độ chất hữu cơ cao, các chất

cặn bã, các chất hữu cơ hòa tan (thông qua các chỉ tiêu BOD_5, COD), các chất dinh dưỡng (nitơ, phốt pho) và vi sinh vật.

2.3. Nước mưa chảy tràn: Chảy tràn trên bề mặt khu vực thi công, không liên tục, có khả năng mang chất ô nhiễm khi thải vào nguồn tiếp nhận.

3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Chủ yếu từ phương tiện vận chuyển, hoạt động thi công, phương tiện thi công; mang tính chất phân tán, không liên tục; thành phần chủ yếu là bụi vô cơ, hữu cơ, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu (CO, NO_x, SO_x,...).

4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

4.1. Chất thải rắn từ chuẩn bị mặt bằng: Phát sinh tại khu quản lý vận hành, trạm biến áp và tuyến đường dây 110kV; hiện trạng chủ yếu là đất trống, hoa màu, cây bụi thấp nên khối lượng phát sinh thấp.

4.2. Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh từ hoạt động thi công tại khu quản lý vận hành, trạm biến áp, khu vực tua bin gió và thi công tuyến đường dây, thành phần chủ yếu như: sắt, thép vụn, bê tông vụn, gạch, đá, xi măng với khối lượng tối đa khoảng 100kg/ngày. Ngoài ra, còn phát sinh bùn đất từ quá trình nạo vét luồng cho phương tiện thi công khu vực tua bin gió (phương án thi công dự phòng), thi công móng trụ tua bin và cáp ngầm 22kV với tính chất phân tán theo không gian khu vực thi công.

4.3. Chất thải rắn sinh hoạt: Thành phần bao gồm các loại bao bì, vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa...; phát sinh tại từng khu vực thi công (khu quản lý vận hành, trạm biến áp, khu tua bin gió, tuyến đường dây) với tổng khối lượng tối đa 36 kg/ngày.

5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH): Chủ yếu phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo trì máy móc thi công (dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu,..) tối đa khoảng 08 kg/ngày và phát sinh từ quá trình bôi trơn khi lắp ráp hạng mục trụ tua bin (dầu động cơ, hộp số và bôi trơn) với khối lượng khoảng 120 kg. Thành phần có chứa một số chất có tính độc hại như: chì, kẽm, thủy ngân lỏng và một số hóa chất độc hại khác.

6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng

6.1. Về thu gom và xử lý nước thải

6.1.1. Nước mưa chảy tràn

- Khu vực thi công khu quản lý vận hành, trạm biến áp, tuyến đường dây 110kV: Bố trí rãnh thoát tạm (có hố gas) tại khu vực bãi thi công để thoát nước, nước mưa được thoát theo hình thức chảy tràn tự nhiên ra khu vực xung quanh; che chắn khu vực kho chứa vật tư, máy móc thi công; khu vực tập kết chất thải, thùng chứa rác sinh hoạt có nắp đậy, để nơi khô ráo, có mái che.
- Khu vực thi công trụ tua bin gió: Che chắn kín các máy móc, thiết bị thi công không để xảy ra việc nước mưa chảy tràn nhiễm thành phần dầu mỡ xuống biển; che chắn kín vật liệu thi công, tránh sự rửa trôi nguyên, vật liệu thi công xuống biển; vệ sinh khu vực thi công hàng ngày để hạn chế lượng chất thải rơi vãi.

6.1.2. Nước thải từ hoạt động thi công

- Khu vực thi công khu quản lý vận hành, trạm biến áp, tuyến đường dây 110kV: Lưu lượng nước thải phát sinh khá ít và không thường xuyên. Do đó, việc thực hiện vệ sinh máy móc, thiết bị, dụng cụ xây dựng được thực hiện ngay tại công trình, lượng nước phát sinh được tận dụng để tưới nền và không thải bỏ ra môi trường xung quanh.

- Khu vực thi công trụ tua bin gió: Thu gom vào các bồn nhựa loại 200 lít để lắng sơ bộ. Phần nước trong sau khi lắng được tái sử dụng lại cho hoạt động thi công. Phần cặn lắng được thu gom vào các bao tải cột miệng, cuối ngày làm việc được thu gom, tập kết về khu lưu chứa tạm thuộc khu quản lý vận hành và trạm biến áp để xử lý chung.

6.1.3. Nước thải sinh hoạt

- Xây dựng nội quy nghiêm cấm công nhân phóng uế bừa bãi tại khu vực thi công xây dựng. Ưu tiên tuyển dụng nhân công ở địa phương, có điều kiện ăn nghỉ tại gia đình để góp phần hạn chế chất thải phát sinh.

- Khu vực lán trại: Xây dựng nhà vệ sinh hoặc bố trí 02 nhà vệ sinh di động cho công nhân sinh hoạt.

- Khu vực thi công các tua bin gió: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động trên phương tiện thi công.

- Nước thải và bùn cặn từ nhà vệ sinh định kỳ thuê đơn vị có chức năng nạo hút và thu gom theo đúng quy định.

6.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Vật tư được tập kết vào kho chứa che chắn kín để bảo quản. Ưu tiên sử dụng bê tông tươi nhằm giảm thiểu khối lượng vật liệu tập kết vào dự án.

- Phun nước tạo độ ẩm bề mặt công trình; lắp đặt hàng rào tạm bằng tôl xung quanh khu vực thi công khu nhà quản lý vận hành và trạm biến áp.

- Phương tiện vận chuyển, máy móc thi công sử dụng phải còn hạn đăng kiểm, được kiểm tra an toàn trước khi sử dụng tại công trình; ưu tiên sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc sinh học; quá trình vận chuyển được che chắn kín.

- Công nhân tham gia thi công xây dựng được tập huấn về an toàn lao động, được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động theo quy định.

6.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

6.3.1. Chất thải rắn từ chuẩn bị mặt bằng: Sinh khối thực vật được thu gom và cho người dân tái sử dụng làm nhiên liệu đốt.

6.3.2. Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện quản lý chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, cụ thể:

- Đối với cát, sỏi, gạch vỡ thừa, đất đào khu vực thi công khu quản lý vận hành, trạm biến áp và tuyến đường dây 110 kV tận dụng làm nguyên liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng dự án.

- Đối với các loại rác thải xây dựng không thể tái sử dụng hay tái chế (cốp pha gỗ, ván xây dựng, dây đai, bao bì, ...) thu gom tập trung vào khu vực lưu

chứa tạm có diện tích khoảng 10m^2, có mái che, bố trí cạnh bãi tập kết nguyên liệu; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét luồng cho phương tiện thi công khu vực tua bin gió (phương án thi công dự phòng), thi công móng trụ tua bin và cáp ngầm 22kV san lấp hoàn trả lại khu vực thi công sau khi hoàn thành.

6.3.3. Chất thải rắn sinh hoạt

- Ưu tiên tuyển công nhân có điều kiện tự chủ động chỗ ở, người dân địa phương để giảm bớt nhu cầu lán trại tạm ngoài công trường, giảm thiểu chất thải phát sinh.

- Bố trí thùng đựng rác thải sinh hoạt cho từng lán trại, tất cả rác thải phát sinh từ công trường đều được thu gom.

- Rác sinh hoạt trên các phương tiện thi công trên biển được thu gom vào các thùng chứa và vận chuyển tập kết tại khu quản lý vận hành, trạm biến áp.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong ngày theo đúng quy định.

6.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện thi công tại công trường.

- Dầu mỡ thải phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công được thu gom riêng và chứa trong các thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ ra môi trường.

- Bố trí khu vực chứa CTNH riêng biệt tại vị trí cạnh khu vực tập kết chất thải rắn xây dựng để lưu trữ CTNH phát sinh. Đảm bảo công tác quản lý CTNH phát sinh theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định.

6.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

6.5.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công có độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm, không thi công vào ban đêm (sau 22 giờ).

6.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến sinh vật thủy sinh và nghề nuôi

trồng thủy hải sản

- Không thải chất thải lẫn dầu của thiết bị xây dựng vào nguồn nước. Mọi nguồn thải nhiễm dầu phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định đối với CTNH.

- Bố trí hệ thống phao quây chống tràn dầu để thu hồi dầu và các chất thải phát sinh từ phương tiện thi công trên biển.

- Các phương tiện vận chuyển hoặc thi công đáp ứng các quy phạm về hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển theo quy định.

6.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

6.6.1. Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng

- Chủ dự án phối hợp với Hội đồng bồi thường của địa phương thực hiện tốt chính sách bồi thường, hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng do dự án.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố (mâu thuẫn, tranh chấp...) phải phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan để giải quyết.

6.6.2. Sự cố tai nạn giao thông đường bộ

- Hạn chế phương tiện vận tải tham gia giao thông vào những giờ cao điểm trong quá trình thi công.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho các tài xế, công nhân thi công xây dựng về việc tuân thủ an toàn giao thông.

- Đặt các biển báo tốc độ và lắp đặt đèn sáng, đèn báo hiệu khi vận chuyển vào trời tối, ban đêm.

- Chủ dự án khảo sát địa hình, địa chất khu vực, bố trí gia cố các tuyến đường có nguy cơ gây sụt lún khi vận chuyển; bố trí cán bộ theo dõi, hướng dẫn phân làn cho toàn bộ quá trình vận chuyển, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển.

6.6.3. Sự cố tai nạn lao động

- Các máy móc thiết bị thi công phải có lý lịch kèm theo và phải được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Có quy trình kỹ thuật an toàn cho các loại máy móc, thiết bị; quy trình an toàn lao động và vệ sinh lao động nơi làm việc.

- Trang bị đầy đủ, đúng chủng loại các phương tiện bảo hộ lao động và thực hiện các chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động theo quy định.

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc chấp hành các quy định, nội quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động và sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc của công nhân.

- Khi thi công trên cao, vận chuyển, bốc dỡ và lắp đặt máy móc thiết bị, sử dụng điện phục vụ cho thi công đều có các biện pháp an toàn, phòng ngừa sự cố.

6.6.4. Sự cố cháy nổ, chập điện

- Xây dựng và ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy khu vực thi công.

- Các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

- Lắp đặt biển báo, trang bị các phương tiện chữa cháy cần thiết như bình bọt, bình CO_2, cát,... và đặt tại vị trí thuận tiện cho công tác chữa cháy khi có sự cố xảy ra.

- Tổ chức tuyên truyền, kiểm tra công tác phòng chống cháy nổ tại các kho, lán trại của các đơn vị thi công.

- Xây dựng các nội quy cấm công nhân không được hút thuốc, không gây phát lửa tại các khu vực có thể gây cháy.

6.6.5. Sự cố tai nạn giao thông và rò rỉ, tràn dầu trên biển

- Công tác vận chuyển, thi công bằng đường biển cần đề cao các biện pháp an toàn. Các phương tiện phải được kiểm định định kỳ, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để đảm bảo luôn trong trạng thái hoạt động tốt nhất.

- Các phương tiện vận chuyển và thi công đều phải tuân thủ các quy định về trang bị thiết bị an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định.

- Khi xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ dầu ở mức độ nhỏ, các phương tiện tự tổ chức ứng phó bằng cách quây dầu bằng phao quây sau đó sử dụng máy bơm có trang bị đầu hút dầu nổi, hút triệt để toàn bộ lượng dầu bị tràn đổ, rò rỉ trên biển vào các thùng chứa, đậy nắp kín sau đó vận chuyển vào bờ để chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Khi xảy ra sự cố tràn dầu ở mức độ lớn, tốc độ lan truyền nhanh vượt quá khả năng tự xử lý của dự án phải thông báo ngay cho cơ quan chức năng biết để chỉ đạo, phối hợp xử lý.

B. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

1. Các tác động môi trường chính của dự án: Chủ yếu bao gồm: nước thải (nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt); chất thải rắn thông thường (chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn từ quá trình bảo trì, sửa chữa); chất thải nguy hại; bụi và khí thải; tiếng ồn; giao thông; kinh tế - xã hội và các rủi ro, sự cố.

2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.1. Nước thải sinh hoạt: Chủ yếu phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân với lưu lượng tối đa 03 m^3/ngày.đêm; thành phần gồm nhiều chất lơ lửng, dầu mỡ, nồng độ chất hữu cơ cao, các chất cặn bã, các chất hữu cơ hòa tan (thông qua các chỉ tiêu BOD_5, COD), các chất dinh dưỡng (nitơ, phốt pho) và vi sinh vật.

2.2. Nước mưa chảy tràn: Chảy tràn trên bề mặt đường khu vực công trình, không liên tục và không mang chất ô nhiễm.

3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Chủ yếu từ phương tiện giao thông của nhân viên, máy phát điện dự phòng; mang tính chất phân tán, không liên tục; thành phần chủ yếu là bụi vô cơ, hữu cơ, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu (CO, NO_x, SO_x,...).

4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

4.1. Chất thải rắn sinh hoạt: Thành phần bao gồm các loại bao bì, vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa...; phát sinh tại khu vực trạm biến áp với khối lượng tối đa 15 kg/ngày.

4.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng trạm biến áp, các tua bin, tuyến đường dây đấu nối; mang tính chất định kỳ, không liên tục; thành phần bao gồm: sắt vụn, vật dụng bằng nhựa, dây điện, chuỗi sứ, các vật dụng bằng kim loại,...

5. Quy mô, tính chất của CTNH: Chủ yếu phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng trạm biến áp, các tua bin, tuyến đường dây đấu nối; mang tính chất định kỳ, không liên tục; thành phần bao gồm: dầu máy biến áp, pin, ắc quy thải, thiết bị điện từ có chì.

6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

6.1. Về thu gom và xử lý nước thải

6.1.1. Nước mưa chảy tràn (khu vực nhà quản lý vận hành, trạm biến áp)

- Phần lớn khu vực dự án là đất trống, cây xanh nên nước mưa phát sinh tự thấm xuống đất; chỉ có nước mưa từ mái nhà, mặt đường và một phần nước mưa không thấm kịp được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ.

- Nước mưa trên mái các khối nhà được thu gom bằng máng tôn tráng kẽm, theo đường ống PVC (Φ114mm) dẫn xuống hệ thống thoát nước mưa nội bộ.

- Nước mưa chảy tràn được thu gom về cống BTCT thoát nước mưa nội bộ, sau đó được tách rác, cặn bằng song chắn rác và hố ga trước khi thoát ra môi trường xung quanh theo địa hình tự nhiên và tự thấm.

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy hệ thống cống thoát để nước mưa có thể tiêu thoát một cách triệt để, không gây ứ đọng, ngập úng và tuyệt đối không để nước mưa chảy tràn qua khu vực chứa chất thải.

6.1.2. Nước thải sinh hoạt (khu vực nhà quản lý vận hành, trạm biến áp): Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của nhân viên, công nhân sẽ được thu gom về hầm tự hoại 3 ngăn. Sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, cụ thể:

- Hầm tự hoại 03 ngăn: Thể tích 9,0 m^3, gồm: ngăn chứa, ngăn lắng, ngăn lọc.

- Hệ thống xử lý nước thải: công suất 7,0 m^3/ngày.đêm, có quy trình như sau: nước thải (sau hầm tự hoại 03 ngăn) → hố thu gom kết hợp điều hòa → bể sinh học hiếu khí → bể sinh học màng MBR → hố tự thấm (đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K=1,2).

* Hiện trạng hạ tầng khu vực dự án chưa có hệ thống thoát nước công cộng và không tiếp giáp với kênh rạch nên chủ dự án thực hiện thoát nước tự nhiên (nước mưa chảy tràn) và tự thấm (nước thải). Trong thời gian tới, khi khu vực dự án có hạ tầng kỹ thuật hệ thống thoát nước thì chủ dự án sẽ thực hiện đấu nối thoát nước vào hệ thống này theo quy định.

6.2. Về xử lý bụi, khí thải (khu vực nhà quản lý vận hành, trạm biến áp)

- Đường nội bộ được phun nước tạo ẩm độ với tần suất 02 ngày/lần.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên với diện tích khoảng 1.200 m^2 giúp điều hòa không khí, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu tác động do bụi, khí thải.

- Máy phát điện được bố trí ở khu vực cách ly, đặt trong buồng tiêu âm, ưu tiên sử dụng nhiên liệu dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

6.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

6.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt (khu vực nhà quản lý vận hành, trạm biến áp): Bố trí thùng rác loại 120 lít, số lượng 02 thùng tại khu vực nhà quản lý vận hành để thu gom rác sinh hoạt hàng ngày. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

6.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thu gom chất thải phát sinh, lưu trữ vào kho (diện tích 5m^2) và định kỳ bán phế liệu cho các đơn vị, cơ sở có nhu cầu đối với những thành phần rác thải được phân loại là rác tái chế, tái sử dụng (thùng carton, dây điện, bìa cách điện, vật dụng bằng nhựa, kim loại,...).

- Hợp đồng thu gom, xử lý với những đơn vị có chức năng được pháp luật công nhận đối với các loại rác không tái sử dụng, tái chế.

- Tần suất thu gom xử lý tùy thuộc vào khối lượng rác thải phát sinh, dự kiến 01 hoặc 02 năm/lần.

- Riêng đối với các chất thải phát sinh từ trụ tua bin gió: Trung bình tuổi thọ của các tua bin gió nếu được bảo dưỡng tốt sẽ sử dụng xuyên suốt trong khoảng 20 năm và sau thời điểm này mới phát sinh chất thải. Thành phần chất thải từ trụ tua bin chủ yếu cấu tạo là những vật liệu có khả năng tái chế như thép, nhôm hay composite. Trường hợp sửa chữa thay thế, sẽ có phương án để nhà sản xuất thu hồi lại hoặc thu gom và bán lại cho các đơn vị có nhu cầu tái sử dụng, tái chế ngay sau khi kết thúc hoạt động sửa chữa, thay thế.

6.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Tại khu vực nhà điều hành xây dựng 01 kho chứa với diện tích 10m^2 để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh. Kho được xây dựng đảm bảo các điều kiện về vệ sinh môi trường, an toàn cháy nổ và bố trí thiết bị lưu chứa.

- Dầu máy biến áp thải do quá trình thay thế, sự cố phát sinh: Khối lượng phát sinh lớn, quá trình thay thế dầu máy sẽ hợp đồng với đơn vị chuyên môn để thực hiện hoạt động thay dầu; đồng thời, thu gom, xử lý lượng dầu máy phát sinh theo đúng quy định quản lý CTNH.

- Dầu máy biến áp thải sau quá trình lọc: Thu gom vào 02 thùng chứa loại 200 lít bằng nhựa cứng, có nắp đậy, có dán nhãn và lưu trữ vào kho chứa CTNH.

- Các loại CTNH khác (giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải,...): thu gom vào các thùng chứa bằng nhựa (50 lít), có nắp đậy, có dán nhãn theo quy định và lưu trữ vào kho chứa CTNH.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH phát sinh theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

6.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động từ tiếng ồn

- Dự án sử dụng loại tua bin gió có mức độ ồn thấp nhất hiện nay.

- Lựa chọn điều kiện vận hành tua bin và bảo trì thường xuyên để đảm bảo việc vận hành tua bin giảm tiếng ồn phát sinh.

6.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của điện từ trường

- Phòng ngừa, giảm thiểu tác động của điện từ trường đến công nhân vận hành:

+ Công nhân vận hành, sửa chữa phải tuân thủ quy định vận hành để đảm bảo các yêu cầu về an toàn điện.

+ Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động, tuân thủ quy định về thời gian làm việc tại khu vực có cường độ điện trường cao để đảm bảo an toàn.

+ Thực hiện chế độ làm việc theo ca, kíp để đảm bảo thời gian tiếp xúc với cường độ điện trường trong giới hạn quy định.

- Phòng ngừa, giảm thiểu ảnh hưởng của điện từ trường đến môi trường xung quanh

+ Thiết lập hành lang an toàn lưới điện cao áp và hành lang an toàn tại trạm biến áp 22/110 kV theo đúng quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ.

+ Nghiêm cấm tiến hành mọi công việc trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện nếu sử dụng thiết bị, dụng cụ, phương tiện có khả năng vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp. Trường hợp đặc biệt, do yêu cầu cấp bách của công tác quốc phòng, an ninh, phải có sự thỏa thuận với đơn vị quản lý công trình lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn cần thiết.

+ Giám sát môi trường định kỳ đối với trạm biến áp và đường dây, kiểm tra an toàn điện trong thời gian vận hành.

6.5.3. Biện pháp giảm thiểu tác động đến tầm nhìn (trụ tua bin gió)

- Lựa chọn sử dụng loại tuabin gió tốt nhất hiện nay, loại tuabin được thiết kế có cấu trúc gọn, đẹp làm giảm ảnh hưởng của công trình đến tầm nhìn.

- Để hài hoà với cảnh quan chung của khu vực, các cột tua bin gió thường chọn màu sơn xám sáng nhằm tạo cảm giác thoải mái, dễ chịu, nhẹ nhàng cho người nhìn.

- Các tuabin gió được bố trí ở khoảng cách từ 400m đến 800m để tránh làm rối mắt.

6.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

6.6.1. Phòng chống, ứng cứu sự cố, an toàn cháy nổ

- Phải có phương án PCCC được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng theo quy định; thành lập đội ứng cứu sự cố (hỏa hoạn, đứt dây điện trên tuyến đường dây,...) tại dự án; thường xuyên diễn tập PCCC; kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị PCCC; trong quá trình vận hành, trên tuyến đường dây phải có các rơle bảo vệ, khi có sự cố sẽ tự động ngắt mạch.

- Hành lang an toàn trạm biến áp và tuyến đường dây phải đảm bảo các điều kiện kỹ thuật theo đúng quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng tua bin gió, trạm biến áp và tuyến đường dây, kịp thời phát hiện, khắc phục các sự cố sụt lún, ngăn ngừa sự cố gãy trụ điện, đứt dây điện và phóng điện xảy ra.

6.6.2. Sự cố tràn dầu máy biến áp

- Máy biến áp sử dụng dầu không chứa PCBs.

- Tại khu vực trạm biến áp, xây dựng 01 bể chứa dầu sự cố (40 m^3, ngầm dưới đất) để thu lượng dầu phát sinh. Xung quanh móng máy biến áp xây tường bao quanh cao 0,5 m để chống dầu chảy lan. Khi có sự cố, dầu chảy lan sẽ tập trung xuống bể chứa thông qua đường ống thép Φ200 mm, dày 5 mm. Dầu thải ở bể chứa sẽ được đơn vị chuyên dụng bơm hút lên xe chứa và vận chuyển xử lý theo quy định về quản lý CTNH.

- Trường hợp phát sinh dầu thải do sự cố cháy nổ máy biến áp khi trời mưa sẽ triển khai phương án xử lý như sau:

+ Sử dụng bao cát hoặc phao khoanh vùng khu vực xung quanh bể chứa dầu.

+ Sử dụng bơm hút nước lẫn dầu vào các bồn chứa dự phòng.

+ Thực hiện vệ sinh toàn bộ khu vực sau sự cố bằng cát, chuyển giao lượng dầu và cát thu hồi cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định về quản lý CTNH.

III. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường (diện tích 05 m^2).

- Kho lưu giữ CTNH (diện tích 10 m^2).

- Hệ thống xử lý nước thải (công suất 07 m^3/ngày.đêm).

- Bể chứa dầu sự cố (thể tích 40 m^3).

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

IV. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

1.1. Giám sát chất thải phát sinh:

- Thành phần giám sát: Giám sát thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh.

- Vị trí giám sát: Tại công trường, khu vực lưu chứa.

- Tần suất: Thường xuyên trong suốt giai đoạn thi công.

1.2. Giám sát khác:

- Giám sát xói lở, sụt lún phát sinh.

- Vị trí giám sát: Tại công trường.

- Tần suất: Thường xuyên trong suốt giai đoạn thi công.

2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Giám sát điện, từ trường

- Số lượng mẫu giám sát: 2 mẫu.

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu trạm biến áp 22/110kV.

+ 01 mẫu tại khu vực nhà quản lý vận hành.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

- Thông số giám sát: Điện trường, từ trường.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 25:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp – Mức tiếp xúc cho phép của điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ.

2.2. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Số lượng mẫu giám sát: 02 mẫu.

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu nước thải đầu vào tại hố thu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

+ 01 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: lưu lượng, pH, TSS, BOD_5, Nitrate, Amoni, Phosphat và Coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH:

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, CTNH về khối lượng, công tác thu gom và lưu giữ tại khu vực dự án. Tần suất giám sát: thường xuyên trong giai đoạn vận hành.

- Chủ dự án lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ trình cơ quản quản lý theo đúng quy định.

V. Các điều kiện có liên quan đến môi trường: Chủ dự án phải thực hiện các nội dung sau:

1. Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ trong quá trình giải phóng mặt bằng khu vực thực hiện dự án; thủ tục đất đai, giao khu vực biển theo đúng quy định.

2. Theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình thi công; thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để quản lý chất thải từ hoạt động thi công; đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường khu vực biển; phòng ngừa, giảm thiểu những tác động bất lợi khác đến khu vực xung quanh (an ninh trật tự, đời sống xã hội,…).

3. Thiết kế, xây dựng, vận hành liên tục và giám sát chặt chẽ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo xử lý nguồn thải đạt quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận trong suốt quá trình vận hành dự án; đồng thời, phải tuân thủ các quy định an toàn ngành điện lực.

4. Phân loại, thu gom và có biện pháp xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; đồng thời, chất thải rắn xây dựng phải được quản lý đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; chất thải nguy hại phải được quản lý đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường; ứng phó rủi ro, sự cố phát sinh; chương trình giám sát môi trường; lập phương án bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra.

6. Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, nếu có những thay đổi về quy mô, công nghệ sản xuất của dự án phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và chỉ được thực hiện thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

7. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, sức khỏe của công nhân và đối tượng xung quanh thì dự án phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo, phối hợp xử lý; thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định. Đồng thời, chủ dự án phải thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

SỐ : 121 /GP-ĐTĐL

NGÀY CẤP : 21 - 10 - 22

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 121 /GP-ĐTĐL

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2022

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 3771/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cấp phép và Quan hệ công chúng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép hoạt động điện lực cho:

1. Tên tổ chức: **Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh**.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp, mã số doanh nghiệp 2100673348, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2022.

3. Trụ sở chính: Khu nhà điều hành Nhà máy Điện gió Số 3 – tại vị trí V1-3, ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 029.43900868.

Điều 2. Lĩnh vực hoạt động

Hoạt động phát điện.

Điều 3. Phạm vi hoạt động và thời hạn của giấy phép

1. Phạm vi hoạt động: Quản lý, vận hành Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3, công suất 48MW (công suất phê duyệt theo quy hoạch 48MW), tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

a) Thông số chính của Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3:

- Turbine:

+ Số lượng : 12 tua bin điện gió;

+ Chủng loại : Vestas-V150-4.0MW;

+ Công suất : 4,0 MW;

+ Tốc độ rô to cánh quạt : 4,9 - 12 vòng/phút.

- Máy phát điện: không đồng bộ rô to.

+ Công suất : 4,25 MW;

+ Điện áp đầu cực máy phát : 0,8 kV;

+ Tần số : 50 Hz.

- Máy biến áp trung thế: 12 máy biến áp tăng áp.

+ Công suất : 5150 kVA;

+ Tỷ số điện áp định mức : 22/0,72 kV;

+ Tổ đấu dây : Dyn5.

b) Trạm phân phối điện: gồm 01 máy biến áp 3 pha 110kV.

+ Công suất định mức : 63 MVA;

+ Điện áp định mức : 115±9x1,78%/23 kV;

+ Tổ đấu dây : YNd11.

c) Đấu nối vào hệ thống điện

Hiện tại, Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 đấu nối hệ thống điện quốc gia bằng đường dây 110kV mạch kép, dây dẫn loại ACSR240, từ Trạm biến áp 110kV Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110kV Nhà máy điện gió Hiệp Thạch - Trạm biến áp 110kV Cầu Ngang.

2. Thời hạn của giấy phép: Đến ngày 07 tháng 10 năm 2031.

Điều 4. Quyền của đơn vị điện lực được cấp giấy phép

1. Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh được phép hoạt động theo lĩnh vực và phạm vi của giấy phép hoạt động điện lực.

2. Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh có các quyền theo quy định tại Điều

39 Luật Điện lực (đã được sửa đổi, bổ sung) và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp giấy phép

1. Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh có nghĩa vụ triển khai hoạt động chậm nhất 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động điện lực.

2. Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh có nghĩa vụ đảm bảo các điều kiện hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật trong suốt thời gian hoạt động.

3. Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh không được phép cho thuê, cho mượn, tự ý sửa chữa giấy phép hoạt động điện lực.

4. Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh có nghĩa vụ tham gia thị trường điện lực theo quy định về vận hành thị trường điện do Bộ Công Thương ban hành.

5. Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh có nghĩa vụ thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

6. Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh có nghĩa vụ thực hiện các quy định tại Điều 39 Luật Điện lực (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Giấy phép hoạt động điện lực này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Giấy phép hoạt động điện lực số 258/GP-ĐTĐL ngày 08 tháng 10 năm 2021 do Cục Điều tiết điện lực cấp cho Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh./.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC
BỘ CÔNG THƯƠNG

Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG CS PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC07
Ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, ngày 24/11/2020

Số: ..87..... /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số.....106...*ngày* 04..*tháng*.6..*năm*.2021...*của:* Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE).....

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: .Huỳnh Thanh Hải....*Chức vụ:*Tổng Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3. Hạng mục Các trụ tuabin gió....

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải: Xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: .Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE).....

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghiệp NSN.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Hệ thống chữa cháy bằng khí;.....
2. Hệ thống báo cháy tự động;.....
3. Hệ thống chống sét;.....
4. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu./.....

.....

.....

.....

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- C07 (để báo cáo);
- Lưu: PC07 (Tổ thẩm duyệt).

Trà Vinh, ngày ..18.. *tháng* ..6..*năm* 2021.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Minh Chiểu

QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 87/TD-PCCC ngày 18/6/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN**	
	- Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3. Hạng mục: Các trụ tuabin gió.	
	- Công suất mỗi trụ tuabin 4MW	
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ**	
01	Mặt bằng hệ thống 22kv	REE-NSN-EIC-907-005
02	Sơ đồ nguyên lý hệ thống tiếp địa	REE-NSN-EIC-804-003
03	Hệ thống tiếp địa trụ tuabin	REE-NSN-EIC-908-009
04	Sơ đồ nguyên lý hoạt động	REE-NSN-GEN-029
05	Bố trí thiết bị báo cháy và chữa cháy của tuabin gió	REE-NSN-GEN-030
06	Chi tiết lắp đặt thiết bị báo cháy và chữa cháy của tuabin gió	REE-NSN-GEN-031
07	Chi tiết lắp đặt bình khí Novec	REE-NSN-GEN-032
08	Móng trụ gió – mặt cắt điển hình	
09	Trụ tuabin	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG CS-PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

Số 301 /TD-PCCC

TD: 009195

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số.....ngày....26./..11.../2020.của:..Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh.....

Người đại diện là Ông/Bà:.....Huỳnh Thanh Hải.....Chức danh:...Tổng giám đốc

.....**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**.....

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Dự án nhà máy điện gió số 3 vị trí V1-3.

.....**Hạng mục: Trạm biến áp 22/110KV và đường dây 110KV đấu nối**.....

Địa điểm xây dựng:....xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện:..Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty Cổ phần TVXD điện 1; Công ty Cổ phần A-ESING Việt Nam.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Giao thông phục vụ cho xe chữa cháy; khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy;.....

2. Bậc chịu lửa; lối thoát nạn; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;.....

3. Hệ thống báo cháy tự động;.....

4. Hệ thống chữa cháy bằng nước (chữa cháy ngoài nhà); hệ thống phun sương;.....

5. Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí HFC -227ea (FM 200).....

6. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu; hệ thống chống sét./.....

.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

....Trà Vinh.., ngày....15....tháng....12....năm...2020

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư (thực hiện);
- C07(BC);
- *Lưu:* PC07 (Tổ thẩm duyệt).

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Nguyễn Minh Chiểu

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Mặt bằng bố trí thiết thiết bị	TVT-2ĐT-02	
02	Mặt cắt 110KV MBAT1 + Gió Hiệp Thạnh	TVT-2ĐT-03	
03	Mặt cắt 110KV Cầu Ngang, ngăn Cầu	TVT-2ĐT-04,05	
04	Mặt cắt 110KV ngăn BYPASS	TVT-2ĐT-06	
05	Mặt bằng bố trí tủ và hướng kéo cáp 22KV	TVT-2ĐT.10	
06	Mặt bằng nối đất	TVT-2NĐ.01	
07	Liệt kê vật liệu nối đất	TVT-2NĐ.02	
08	Mặt bằng chống sét	TVT-2BVCS.01	
09	Mặt bằng tổng thể	TVT-2XD-TBA.01	
10	Nhà điều khiển mặt bằng nhà, mặt bằng mái nhà	TVT-2XD-NĐK.01,02	
11	Mặt cắt, mặt đứng	TVT-2XD-NĐK.03→06	
12	Chi tiết cửa đi	TVT-2XD-NĐK.09	
13	Mặt bằng móng, chi tiết móng	TVT-2XD-NĐK.KC. 02,03	
14	Mặt bằng phòng cháy chữa cháy	TVT-2XD-PCCC.01	
15	Bảng thống kê thiết bị	TVT-2XD-PCCC.02	
16	Chi tiết gối đở ống và trụ nước cưu hỏa	TVT-2XD-PCCC.03	
17	Chi tiết tủ chứa bình chữa cháy xe đẩy	TVT-2XD-PCCC.04	
18	Mặt bằng bố trí đầu báo cháy chi tiết lắp đặt đầu bóa nhiệt máy biến áp	TVT-2XD-PCCC.05	
19	Bố trí thiết bị trong nhà trạm bơm, bản kê thiết bị, gối đở trong nhà trạm bơm	TVT-2XD-PCCC.06→08	
20	Bố trí thiết bị báo cháy và chữa cháy	TVT-2XD-PCCC.09, 10	
21	Sơ đồ khối hệ thống báo cháy và điều khiển chữa cháy	TVT-2XD-PCCC.11	
22	Sơ đồ logic mạch mở van tràn cứu hỏa MBA T1 và mạch tính hiệu	TVT-2XD-PCCC.12	
23	Sơ đồ đấu nối mạch liên động mở van tràn cứu hỏa MBA T1	24.2020-TVT-2XD-PCCC.13	
24	Sơ đồ logic mạch mở van xã khí hệ thống chữa cháy bằng khí và thống kê thiết bị hệ thống chữa cháy	TVT-2XD-PCCC.14, 15	
25	Móng trụ đở dàn phun, trụ đở dàn phun	TVT-2XD-PCCC.16, 17	
26	Mặt bằng dàn phun, mặt cắt dàn phun	TVT-2XD-PCCC.18,19	
27	Bảng kê vật liệu	TVT-2XD-PCCC.20	
28	Hệ thống chữa cháy khí FM 200 mặt bằng bố trí	TVT-2XD-PCCC.21	
29	Hệ thống chữa cháy khí FM 200 sơ đồ không gian	TVT-2XD-PCCC.22	
30	Hệ thống chữa cháy khí FM 200 chi tiết lắp đặt	TVT-2XD-PCCC.23→25	
31	Hệ thống chữa cháy khí FM 200 Thiết minh chung	TVT-2XD-PCCC.26	

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 968 /STNMT-QLMT
V/v đăng ký Sổ chủ nguồn thải CTNH của Công ty cổ phần Cơ điện lạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 13 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Công ty cổ phần Cơ điện lạnh

Ngày 08/4/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (cấp lần đầu) của Công ty cổ phần Cơ điện lạnh (gọi tắt là Công ty). Sau khi xem xét nội dung đơn đăng ký, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Công ty đã đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, ngày 10/01/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường *(hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2022)*, bãi bỏ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ. Đồng thời, cùng ngày 10/01/2022 Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường *(hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2022)* và bãi bỏ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Do đó, để tiếp tục thực hiện đúng trách nhiệm của Chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty thực hiện **đúng và đầy đủ** việc phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại và thực hiện mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường phúc đáp đến Công ty cổ phần Cơ điện lạnh để biết và thực hiện đúng quy định.

Trân trọng kính gửi./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Phòng TNMT TX Duyên Hải;
- Lưu: VT, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Quốc Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI
CONTRACT OF HAZADOUS WASTE COLLECTION, TRANSPORT AND TREATMENT

*(*Về việc xử lý chất thải / *Hazardous waste treatment)*

Số/ No: 336/2022TH/HĐKT/VESTAS-VX

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ký ngày 24/11/2015/*Based on Civil Law No. 91/2015/QH13 date 24 Nov, 2015*
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ký ngày 14/06/2005/*Based on Commercial Law No. 36/2005/QH11date 14 Jun, 2005*
- *Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;/ Pursuant to the Law on Environmental Protection 72/2020/QH14 dated November 17, 2020*
- *Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ký ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Môi Trường/ Pursuant to Decree No. 08/2022/ND-CP signed on January 10, 2022 by the Government detailing a number of articles of the Law on Environment;*
- *Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường / Pursuant to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022 of the Ministry of Natural Resources and Environment detailing the implementation of a number of articles of the Law on Environmental Protection*
- Căn cứ vào giấy phép quản lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.033.VX của Công Ty TNHH SX-TM-DV Môi Trường Việt Xanh do Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp / *Pursuant to Viet Xanh's hazardous waste management license No.1-2-3-4-5-6.033.VX issued by Ministry of resource & environment.*
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của ba bên/ *based on the requirement and capacity of three Parties*

Hôm nay, ngày 15 tháng 07 năm 2022. Chúng tôi, đại diện các bên gồm có:
Today, July 15, 2022 We, representatives of each party include:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
(Chủ sở hữu NMĐG Số 3 tại vị trí V1-3 – Chủ nguồn thải)
Party A: ***Refrigeration Electrical Engineering Corporation (REE CORPORATION)***
Địa chỉ: 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Address: 364 Cong Hoa St., Ward 13, Tan Binh Dist., HCMC
Điện thoại/Tel: 0838100017 Fax:
Mã số thuế/Tax code: 0300741143
Tài khoản số/account No: 007-100-079-5839 – Tại Ngân hàng Vietcombank – CN HCM
Đại diện bởi/Represented by: *Mr.* **Huỳnh Thanh Hải**
Chức vụ/Position: **Tổng Giám đốc /General *Director***

BÊN B: CÔNG TY TNHH VESTAS WIND TECHNOLOGY VIỆT NAM
(Đơn vị thực hiện Bảo trì, bảo dưỡng NMĐG Số 3 tại vị trí V1-3)
Party B: ***VESTAS WIND TECHNOLOGY VIETNAM LLC***

Địa chỉ: *59A Lý Thái Tổ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội*
Address: 59A Ly Thai To, Trang Tien Ward, Hoan Kiem District, Ha Noi
Mã số thuế/Tax code: *0107605456*
Đại diện bởi/Represented by:
Chức vụ/Position: **Giám đốc /*Director***

BÊN C: CÔNG TY TNHH SX -TM - DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH
(Đơn vị thực hiện thu gom, xử lý CTNH cho NMĐG Số 3 tại ví trí V1-3)
Party C: Viet Xanh Environmental Manufacturing - Trading - Service Co.Ltd
Địa chỉ: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, Tx. Tân Uyên, T Bình Dương
Address: Lot N1, Road N8, Nam Tan Uyen IP, Khanh Binh ward, Tan Uyen Town, Binh Dương
Điện thoại/Tel: (+84) 0274 3653 076/77 Fax: (+84) 0274 3653 075
Mã số thuế/*Tax code:* 3700671231
Tài khoản số/*account No*: 0281.00138.5284 tại Ngân hàng Vietcombank - CN Bình Dương
Đại diện bởi/*Represented by*: *Mr* ***TRAN THANH HA***
Chức vụ/*Position:* ***Tổng giám đốc/General Director***

Ba bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:
Three parties have agreed to sign the contract with items such as:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Clause 1: CONTRACT CONTENT

Bên A và Bên B đồng ý chọn Bên C thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động tại Nhà máy Bên A:

- Các CTNH phát sinh tại địa điểm cơ sở: Khu nhà điều hành NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- Địa điểm giao nhận CTNH tại: Khu nhà điều hành NMĐG số 3 tại vị trí V1-3, ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Party A and Party B agree for choosing Party C to collect, transport, disposal of hazardous wastes arising at the Factory of Party A:

- *Hazardous waste arises at Tra Vinh No.3 Wind Farm, Nha Mat hamlet, Truong Long Hoa commune, Duyen Hai town, Tra Vinh province*
- *Delivery of Hazardous waste at Tra Vinh No.3 Wind Farm, Nha Mat hamlet, Truong Long Hoa commune, Duyen Hai town, Tra Vinh province*

Stt *No*	**Tên chất thải** *Name of waste*	**Mã CTNH** *Code*	**Đvt** *Uom*	**Đơn giá xử lý** *Treatment price*
I	**Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại bao gồm:** *Hazardous waste collection, transportation and treatment services include:*		**≤1500 kg/năm kg/year**	**Khoán năm 28.000.000 VNĐ/ năm**
	1. Hộp mực in thải / *Waste toner cartridge*	08 02 04		

	2. Bộ lọc dầu nhớt đã qua sử dụng/ *Used oil filter*	15 01 02		***.VND/ year***
	3. Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải/ *Engine, transmission and waste lubricating oil*	17 02 04		
	4. Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải/ *Fuel oil and waste diesel oil*	17 06 01		
	5. Bao bì cứng thải bằng kim loại/ *Metal waste hard packaging*	18 01 02		
	6. Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác/ *Waste rigid packaging of other material*	18 01 04		
	7. Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại/ *Absorbent, filter material, cleaning cloth, hazardous material discharge protection cloth*	18 02 01		
	8. Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại/ *Waste organic chemicals that include or have hazardous components*	19 05 04		
	9. Các loại dầu thuỷ lực thải khác/ *Other waste hydraulic oil*	17 01 07		
	10. Các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện/ *Waste electronic devices or electrical appliances with electrical components*	16 01 13		

Ghi chú/ *Remark*

- *Trường hợp số lượng CTNH vượt mức khoán 1500Kg/năm, giá trị hợp đồng (GTHĐ) thực tế được tính như sau/ In case the amount of hazardous waste exceeds the fixed amount of 1500kg / year, the actual contract value (GTHĐ) is calculated as follows:*
- *GTHĐ = 28.0000.000* ***đồng*** *+ (Số lượng thực tế/ The actual number -1500**Kg**)*15.000 đồng/Kg.*
- Tần suất thu gom: **Tối đa** 3 - 4 lần/năm /*Frequency of collection : 3-4 times / year.*
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến tháng thu gom thì Bên C sẽ thông báo lịch thu gom cho Bên B xác nhận nếu phù hợp thì tiến hành giao nhận CTNH cần vận chuyển xử lý. Thời gian thông báo: trước 05 ngày để Bên B chuẩn bị công tác bàn giao./ *During the performance of contract, in the collection month, Party C shall notify Party B of the collection schedule to confirm. If appropriate, Both Parties shall proceed to deliver hazardous wastes for collection, transportation and treatment. Notice time: 05 days in advance for the handover preparation of Party B.*
- Đơn giá xử lý chưa bao gồm thuế GTGT / *Treatment price excluding VAT*

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

Clause 2: PARTY'S RESPONSIBILITY

2.1.TRÁCH NHIỆM BÊN A/ *PARTY A'S RESPONSIBILITY:*

- Thực hiện đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Strictly comply with Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022 of the Ministry of Natural Resources and Environment.

- Bên A có trách nhiệm ký chứng từ chất thải nguy hại khi Bên B chuyển giao chất thải nguy hại cho Bên C.

  Party A is responsible for signing hazardous waste documents when Party B transfers hazardous waste to Party C

2.2.TRÁCH NHIỆM BÊN B/ *PARTY B'S RESPONSIBILITY:*

- Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ Môi Trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

  To comply with Environmental Protection Law and all related environmental regulations

- Bên B có trách nhiệm thu gom và phân loại chất thải theo đúng chủng loại, bảo quản tại nơi quy định của bên A, tạo điều kiện thuận lợi cho Bên C trong việc lấy hàng (hỗ trợ xe nâng, các thủ tục ra vào cổng công trường…)

  Party B is responsible for the collection and sorting of waste in accordance with the categories,preserving at the specifiedplace by Party A, support Party C when picking up the waste (support forklift, procedure of entrance gate…)

- Bên B chịu trách nhiệm bàn giao đúng các mặt hàng theo điều 1 cho bên C.

  Party B is responsible for giving all items mentioned at article 1 to party C.

- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại "Chứng từ CTNH" cho Bên C.

  Checking, confirming and handing over Hazardous waste document" to Party C.

- Bên B Thanh toán đầy đủ và đúng hạn chi phí xử lý chất thải cho Bên C như điều 3.3.
  Party B shall pay full and on time the cost of waste treatment to party C as article 3.3 below.
- Trường hợp trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nếu việc thu gom CTNH lần 1 vẫn chưa được Bên B cho phép thực hiện thì hợp đồng này xem như hết hiệu lực.
  If the first hazardous waste collection has not been permitted by Party B within 30 days from the effective date of the contract, this contract shall be considered invalid.

2.3.TRÁCH NHIỆM BÊN C/ *PARTY C'S RESPONSIBILITY:*

- Bên C có trách nhiệm thu gom vận chuyển lượng chất thải nguy hại nói trên theo đúng thông báo của bên B.
  Party C is responsible for collection, transporting hazardous waste as mentioned above in accordance with the notification of Party B.

- Bên C tuân thủ các biện pháp an toàn về vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật hiện hành và tuân thủ quy định an toàn sức khỏe, môi trường do bên B yêu cầu.
  Party C must comply with the safety measures for transport and waste disposal in accordance with current law and in compliance with health and safety regulations. environmental requirements by Party B.

- Chất thải phải được lưu giữ và xử lý bằng các phương tiện chuyên dùng, đúng quy định bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường tại nhà máy của Bên C.
  Waste should be stored and handled by the specialized transportation. ensure to comply with environmental safety regulations at party C's Plant.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho chứa của bên B.
  Should be fully responsible under the law of Vietnam if these wastes are leaked into the environment after they are transported out of Party B's site.
- Không nhận chất thải nguy hại ngoài danh mục cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với chất thải đã đưa ra ở Điều 1 của Hợp đồng
  Party C will not receive hazardous wastes excluding the list mentioned in Clause 1 or different properties compared with wastes in Clause 1
- Bên C có trách nhiệm phát hành hóa đơn GTGT dựa vào thông tin bên B.
  Party C is responsible for issuing the VAT invoice based on information of Party B.
- Bên C sẽ cung cấp lịch trình GSP xe thu gom CTNH trong vòng 24 giờ kể từ ngày thu gom (không bao gồm ngày chủ nhật và ngày lễ)
  Party C will provide the GSP schedule for hazardous waste collection vehicles within 24 hours from the date of collection (excluding Sundays and public holidays)
- Bên C sẽ cung cấp thiết bị/ dụng cụ để xác định khối lượng rác nguy hại tại nhà máy điện gió và điền khối lượng thực tế vào chứng từ trước khi đem rác ra khỏi nhà máy

  Party C shall provide tool/equipment to weigh hazardous waste onsite and fill in manifest before delivery outside of the wind farm.
- Bên C *sẽ chuẩn bị và cung cấp chứng từ xử lý rác nguy hại và mang tới nhà máy (Sau khi chứng từ rác nguy hại được điền đầy đủ thông tin về loại rác và cân nặng, Bên B sẽ tiến hành lấy chữ kí xác nhận của chủ nhà máy điện gió và hoàn trả lại chứng từ cho Bên C ngay sau đó để hoàn thành thủ tục)*

  Party C shall prepare and provide Party B with hazardous waste manifest on the pickup date. (after hazardous waste manifest have been filled in all information of hazardous waste with total weight, Part B shall send manifest to Party A for sign-off onsite and return it to Party C).
- Bên C sẽ cung cấp xe tải chở rác đúng theo yêu cầu luật sở tại gồm túi sơ cấp cứu, dụng cụ chống tràn đổ, bình chữa cháy, biển cảnh báo phù hợp,…

  Party C shall provide suitable hazardous trucks with first aid, spill kit, fire extinguisher, communication equipment, truck signs and symbols.
- Bên C *sẽ gửi lại chứng từ xử lý rác nguy hại đã hoàn thành trong vòng 2 tháng cho* Bên B
  Party C shall send Party B the completion hazardous waste manifest in 2 months.
- Bổ sung phụ lục mẫu chứng từ
  Adding annex for hazardous waste manifest form
- *Bổ sung phụ lục bảng danh sách người chịu trách nhiệm kí trên chứng từ rác thải nguy hại*
  Adding annex for the List of Persons Authorized to Sign-Off on Waste Manifest
- *Nhân viên của Bên C phải được trang bị bảo hộ lao động trong suốt quá trình thu gom chất thải.*
  Employees of Party C must wear PPE when collecting the hazardous waste

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN
CLAUSE 3: PAYMENT TERM

3.1.Phương thức thanh toán/ *Payment term:*

Đợt 1: Sau khi hoàn tất việc thu gom và xử lý CTNH lần 1 Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên C 50% giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT căn cứ hóa đơn tài chính hợp lệ do Bên C phát hành bằng chuyển khoản tiền Việt Nam Đồng.

The first payment: After completing the first collection and treatment, Party B is responsible for paying Party C 50% of the contract value including VAT, based on a valid financial invoice issued by Party C.

Đợt 2: Bên B tiếp tục thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại và giá trị vượt (nếu có) đã bao gồm thuế GTGT cho Bên C ngay sau khi Bên C hoàn thành trách nhiệm của mình trong hợp đồng này.

The second payment: Party B shall pay 50% of the remaining contract value and the value exceeding (if any) including VAT to Party C right after Party C complete its responsibilities in this contract

Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

1. Các biên bản giao nhận chất thải có xác nhận của cả ba bên;
2. Bảng tổng hợp khối lượng cho từng đợt có xác nhận của người có thẩm quyền của mỗi bên;
3. Các chứng từ CTNH (bản chính)
4. Hóa đơn GTGT;
5. Đề nghị thanh toán của bên C;
6. Đơn đặt hàng được phát hành bởi bên B.

Full set of payment documents includes:

1. Delivery notes of waste delivery certified by all three Parties;

2. Total volume table for each time certified by the competent person of each Party;

3. Hazardous waste documents (originals)

4. VAT invoice;

5. Payment request issued by Party C;

6. Purchase order issued by Party B.

3.2.Thời gian thanh toán của Đợt 1 và Đợt 2/Payment time of the 1st and 2nd installment:

Bên B thanh toán chi phí xử lý trong vòng 65 ngày. Thời điểm thanh toán được tính kể từ ngày cuối tháng theo tháng của hóa đơn mà Bên C xuất cho từng đợt thanh toán

Party B shall make the payment within 65 days. Time of payment is counted from the last day of the month according to the invoice that Party C issues for each payment

ĐIỀU 4: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG:
CLAUSE 4: FORCE MAJEURE EVENT

4.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như thiên tai, dịch bệnh và các biến động của xã hội như chiến tranh, nổi loạn, khủng bố; làm cản trở việc thực hiện hợp đồng của một trong hai bên.
4.1. Force majeure events are events that occur abnormally and beyond the control of the Parties, such as natural disasters, epidemics and social upheavals such as war, rebellion, terrorism; hinder either Party in the performance of the contract.
4.2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng làm một bên không thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng thì bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho bên kia trong vòng 03 ngày và được miễn thực

hiện các nghĩa vụ hợp đồng trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của hợp đồng.

4.2. When a force majeure event occurs that makes one party unable to perform its contractual obligations, the affected party must immediately notify the other party within 03 days and it will be exempted from performing the contractual obligations for a period of time when force majeure prevents the performance of the contract.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG
CLAUSE 5: GENERAL PROVISIONS

5.1. Các bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

The parties assure to perform the signed contract, the present contract shall not be modified in any respect except in writing signed by each parties. If there are any difficulties or problems arising during the performance of the contract, the Parties shall agree to settle and sign addendums of the contract.

5.2. Bất kỳ vi phạm các quyền và nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp đồng này sẽ đều được coi là vi phạm Hợp đồng với điều kiện là bên bị vi phạm đã có thông báo mà bên vi phạm vẫn không tiến hành khắc phục toàn bộ vi phạm trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Any violation of rights and obligations specified in this Contract shall be deemed a breach of Contract provided that the violated Party has given a notice hereof and violating Party still resists the remedy for its actual or alleged infringement within three (03) days from the receipt of such notice.

5.3. Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên Vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm Hợp đồng và/hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm Hợp đồng kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, ngoài nghĩa vụ Bồi thường thiệt hại cho Bên kia, còn bị phạt vi phạm Hợp đồng bằng tám phần trăm (8%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

Penalty: If the violating Party shall not cease its acts of violation and/or redeem its infringement or the damages provided with the receipt of the violated Party's notice, the violating Party, without prejudice to its compensation obligation to the other Party, shall be subject to a fine of eight percent (8%) of the violated contractual portion value.

5.4. Khi các bên không giải quyết được những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, Các bên thống nhất chọn tòa án có thẩm quyền nơi Bên B đăt trụ sở để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này và phán quyết cuối cùng của tòa án là điều kiện ba bên phải thực hiện, mọi chi phí do bên thua chịu trách nhiệm.

When the parties fail to resolve the disputes arising during the performance of the contract, The Parties agree to choose a competent Court which is located the same place with the one of Party B to settle disputes arising from this contract and the final judgment of the Court is a condition that the three Parties must comply with, all costs shall be borne by the losing Party.

5.5. Hợp Đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Trước khi hết hạn hợp đồng 30 ngày, các bên sẽ thông báo cho nhau về vấn đề thanh lý, gia hạn hoặc ký kết hợp đồng mới.

This Contract is effective in 01 year from the date of signing. Within three (30) days before expiration date, The Parties shall inform the liquidation, contract extension or signing new contract.

5.6. Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bản, gồm cả Tiếng Anh và Tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện. Trong trường hợp có cách hiểu không thống nhất giữa hai bản, tiếng việt sẽ được lấy làm căn cứ pháp lý.

This contract is made in 06 copies, in Vietnamese and English, each party keep 02 copies which shall be equally valid and enforceable. In the event of inconsistency between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail to the extent of the inconsistency.

5.7. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 15/07/2022 và kết thúc vào ngày 15/07/2023

This contract shall come into force from 15/07/2022 to 15/7/2023

ĐẠI DIỆN BÊN A ***ON BEHALF OF PARTY A***	**ĐẠI DIỆN BÊN B** ***ON BEHALF OF PARTY B***	**ĐẠI DIỆN BÊN C** ***ON BEHALF OF PARTY C***
	Michael David Cameron QUẢN LÝ DỊCH VỤ SERVICE MANAGER	M.S.D.N:3700671231-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH TX.TÂN UYÊN-T.BÌNH DƯƠNG Trần Thanh Hà

Việt Xanh®
Cho Mãi Màu Xanh
ISO 14000 - ISO 9000 - OHSAS 18000

THÔNG TIN LIÊN HỆ HỖ TRỢ HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
CONTACT INFORMATION SUPPORTING HAZARDOUS WASTE CONTACT

HOLINE	02922 468 939
Hợp Đồng/Contract	0938932813 – Ms Thuy
Chứng từ chất thải nguy hại/ Document of hazardous waste	0707 555 077 – Mr Khang
Lịch thu gom chất thải/ Waste collection schedule	0918 685 485 – Mr Tuan Anh
Người quản lý trực tiếp khu vực Miền Tây *Direct manager of the Western region*	0899 066 060 – Mr Phuc

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Chi nhánh Tân Bình
Địa chỉ: 108 Tây Thạnh, P.Tây Thạnh
Quận Tân Phú, TP. HCM
MÃ VAT: 0100112437037

Vietcombank

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

PHIẾU HẠCH TOÁN-POSTING SLIP

KH: VC/22T

Ngày(Date)..... 26-12-2022

So HD - Invoice No: 261222.0007.000124 Ma VAT KH: 0300741143

04401 TBN006Z032 26-12-22 14:32:52 P1CG Remittance Local RM by Transfer 0007.000124 0126122221311000

Han muc GD: 0 VND GD qua duyet

TÀI KHOẢN (ACCOUNT)		SỐ TIỀN (AMOUNT)
NỢ (Debit):	0071000795839 CT CP CO DIEN LANH Ma CN: 04401	9.504.484 VND
CÓ 1 (Credit 1):	5012 120101003 Trung gian TTDTLNH Ma CN:06800	9.482.484 VND
CÓ 2 (Credit 2):	CC004 Phi CT khac VCB - Trich TK < 500tr	22.000 VND
CÓ 3 (Credit 3):		

VAT Amount: 2.000 VND

Net Income: 20.000 VND

Số tiền bằng chữ: Chin trieu nam tram le bon nghin bon tram tam muoi bon DONG
Amount in words:

Nội dung: CTCP CO DIEN LANH (MSDN: 0300741143) NOP TIEN PHAT THEO QD SO 54/QD-XPVPHC NGAY 07/12/2022
Remarks:
DVH: THANH TRA BO TAI NGUYEN VA MOI TRUONG

/TK: 3949.0.1111593
/NH Hưởng: 01701017 KBNN QUAN CAU GIAY

NH Nhận: 01201003 NHTMCP Cong thuong VN Dong Da

Thanh toán viên | Kiểm soát | Giám đốc

Form NHBL 19-06/99, Liên 1: Lưu; Liên 2: KH

ỦY NHIỆM CHI **Số:**

PHẦN DO NH GHI

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN THƯ, ĐIỆN Lập ngày: 26-12-2022

Tên đơn vị trả tiền:	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH	**TÀI KHOẢN NỢ**
Số tài khoản :	007-100-079-5839	
Tại Ngân hàng :	VIETCOMBANK TÂN BÌNH	
Tên đơn vị nhận tiền:	THANH TRA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**TÀI KHOẢN CÓ**
Số tài khoản :	3949.0.1111593	
Tại Ngân hàng :	KBNN QUẬN CẦU GIẤY - TP.HÀ NỘI	
Số tiền bằng chữ:	*Chín triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng*	**Số tiền bằng số: 9,482,484 VND**
Nội dung thanh toán:	CTCP Cơ Điện Lạnh (MSDN: 0300741143) nộp tiền phạt theo QĐ số 54/QĐ-XPVPHC ngày 07/12/2022	

Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B
Kế toán Chủ tài khoản	Ghi sổ ngày 26-12-2022	Ghi sổ ngày
	Kế toán Kiểm soát	Kế toán Kiểm soát
Hồ Trần Diệu Lynh NGUYỄN NGỌC THÁI BÌNH	Trần Tính Nhiệm	

Được quét bằng CamScanner

THANH TRA BỘ TN&MT
ĐOÀN THANH TRA
Theo Quyết định số 100/QĐ-TTr ngày 18/10/2022 của Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
Về lĩnh vực đất đai

Hôm nay, hồi 10 giờ 45 phút ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại Dự án Nhà Máy Điện Gió số 3 địa chỉ ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh của Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh.

Căn cứ Biên bản thẩm tra, xác minh số 10/BB-ĐTTr ngày 23 tháng 11 năm 2022, các hồ sơ, tài liệu thu thập đối với Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 100/QĐ-TTr ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường và giao khu vực biển đối với Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh.

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

- Bà Lê Thị Lan Anh, Thanh tra viên chính, Trưởng phòng Phòng thanh tra tài nguyên và môi trường miền Bắc, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Trưởng đoàn;

- Bà Phạm Thị Thanh Phượng, Thanh tra viên Phòng thanh tra tài nguyên và môi trường miền Bắc, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, thành viên;

- Ông Phạm Anh Tô, Thanh tra viên Phòng thanh tra tài nguyên và môi trường miền Bắc, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, thành viên;

- Ông Nguyễn Văn Cương, Chuyên viên Phòng Quản lý sử dụng biển và hải đảo, Cục Quản lý khai thác biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, thành viên;

- Ông Trần Thái Minh - Phó Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Biển; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, thành viên.

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh (sau đây viết tắt là Công ty).

Địa chỉ trụ sở chính: số 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Mã số doanh nghiệp: 0300741143

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300741143, đăng ký lần đầu ngày 29/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 16/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Thanh Hải, Chức danh: Tổng Giám đốc, Giới tính: Nam.

Người được Ủy quyền ông Lê Tuấn Hải - Giám đốc kỹ thuật ngành điện (theo Giấy ủy quyền số 65/GUQ-2022/CĐL ngày 07 tháng 11 năm 2022).

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính: chiếm 482,4 m^2 đất nuôi trồng thủy sản tại khu vực nông thôn để sử dụng vào mục đích đất công trình năng lượng.

3. Quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):

5. Ý kiến trình bày của người đại diện tổ chức vi phạm: Không

6. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có): không có.

7. Chúng tôi đã yêu cầu Công ty vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

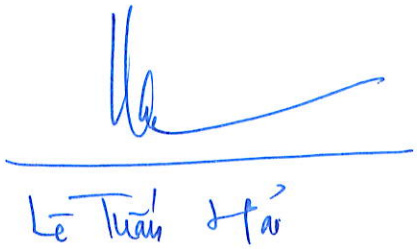
8. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng: không có

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 15 phút, ngày 23 tháng 11 năm 2022, gồm 03 tờ, được lập thành 03 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông Lê Tuấn Hải là người đại diện của tổ chức vi phạm 01 bản, 02 bản lưu hồ sơ./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH	**TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA**
	
Lê Tuấn Hải	**Lê Thị Lan Anh**

Biên bản đã giao trực tiếp cho ông Lê Tuấn Hải là người đại diện của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh vào hồi 11 giờ 15 phút, ngày 23 tháng 11 năm 2022.

NGƯỜI NHẬN BIÊN BẢN



Lê Tuấn Hải

THANH TRA BỘ TN&MT
ĐOÀN THANH TRA
Theo Quyết định số 100/QĐ-TTr ngày 18/10/2022 của Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 10/BB-ĐTTr

BIÊN BẢN KIỂM TRA, XÁC MINH

Thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTr ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường và giao khu vực biển đối với Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 23 tháng 11 năm 2022, Đoàn thanh tra tiến hành thẩm tra, xác minh về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường và giao khu vực biển đối với Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh tại Dự án Nhà máy Điện Gió số 3 địa chỉ ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

I. Thành phần

1.1. Thành phần Đoàn thanh tra gồm:

- Bà Lê Thị Lan Anh, Thanh tra viên chính, Trưởng phòng Phòng thanh tra tài nguyên và môi trường miền Bắc, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Trưởng đoàn;
- Bà Phạm Thị Thanh Phượng, Thanh tra viên Phòng thanh tra tài nguyên và môi trường miền Bắc, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, thành viên;
- Ông Phạm Anh Tô, Thanh tra viên Phòng thanh tra tài nguyên và môi trường miền Bắc, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, thành viên;
- Ông Nguyễn Văn Cương, Chuyên viên Phòng Quản lý sử dụng biển và hải đảo, Cục Quản lý khai thác biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, thành viên;
- Ông Trần Thái Minh - Phó Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Biển; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, thành viên.

1.2. Đại diện Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh gồm:

- Ông Lê Tuấn Hải - Giám đốc kỹ thuật ngành điện; theo giấy ủy quyền số 65/GUQ-CDL ngày 7/11/2022 của TGĐ CTCP Cơ Điện Lạnh
- Ông Bùi Quang Thắng - Giám đốc nhà máy;
- Ông Nguyễn Phong Danh - Trưởng phòng Đầu tư;
- Bà Lê Thị Khê - Phó Giám đốc dự án;
- Bà Đặng Tố Quyên - Văn phòng dự án.

II. Nội dung kiểm tra, xác minh

2.1. Các thông tin chung

a) Khái quát chung

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (sau đây được gọi là Công ty) có trụ sở tại số 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300741143, đăng ký lần đầu ngày 29/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 16/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Thanh Hải, Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh đầu tư dự án Nhà máy Điện gió số 3 tại vị trí V1-3, địa chỉ ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, có quy mô dự án:

- Diện tích khu vực biển được giao là 278,75 ha, diện tích đất được thuê là 1,794 ha.

- Công suất của dự án: 48MW (gồm 12 tuabin, mỗi tuabin có công suất 4MW).

- Dự án được chính thức đưa vào vận hành thương mại vào ngày 27/10/2021.

b) Cơ sở pháp lý thực hiện dự án

Ngày 24/4/2019, Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 2881811743 cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh để thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 tại ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 24/4/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định chủ trương đầu tư số 687/QĐ-UBND chấp thuận Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện gió số 3.

Ngày 14/8/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có văn bản số 3082/UBND-CNXD về việc thỏa thuận vị trí xây dựng khu quản lý vận hành, trạm biến áp và hướng tuyến đường dây 22kv, 110kv của dự án Nhà máy điện gió số 3.

Ngày 18/9/2019, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Trà Vinh có Công văn số 588/BQLKKT-QHXDTNMT về việc chấp thuận hồ sơ thỏa thuận tổng mặt bằng dự án nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Ngày 11/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có Công văn số 4262/UBND-CNXD về việc điều chỉnh đường dây 110kv của dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Ngày 27/11/2019, Cục Điện lực và năng lượng tái tạo - Bộ Công thương có Công văn số 2008/ĐL-NLTT về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án nhà máy điện gió số 3.

Ngày 19/12/2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ban hành Quyết định số 19/QĐ-2019/HĐQT-QĐ phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện gió số 03 tại vị trí V1-3.

Ngày 20/12/2019, Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ban hành Quyết định số 37A/2019/QĐ-CĐL về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Ngày 30/9/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có Công văn số 3972/UBND-CNXD về việc điều chỉnh hướng tuyến đường dây 22kv của dự án

Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3.

Ngày 12/11/2020, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo - Bộ Công thương có Công văn số 1832/ĐL-NLTT về việc kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình: trạm biến áp 110kv và đường dây 110kv đấu nối dự án Nhà máy điện gió số 3.

Ngày 24/11/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 3750/QĐ-UBND điều chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện gió số 3.

Ngày 30/11/2020, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp Giấy đăng ký đầu tư mã số dự án 2881811743 (thay đổi lần 1) cho Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh.

Ngày 12/01/2021, Cục Điện lực và năng lượng tái tạo - Bộ Công thương có Công văn số 59/ĐL-NLTT về việc thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình tuabin và hệ thống phụ trợ.

Ngày 10/3/2021, Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh có Công văn số 35/2021/CV-CĐL gửi Sở TN&MT tỉnh Trà Vinh về việc rà soát diện tích đất bãi bồi ven biển và diện tích giao khu vực biển dự án nhà máy điện gió số 3.

Ngày 15/3/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 501/QĐ-UBND điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện gió số 3.

Ngày 17/3/2021, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp Giấy đăng ký đầu tư mã số dự án 2881811743 (thay đổi lần 2) cho Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh.

Ngày 20/8/2021, Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh có Công văn số 1084/SXD-QLXD thông báo Dự án được miễn giấy phép xây dựng đối với công trình tuabin gió và các hạng mục phụ trợ Nhà máy điện gió số 3.

Ngày 13/9/2021, Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh có Công văn số 184/SXD-QLXD thông báo Dự án được miễn giấy phép xây dựng Trạm biến áp 22/110kv và đường dây 110kv đấu nối.

Ngày 07/10/2021, Ban Quản lý khu kinh tế có Công văn số 934/BQLKKT-QHXDTNMT về việc thống nhất điều chỉnh tổng mặt bằng dự án Nhà máy điện gió số 3.

Ngày 27/10/2021, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo - Bộ Công thương có Thông báo số 59/TB-ĐL chấp thuận nghiệm thu và đưa vào sử dụng dự án Nhà máy điện gió số 3.

Ngày 10/10/2022, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp Giấy đăng ký đầu tư mã số dự án 2881811743 (thay đổi lần 3) điều chỉnh nhà đầu tư Dự án Nhà Máy Điện Gió số 3 từ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh thành Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh.

Ngày 02/11/2022, Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh có Văn bản số 05/2022/RTV gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc cập nhật thông tin nhà đầu tư tại các quyết định giao khu vực biển và quyết định cho thuê đất.

Ngày 17/11/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh có Công văn số 3492/STNMT-QLĐĐ về việc hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục đất

đai và khu vực biển đối với dự án Nhà máy điện gió số 3. Hiện nay, Công ty đang thực hiện các thủ tục theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

a) Cơ sở pháp lý về giao đất, cho thuê đất

Đến thời điểm thanh tra, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đã ban hành các quyết định cho thuê 17.938 m^2 đất để thực hiện dự án, cụ thể như sau:

- Ngày 26/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 2498/QĐ-UBND về việc cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh thuê 10.633,9 m^2 đất, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa thị xã Duyên Hải để thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3, thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/4/2044, hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Ngày 03/01/2020, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Trà Vinh ký Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ về việc cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh thuê diện tích 10.633,9 m^2 đất; thời hạn thuê từ ngày 26/11/2019 đến ngày 24/4/2044; phương thức nộp tiền thuê hàng năm.

Ngày 10/01/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh lập biên bản bàn giao 10.633,9 m^2 đất tại thực địa cho Công ty.

Ngày 04/3/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU757701 với diện tích 10.663,9 m^2 đất cho Công ty.

- Ngày 15/10/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 2319/QĐ-UBND về việc cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh thuê 4.567,6 m^2 đất, tọa lạc tại các xã: Trường Long Hòa và Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để thực hiện 36 móng trụ đường dây 110 KV thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí VI-3.

Ngày 26/10/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh lập biên bản bàn giao 4.567,6 m^2 đất tại thực địa cho Công ty.

Ngày 30/11/2021, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Trà Vinh ký Hợp đồng thuê đất số 184/HĐTĐ về việc cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh thuê diện tích 4.567,6 m^2 đất; thời hạn thuê đến hết ngày 23/4/2044; cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Ngày 13/10/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp 18/36 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty, diện tích được cấp Giấy là là 2.305 m^2/4.567,6 m^2 đất. Còn lại 2.262,6 m^2 đất chưa được cấp Giấy chứng nhận.

- Ngày 22/11/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 2262/QĐ-UBND về việc cho Công ty TNHH Điện Gió Ree Trà Vinh thuê 2.736,5 m^2 đất tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải để thực hiện hạng mục cầu dẫn thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3. Ngày 22/11/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành bàn giao diện tích nêu trên tại thực địa cho Công ty.

b) Kết quả thực hiện

- Việc thực hiện giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư

+ Đối với diện tích 10.633,9 m^2 đất xây dựng trạm biến áp và nhà điều hành nằm trong diện tích 27.958,1 m^2 đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thu hồi của Công ty TNHH Nhà nông thôn theo Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 do Công ty TNHH Nhà nông thôn có vi phạm điểm i khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai.

+ Đối với diện tích đất xây dựng móng trụ điện và hàng lang đường điện:

Ngày 30/6/2020, Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải ban hành Quyết định số 1147/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án nhà máy điện gió số 3 vị trí V1-3. Ngày 13/10/2020, Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải ban hành Quyết định số 1892/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung kinh phí làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình quản lý vận hành, trạm biến áp và tuyến đường dây 22kv, 110 kv. Trong đó: Diện tích thu hồi đất để xây dựng trụ móng cột điện là 4.581 m^2; diện tích nằm trong hành lang lưới điện là 125.997,8 m^2; kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 12.003.169.534 đồng.

+ Đối với diện tích 2.736,5 m^2 đất được thuê theo Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh: không phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng do thuộc quỹ đất chưa sử dụng.

Số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên đã chi trả xong; Công ty đã được nhận bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư.

- Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về sử dụng đất với Nhà nước:

+ Đối với diện tích 10.633,9 m^2 đất được thuê theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh: Theo Quyết định số 71/QĐ-CT ngày 21/2/2020 của Chi cục thuế tỉnh Trà Vinh về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh đối với tổng diện tích là 10.633,9 m^2 đất để thực hiện dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí VI-3 tại bãi bồi ven biển xã Trường Long Hòa, Thị xã Duyên Hải theo chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại điểm c, Khoản 6, Điều 8 Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ đến hết ngày 24/4/2044. Không được miễn tiền thuê đất trong thời gian 01 thang kể từ ngày 26/11/2019 (ngày có quyết định cho thuê đất) đến hết ngày 30 tháng 12 năm 2019 do chậm nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất.

Ngày 21/01/2022, Cục Thuế tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 49/QĐ-CTTV1 về việc điều chỉnh Quyết định số 71/QĐ-CT ngày 21/2/2020 của Chi cục thuế tỉnh Trà Vinh.

Công ty đã nộp 1.261.372 đồng thuê đất trong thời gian 01 tháng từ ngày 26/11/2019 đến ngày 30/12/2019 do chậm nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất hợp lệ theo quy đinh tại khoản 8, Điều 8 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ.

+ Đối với diện tích 4.567,6 m^2 đất được thuê theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh: Công ty đang được miễn tiền thuê đất theo Quyết định số 738/QĐ-CCTV1 ngày 19

tháng 11 năm 2021 của Cục Thuế tỉnh Trà Vinh về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh.

+ Đối với diện tích 2.736,5 m^2 đất được thuê theo Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh: Các cơ quan chức năng của tỉnh Trà Vinh đang làm các thủ tục để xác định giá đất.

- Tình hình thực hiện dự án:

+ Trên diện tích 17.938 m^2 đất được thuê: Công ty đã hoàn thành việc xây dựng trạm biến áp, đường dây 110 kv đấu nối, nhà quản lý vận hành và các hạng mục phụ trợ thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 và đã đưa vào hoạt động.

+ Theo Công ty báo cáo: Đối với diện tích đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cho thuê, Công ty không thực hiện chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

+ Trên phần diện tích 10.633,9 m^2 đất được thuê theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh: Công ty đã xây dựng 01 nhà nghỉ trực ca với diện tích 437,5 m^2 và 01 nhà kho với diện tích 203,5 m^2 khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng; không có trong thiết kế kỹ thuật được duyệt.

+ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh đã đầu tư xây dựng cầu dẫn thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 với chiều dài 201 mét, chiều rộng mặt cầu là 2,4 mét trên diện tích 482,4 m^2 đất nuôi trồng thủy sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cho Hợp tác xã Phương Đông thuê (đến thời điểm thanh tra, Công ty chưa cung cấp được các văn bản thỏa thuận với Hợp tác xã Phương Đông để được sử dụng diện tích đất nêu trên). Công ty sử dụng diện tích đất nêu trên vào mục đích đất công trình năng lượng là từ ngày 27/10/2021.

2.3. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án "Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3" tại xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Theo báo cáo, Công ty đã thực hiện giám sát môi trường định kỳ 01 lần trong năm 2021 (trong giai đoạn thi công) và 03 lần năm 2022 (tháng 4, tháng 7 và tháng 9 - giai đoạn vận hành) trong theo tần suất, vị trí và thông số đã được phê duyệt trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường. Với lưu lượng nước thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện giám sát chất thải theo điểm a khoản 1 Điều 39 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; khoản 1 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Công ty đã lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng, vận hành dự án và biện pháp xử lý:

a) Về nước thải:

- Trong giai đoạn xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh được ít, được nhà thầu thu gom bằng nhà vệ sinh di động.

- Trong giai đoạn vận hành: phát sinh nước thải sinh hoạt, ước tính khoảng 1 đến 2 m^3/ngày đêm. Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải bằng phương pháp lắng và có bổ sung vật liệu hấp phụ ở hố thu. Nước thải sinh hoạt sau khi qua hệ thống xử lý được lưu giữ tại hố thu và sử dụng tưới cây xanh trong khuôn viên nhà máy.

b) Về bụi, khí thải:

Trong giai đoạn xây thi công xây dựng: Từ hoạt động phương tiện giao thông của Công ty và nhân viên. Lượng này không đáng kể, khí thải từ các phượng tiện sẽ được cơ quan đăng kiểm định kỳ kiểm định và bảo dưỡng định kỳ. Về bụi từ hoạt động xây dựng và phương tiện vận chuyển vật liệu, được nhà thầu giảm thiểu qua xây dựng kế hoạch quản lý thi công, hoạt động vận chuyển, bố trí hàng rào bao quanh khu vực mặt bằng xây dựng trạm biến áp và nhà điều hành, phun nước thường xuyên tại công trường, dọc các tuyến đường vận chuyển đến công trường.

Trong giai đoạn vận hành: Từ hoạt động phương tiện giao thông của Công ty và nhân viên. Lượng này không đáng kể, khí thải từ các phượng tiện sẽ được cơ quan đăng kiểm định kỳ kiểm định.

c) Về chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn xây dựng trong giai đoạn thi công: phát sinh không đáng kể do khu vực này là bãi bồi cát, chủ đầu tư phải bơm bổ sung cát để tạo mặt bằng.

Chất thải rắn sinh hoạt trên tàu, xà lan: được đơn vị hậu cần trên biển thu gom và chuyển về xử lý.

Trong giai đoạn vận hành: Chất thải sinh hoạt phát sinh khối lượng ít được Công ty đã đề nghị UBND xã Trường Long Hòa hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và có sự xác nhận chấp thuận của UBND xã Trường Long Hòa.

d) Về chất thải nguy hại:

Trong giai đoạn thi công: Công ty cung cấp Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH giữa Công ty cổ phần FECON (nhà thầu thi công) với Công ty TNHH MTV Môi trường Trà Vinh. Công ty cổ phần FECON đã chuyển giao chất thải nguy hại 01 lần, khối lượng 252 kg và có sử dụng chứng từ chất thải nguy hại.

Trong giai đoạn vận hành: Tại thời điểm thanh tra, Công ty bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH có biển cảnh báo và 04 thùng lưu giữ chất thải ngoài trời có nắp đậy. Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH SX - TM - DV Môi trường Việt Xanh để thu gom, vận chuyển và xử lý. Ngày 19/10/2022, Công ty chuyển giao 551 kg chất thải nguy hại (05 mã) cho Công ty TNHH SX - TM - DV Môi trường Việt Xanh, có biên bản giao nhận và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại.

2.4. Việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường biển

a) Việc thực hiện Quyết định giao khu vực biển

- Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh giao khu vực biển tại Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc giao quyền sử dụng khu vực biển cho Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh. Mục đích sử dụng khu vực biển để thực hiện dự án Nhà máy Điện gió số 3 tại vị trí V1-3; khu vực biển

được giao tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, khu vực biển được phép sử dụng có diện tích là: 1014,7 ha, độ sâu được phép sử dụng là 65m (tại các trụ móng Tuabin) giới hạn bởi 96 điểm góc từ TK1 đến TK93 và 2.2F, 2.2E, 2.2D; thời hạn sử dụng khu vực biển từ ngày Quyết định có hiệu lực (19 tháng 6 năm 2020) đến hết ngày 23/4/2044; số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp: 3.044.100.000 đồng/năm, theo hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển hàng năm.

- Ngày 28 tháng 4 năm 2020, Công ty có Công văn số 142/2020/CV-CĐL thông báo kế hoạch thi công trên biển Dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3, theo đó ngày triển khai thi công trên biển là ngày 24/8/2020.

- Ngày 26 tháng 6 năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông báo số 164-TB-STNMT thông báo về việc bàn giao khu vực biển Dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 của Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh.

- Ngày 01 tháng 7 năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh đã tiến hành bàn giao khu vực biển Dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 cho Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (Biên bản bàn giao ngày 01 tháng 7 năm 2020 kèm theo).

- Trên cơ sở các quy định về giao khu vực biển, đơn đề nghị trả lại một phần khu vực biển ngày 06/5/2021 của Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh và Tờ trình số 269/TTr-STNMT ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, ngày 01 tháng 6 năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 1042/QĐ-UBND về việc giao khu vực biển cho Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh, địa chỉ tại số 364 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích sử dụng khu vực biển để thực hiện dự án Nhà máy Điện gió số 3 tại vị trí V1-3; khu vực biển được giao tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, khu vực biển được phép sử dụng có diện tích là: 278,75ha, độ sâu được phép sử dụng: 65m, giới hạn bởi 26 điểm góc từ TK1 đến TK6, TK6A.GD2-1, GD2-2, TK35A, từ TK36 đến TK43, TK43A, GD1-1;GD1-2 và từ GD2-3 đến GD2-7 có tọa độ thể hiện trên sơ đồ khu vực biển còn lại sau khi trả lại một phần khu vực biển theo mẫu Mẫu số 05 Phụ lục Nghị định số 11/2021/NDD-CP của Chính phủ; thời hạn sử dụng khu vực biển từ ngày Quyết định có hiệu lực (01/6/2021) đến hết ngày 23/4/2044; số tiền sử dụng khu vực biển Công ty phải nộp hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế trên cơ sở mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác năng lượng gió do UBND tỉnh ban hành theo từng thời điểm. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2443/Q Đ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh thực hiện bàn giao khu vực biển vào ngày 18 tháng 6 năm 2021 (có biên bản bàn giao kèm theo).

- Báo cáo cung cấp thông tin tình hình sử dụng khu vực biển cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển: Công ty có báo cáo số 341A/2020/BC-CĐL ngày 31 tháng 12 năm 2020 gửi Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Trà Vinh; Công ty có báo cáo số 06/2022/BC-CĐL ngày 10 tháng 01 năm 2022 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

b) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển

- Năm 2020, Công ty đã nộp 1.522.050.000 đồng (một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) cho Cục Thuế tỉnh Trà Vinh, cụ thể:

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, Cục Thuế tỉnh Trà Vinh có Thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển số 1447/TB-CT, số tiền sử dụng biển phải nộp 3.044.100.000 đồng/năm (ba tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng) cho diện tích sử dụng biển là 1.014,7 ha. Riêng trong năm 2020, nộp 06 tháng tính từ ngày 19/6/2020 với số tiền 1.522.050.000 đồng (một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng), thời hạn nộp trước ngày 31 tháng 10 năm 2020. Theo đó, ngày 13 tháng 10 năm 2020, Công ty đã nộp đủ số tiền sử dụng khu vực biển nêu trên.

- Năm 2021.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, căn cứ Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2021 vê giao khu vực biển, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đã ban hành Quyết định số 1434/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung quy định về tiền sử dụng khu vực biển Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh phải nộp hàng năm tại Điều 1 Quyết định số 1042/QĐUBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, tiền sử dụng khu vực biển hàng năm Công ty phải nộp là 836.250.000 đồng (tám trăn ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, Cục Thuế tỉnh Trà Vinh có Thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển số 2824/TB-CTTV1, số tiền sử dụng biển phải nộp 836.250.000 đồng (tám trăn ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) cho diện tích sử dụng biển là 278,75 ha. Riêng trong năm 2021, nộp 06 tháng tính từ ngày 01/6/2021 đến 31/12/2021 với số tiền 418.125.000 đồng (Bốn trăm mười tám triệu một trăm hai mươi nhăm ngàn đồng), thời hạn nộp chậm nhất ngày 31 tháng 10 năm 2021. Thay thế Thông báo số 1447/TB-CT.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, Cục Thuế tỉnh Trà Vinh có Thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển số 3382/TB-CTTV1, số tiền sử dụng biển phải nộp 836.250.000 đồng (tám trăn ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) cho diện tích sử dụng biển là 278,75 ha. Riêng trong năm 2021, nộp 07 tháng tính từ ngày 01/6/2021 đến 31/12/2021 với số tiền 487.812.500.000 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy triệu tám trăm mười hai ngàn năm trăm đồng), thời hạn nộp chậm nhất ngày 31 tháng 10 năm 2021. Thay thế Thông báo số 2824/TB-CTTV1.

Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của Công ty:

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, Công ty đã nộp số tiền 418.125.000 đồng (bốn trăm mười tám triệu một trăm hai mươi nhăm ngàn đồng) tiền sử dụng khu vực biển.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, Công ty đã nộp số tiền 919.937.500 đồng (chín trăm mười chín triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, Công ty đã nộp số tiền 418.125.000 đồng (bốn trăm mười tám triệu một trăm hai mươi nhăm ngàn đồng) tiền sử dụng khu vực biển.

Năm 2021, Tổng số tiền Công ty đã nộp là: 1.756.188.500 đồng.

- **Năm 2022,** Ngày 04 tháng 5 năm 2021, Cục Thuế tỉnh Trà Vinh có Thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển số 1185/TB-CTTV1, số tiền sử dụng biển phải nộp hàng năm là 836.250.000 đồng (tám trăn ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Lần 1 nộp: 418.125.000 đồng (Bốn trăm mười tám triệu một trăm hai nhăm ngàn đồng chẵn), thời hạn chậm nhất ngày 31 tháng 5 năm 2022. Nộp lần 2 số tiền 418.125.000 đồng (Bốn trăm mười tám triệu một trăm hai nhăm ngàn đồng chẵn), thời hạn chậm nhất ngày 31 tháng 10 năm 2022. Theo đó, ngày 26 tháng 5 năm 2022 và ngày 26 tháng 10 năm 2022, Công ty đã nộp đủ số tiền trên.

3. Kiểm tra thực địa

- Tại thời điểm thanh tra, khu vực biển đã giao cho Công ty được sử dụng vào mục đích thực hiện các hạng mục của Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3, bao gồm: 12 trụ tuabin điện gió và các tuyến đường cầu dẫn. Đoàn Thanh tra đã tiến hành đo đạc, kiểm tra khu vực tọa độ của 12/12 trụ tuabin điện gió và xác định vị trí đường cầu dẫn. Kết quả tọa độ 12/12 trụ tuabin cụ thể như sau:

Hệ tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 105°30 múi chiếu 3 độ

STT	X	Y	Trụ Tuabin
1	1070080.21	619010.82	TB1
2	1069810.38	619139.22	TB2
3	1069542.48	619268.60	TB3
4	1069267.76	619400.10	TB4
5	1069002.08	619528.89	TB5
6	1068730.17	619659.95	TB6
7	1068459.15	619790.78	TB7
8	1068188.29	619920.85	TB8
9	1067920.57	620051.62	TB9
10	1067648.61	620182.79	TB10
11	1067380.73	620312.92	TB11
12	1067108.68	620443.33	TB12

Tọa độ các điểm góc của khu vực biển được giao tại Quyết định số 1042/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	X	Y
	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(m)	(m)
TK1	9°41'24.03"	106°35'27.10"	1071652.22	619707.98
TK2	9°41'17.72"	106°35'28.54"	1071458.59	619752.31
TK3	9°41'16.69"	106°35'28.65"	1071427.06	619755.96
TK4	9°41'15.89"	106°35'28.62"	1071402.45	619755.06
TK5	9°41'12.34"	106°35'27.91"	1071293.09	619733.70
TK6	9°41'11.91"	106°35'27.76"	1071279.98	619729.19
TK6A	9°41'11.55"	106°35'27.58"	1071268.99	619723.71
GD2-1	9°40'38.83"	106°35'43.37"	1070264.96	620208.42
GD2-2	9°40'38.94"	106°35'08.04"	1070264.96	619131.30
TK35A	9°40'38.96"	106°35'02.04"	1070264.96	618948.17
TK36	9°40'37.05"	106°35'02.13"	1070206.34	618951.31
TK37	9°40'32.05"	106°35'02.74"	1070052.75	618970.19
TK38	9°40'30.19"	106°35'02.96"	1069995.65	618977.20
TK39	9°40'27.28"	106°35'03.31"	1069906.25	618988.15
TK40	9°40'27.15"	106°35'03.34"	1069902.25	618989.07
TK41	9°40'24.15"	106°35'04.17"	1069810.21	619014.60
TK42	9°40'24.02"	106°35'04.23"	1069806.20	619016.47
TK43	9°40'17.98"	106°35'05.57"	1069620.93	619057.83
TK43A	9°40'16.06"	106°35'05.99"	1069561.70	619071.05
GD1-1	9°38'56.37"	106°35'44.45"	1067117.06	620251.23
GD1 -2	9°38'51.07"	106°36'00.10"	1066955.66	620728.90
GD2-3	9°40'27.20"	106°35'13.71"	1069904.96	619305.10
GD2-4	9°40'27.09"	106°35'49.04"	1069904.96	620382.21
GD2-5	9°39'35.18"	106°36'14.08"	1068312.39	621151.04
GD2-6	9°39'54.16"	106°36'18.02"	1068895.85	621269.13
GD2-7	9°41'23.90"	106°35'34.72"	1071648.95	619940.04

- Đối chiếu kết quả đo đạc tọa độ khu vực các tuabin tại thực địa với vị trí khu vực biển được giao theo Quyết định số 1042/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, toàn bộ 12/12 trụ tuabin được xây dựng, lắp đặt nằm trong khu vực biển được cơ quan có thẩm quyền giao.

Đối với trụ Tuabin số 4, Công ty đã xây dựng trụ móng tại vị trí được phê duyệt theo thiết kế của cơ quan có thẩm quyền. Theo báo cáo của Công ty, do quá trình thi công trụ móng bị lỗi kỹ thuật nên Công ty đã xây dựng, lắp đặt trụ Tuabin số 04 tại vị trí mới. Đoàn đã kiểm tra vị trí Tuabin số 04 mới nằm trong phạm vi khu vực biển được giao, đã được Cục Điện lực và năng lượng lượng tái tạo của Bộ Công thương thẩm định thiết kế kỹ thuật theo Văn bản số 59/ĐI-NLTT ngày 12 tháng 01 năm 2021.

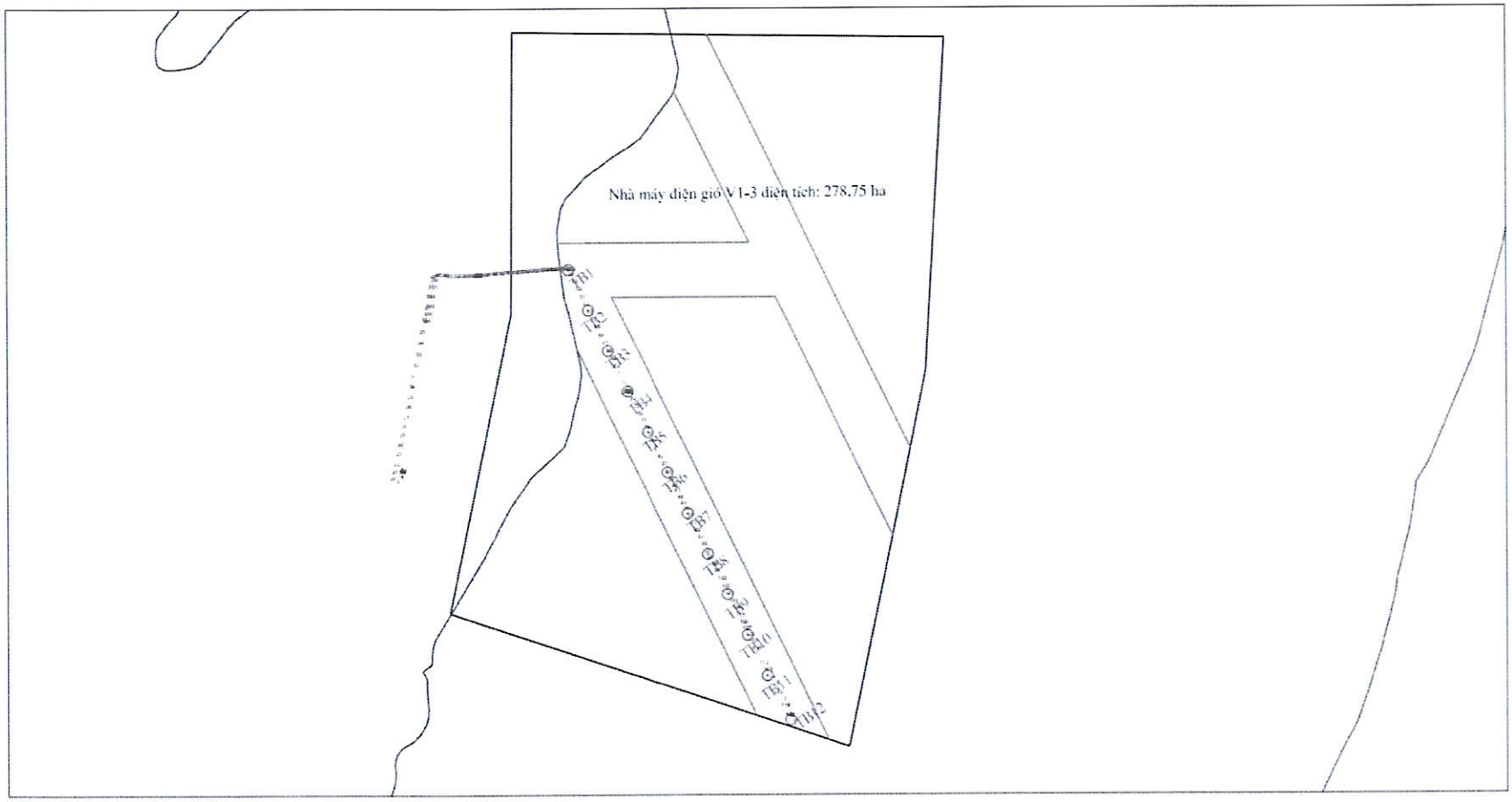
2.5. Việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền

Tại dự án chưa được cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường và giao khu vực biển.

Biên bản này được hoàn thành vào hồi 10 giờ 30 cùng ngày; đã đọc cho mọi người có mặt cùng nghe và nhất trí thông qua, gồm 12 trang, được lập thành 04 bản, có chữ ký của đại diện Công ty và Trưởng đoàn thanh tra tại các trang, giao cho Công ty 01 bản./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY **CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH**	**TM. ĐOÀN THANH TRA** **TRƯỞNG ĐOÀN**
Lê Tuấn Hải	**Lê Thị Lan Anh**

SƠ ĐỒ KIỂM TRA THỰC ĐỊA NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ V1-3 (CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN LANH REE)



Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm theo Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018

TB1 Vị trí tuabin và tên trụ tua bin

Ranh giới khu vực biển đã được giao

Các điểm kiểm tra thực tế tại khu vực biển đã được giao

Ranh giới quy hoạch theo Quyết định số 13309/QĐ-BCT

Đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý được công bố theo Quyết định số 853/QĐ-BTNMT ngày 25/4/2022

Được quét bằng CamScanner

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514

Ngày: 13/04/2022
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 53/2022

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH- NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3**
2. Địa chỉ: Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
3. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 02 mẫu
4. Ký hiệu mẫu:
   - NT.060422.001: Nước thải sinh hoạt đầu vào
   - NT.060422.002: Nước thải sinh hoạt đầu ra
5. Ngày lấy mẫu: 06/04/2022 Thời gian thử nghiệm: 06/04 – 13/04/2022.
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B
				NT.060422.001	NT.060422.002	
1.	pH$^{(a,b)}$	-	TCVN 6492:2011	6,9	6,8	**5 – 9**
2.	TSS$^{(a,b)}$	mg/L	TCVN 6625:2000	32,0	27,0	**100**
3.	$BOD_5$$^{(a,b)}$	mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	23,6	19,9	**50**
4.	$N\text{-}NO_3^{-}$ $^{(a,b)}$	mg/L	US EPA Method 352.1	2,25	1,85	**50**
5.	$N\text{-}NH_4^{+}$ $^{(a,b)}$	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 B&F:2017	6,04	2,12	**10**
6.	$P\text{-}PO_4^{3-}$ $^{(a,b)}$	mg/L	TCVN 6202:2008	1,88	0,73	**10**
7.	Tổng coliform$^{(b)}$	mg/L	TCVN 6187-2:2020	3240	3060	**5000**

Ghi chú: (-) Không quy định.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.; (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích;

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	
Ngày: 13/04/2022 Trang: 1/1	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *Mã số: 53/2022*	

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH- NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3**
2. Địa chỉ: Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
3. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 02 mẫu
4. Ký hiệu mẫu:
   - ĐTT.060422.001: Tại trạm biến áp
   - ĐTT.060422.002: Tại khu quản lý vận hành
5. Ngày lấy mẫu: 06/04/2022 Thời gian thử nghiệm: 06/04 – 13/04/2022.
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 25:2016/BYT
				ĐTT.060422.001	ĐTT.060422.002	
1.	Điện từ trường[(c)]	kV/m	Đo nhanh bằng máy Metrix VX 0100	0,227	0,002	<5 Thời gian tiếp xúc (phút): Không giới hạn

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514

Ngày: 25/07/2022
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 380/2022

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH- NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3**
2. Địa chỉ: Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
3. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 02 mẫu
4. Ký hiệu mẫu:
   - NT.180722.001: Nước thải sinh hoạt đầu vào
   - NT.180722.002: Nước thải sinh hoạt đầu ra
5. Ngày lấy mẫu: 18/07/2022 Thời gian thử nghiệm: 18/07 – 25/07/2022.
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B
				NT.180722.001	NT.180722.002	
1.	pH[a,b]	-	TCVN 6492:2011	6,7	6,6	**5 – 9**
2.	TSS[a,b]	mg/L	TCVN 6625:2000	35,6	30,0	**100**
3.	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-1:2008	21,7	18,5	**50**
4.	$N\text{-}NO_3^-$ [a,b]	mg/L	US EPA Method 352.1	2,42	2,09	**50**
5.	$N\text{-}NH_4^+$ [a,b]	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 B&F:2017	6,33	3,18	**10**
6.	$P\text{-}PO_4^{3-}$ [a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008	1,71	0,94	**10**
7.	Tổng coliform[b]	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:2020	4780	3840	**5000**

Ghi chú: (-) Không quy định.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.; (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích;

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	
Ngày: 29/09/2022 Trang: 1/1	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *Mã số: 527/2022*	VILAS 495

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH- NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3**
2. Địa chỉ: Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
3. Tên mẫu: Điện từ trường Số lượng: 02 mẫu
4. Ký hiệu mẫu:
   - ĐTT.220922.001: Tại trạm biến áp
   - ĐTT.220922.002: Tại khu quản lý vận hành
5. Ngày lấy mẫu: 22/09/2022 Thời gian thử nghiệm: 22/09 – 29/09/2022.
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 25:2016/BYT
				ĐTT.220922.001	ĐTT.220922.002	
1.	Điện từ trường[(c)]	kV/m	Đo nhanh bằng máy Metrix VX 0100	0,909	0,003	**<5** **Thời gian tiếp xúc (phút): Không giới hạn**

P. Phòng thí nghiệm Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Công Trí **ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo**

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

ETC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG** Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	CERTIFIED VIMCERTS 089 MONRE ilac-MRA BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 495
Ngày: 29/09/2022 Trang: 1/1	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *Mã số: 527/2022*	

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH- NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3**
2. Địa chỉ: Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
3. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 02 mẫu
4. Ký hiệu mẫu:
   - NT.220922.002: Nước thải sinh hoạt đầu vào
   - NT.220922.003: Nước thải sinh hoạt đầu ra
5. Ngày lấy mẫu: 22/09/2022 Thời gian thử nghiệm: 22/09 – 29/09/2022.
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B
				NT.220922.002	NT.220922.003	
1.	pH[a,b]	-	TCVN 6492:2011	6,8	6,7	**5 – 9**
2.	TSS[a,b]	mg/L	TCVN 6625:2000	36,0	29,0	**100**
3.	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-1:2008	18,9	17,3	**50**
4.	$N\text{-}NO_3^-$ [a,b]	mg/L	US EPA Method 352.1	2,55	2,02	**50**
5.	$N\text{-}NH_4^+$ [a,b]	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 B&F:2017	6,57	3,14	**10**
6.	$P\text{-}PO_4^{3-}$ [a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008	1,88	1,05	**10**
7.	Tổng coliform[b]	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:2020	5310	3060	**5000**

Ghi chú: (-) Không quy định.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514

Ngày: 25/07/2022
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 380/2022

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH- NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3**
2. Địa chỉ: Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
3. Tên mẫu: Điện từ trường Số lượng: 02 mẫu
4. Ký hiệu mẫu:
   - ĐTT.180722.001: Tại trạm biến áp
   - ĐTT.180722.002: Tại khu quản lý vận hành
5. Ngày lấy mẫu: 18/07/2022 Thời gian thử nghiệm: 18/07 – 25/07/2022.
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 25:2016/BYT
				ĐTT.180722.001	ĐTT.180722.002	
1.	Điện từ trường[(c)]	kV/m	Đo nhanh bằng máy Metrix VX 0100	0,602	0,0034	**<5 Thời gian tiếp xúc (phút): Không giới hạn**

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

ETC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**	Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514 Email: hungnphuoc@yahoo.com
TT 7.3	**BIÊN BẢN LẤY MẪU**	Trang: 1/2

Trà Vinh, Ngày 6 tháng 4 Năm 2022

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH.** .....

Nơi lấy mẫu: **Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1.3.** .....

Địa chỉ: Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh. .....

Ghi nhận hiện trường: Trời nắng. .....

TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	
1	Nước thải sinh hoạt đầu vào	NT01	pH, TSS, BOD5, Nitrat, Amoni, Phosphat, Tổng coliform		
	Nước thải sinh hoạt đầu ra	NT02			
2	Điện từ trường khu vực trạm biến áp	ĐTT01	Điện từ trường		
	Điện từ trường khu vực quản lý vận hành	ĐTT02			

ETC	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG	Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514 Email: hungnphuoc@yahoo.com
TT 7.3	**BIÊN BẢN LẤY MẪU**	Trang: 2/2

TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	

Hướng dẫn lấy mẫu:

☐ Ánh sáng	TCVN 5176 : 1990	☐ H_2S	MASA method 701
☐ Tiếng ồn	TCVN 7878-2 : 2010	☐ NH_3	TCVN 5293 : 1995
☐ Bụi	TCVN 5067:1995	☐ Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT
☐ NO_2	T VN 6137 2009	☐ Benzen	NIOSH 1501:1994
☐ SO_2	TCVN 5971 : 1995	☐ Toluen	NIOSH 1501:1994
☐ CO	HD.TN.04	☐ Xyle	NIOSH 1501:1994
☐ Bụi hì	TCVN 5067 : 1995	☐ Độ rung	TCVN 6963 : 2001
☐ Nước thải.	TCVN 5999 : 1995	☐ Bùn thải	TCV 6663 – 13: 000
☐ Ao hồ	TCVN 5994: 199	☐ Chất thải rắn	TCVN 9466 : 2012
☐ Sông, suối	TCVN 663 – 6 2008	☐ Đất	TCVN 7 38:2005
☐ Nước ngầm	CVN 6663-11 : 011	☐ Chất thải rắn	TCVN 9466 : 2012
☐ Nước biển	TCVN 5998 : 1995 & TCVN 5998 : 1992	☐ Kỹ thuật lấy mẫu nước	TCVN 6663-1:2011
☐ Nước uống	TCVN 6663-5 : 2009	☐ Bảo quản xử lý mẫu nước	TCVN 6663-3 : 2008
☐ Nhiệt độ	SMEWW 2550B : 2012	☐ trầm tích	TCVN 6663 – 3: 2000 & TCVN 6663 – 15: 2004
☐ pH	TCVN 6492: 2011	☐ Bảo quản xử lý mẫu bùn	TCVN 6663 – 15: 2004
☐ DO	TCVN 7325 : 2004	☐ Động vật đáy	SMEWW 10500: 2012
		☐ Lấy mẫu phiêu sinh, thực vật	SMEWW 10200 : 2012

Các thông tin khác: .....

Người yêu cầu/Nơi lấy mẫu	Người giám sát	Người lấy mẫu
Ngô Trường Giang		Trần Văn Ngọc

ETC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**	Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514 Email: hungnphuoc@yahoo.com
TT 7.3	**BIÊN BẢN LẤY MẪU**	Trang: 1/2

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Trà Vinh, Ngày 18 Tháng 7 Năm 2022

Đơn vị / khách hàng yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH**

Nơi lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ V1-3**

Địa chỉ: Xã Trường Long Hòa, Tx. Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Ghi nhận hiện trường: Trời Nắng

TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	
1	Điện từ trường Khu vực trạm biến áp	KK01	Điện từ trường	09°39.788'	106°34.433'
	Điện từ trường Khu vực quản lý vận hành	KK02		09°39.781'	106°34.452'
2	Nước thải sinh hoạt đầu vào	NT01	pH, TSS, BOD_5, $P\text{-}PO_4^{3-}$ $N\text{-}NH_4^+$, Tổng Coliform, NO_3^-	09°39.784'	106°34.455'
	Nước thải sinh hoạt đầu ra	NT02		09°39.785'	106°34.456'

ETC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**	Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514 Email: hungnphuoc@yahoo.com
TT 7.3	**BIÊN BẢN LẤY MẪU**	Trang: 2/2

TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	

Hướng dẫn lấy mẫu:

☐ Tiếng ồn	TCVN 7878-2 : 2018	☐ H_2S	MASA Method 701
☐ Ánh sáng	TCVN 5176 : 1990	☐ NH_3	TCVN 5293 : 1995
☐ Bụi	TCVN 5067:1995	☐ Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT
☐ NO_2	TCVN 6137:2009	☐ Benzen	NIOSH 1501:1994
☐ SO_2	TCVN 5971 : 1995	☐ Toluen	NIOSH 1501:1994
☐ CO	HDPP-92	☐ Xylen	NIOSH 1501:1994
☐ Bụi chì	TCVN 5067 : 1995	☐ Độ rung	TCVN 6963 : 2001
☐ O_3	MASA Method 411	☐ Mercaptan	Method 118
☐ Nước thải	TCVN 5999 : 1995	☐ Bùn thải	TCVN 6663 – 13: 2015
☐ Ao hồ	TCVN 5994: 1995	☐ Chất thải rắn	TCVN 9466 : 2012
☐ Sông, suối	TCVN 6663 – 6: 2018	☐ Đất	TCVN 7538-2:2005
☐ Nước ngầm	TCVN 6663-11 : 2011	☐ Kỹ thuật lấy mẫu nước	TCVN 6663-1:2011
☐ Nước biển	TCVN 5998 : 1995 &	☐ Bảo quản xử lý mẫu nước	TCVN 6663-3 : 2016
☐ pH	TCVN 6492: 2011	☐ Trầm tích	TCVN 6663 – 19: 2015
☐ Nhiệt độ	SMEWW 2550B : 2017	☐ Bảo quản xử lý mẫu bùn	TCVN 6663 – 15: 2004
☐ TDS	HDPP-03	☐ Đông vật đáy	SMEWW 10500B: 2017
☐ DO	TCVN 7325 : 2004	☐ Lấy mẫu phiêu sinh, thực vật	SMEWW 10200B: 2017
☐ Độ đục	SMEWW 2130B : 2017	☐ Bụi khí thải	US EPA Method 5
☐ Độ muối	SMEWW 2520B : 2017	☐ Lưu lượng khí thải	US EPA Method 2

Các thông tin khác: .....

Người yêu cầu/Nơi lấy mẫu	Người giám sát	Người lấy mẫu
Nguyễn Trường Giang		Đoàn Văn Ngọc

ETC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**	Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514 Email: hungnphuoc@yahoo.com
VILAS 1017	**BIÊN BẢN LẤY MẪU**	Trang: 1/2

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Trà Vinh, Ngày 8 tháng 12 Năm 2022

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH**.....

Nơi lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3** .....

Địa chỉ: Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.. .....

Ghi nhận hiện trường: Trời Nắng .....

TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	
1	Nước thải sinh hoạt đầu vào	NT01	Ph, lưu lượng, TSS, BOD5, Nitrat, Amoni, Phosphat, tổng coliform		
	Nước thải sinh hoạt đầu ra	NT02			
2	Điện từ trường Tại trạm biến áp	ĐTT01	Điện từ trường		
	Điện từ trường tại khu quản lý vận hành	ĐTT02			

TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	

Hướng dẫn lấy mẫu:

☐ Tiếng ồn	TCVN 7878-2 : 2018	☐ H_2S	MASA Method 701
☐ Ánh sáng	TCVN 5176 : 1990	☐ NH_3	TCVN 5293 : 1995
☐ Bụi	TCVN 5067:1995	☐ Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT
☐ NO_2	TCVN 6137:2009	☐ Benzen	NIOSH 1501:1994
☐ SO_2	TCVN 5971 : 1995	☐ Toluen	NIOSH 1501:1994
☐ CO	HDPP-92	☐ Xylen	NIOSH 1501:1994
☐ Bụi chì	TCVN 5067 : 1995	☐ Độ rung	TCVN 6963 : 2001
☐ Lấy mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011	☐ Mercaptan	Method 118
☐ Nước thải	TCVN 5999 : 1995	☐ Bùn thải	TCVN 6663 – 13: 2015
☐ Ao hồ	TCVN 5994: 1995	☐ Chất thải rắn	TCVN 9466 : 2012
☐ Sông, suối	TCVN 6663 – 6: 2018	☐ Đất	TCVN 7538-2:2005
☐ Nước ngầm	TCVN 6663-11 : 2011	☐ Kỹ thuật lấy mẫu nước	TCVN 6663-1:2011
☐ Nước biển	TCVN 5998 : 1995 &	☐ Bảo quản xử lý mẫu nước	TCVN 6663-3 : 2016
☐ pH	TCVN 6492: 2011	☐ Trầm tích	TCVN 6663 – 19: 2015
☐ Nhiệt độ	SMEWW 2550B : 2017	☐ Bảo quản xử lý mẫu bùn	TCVN 6663 – 15: 2004
☐ TDS	HDPP-03	☐ Đông vật đáy	SMEWW 10500B: 2017
☐ DO	TCVN 7325 : 2004	☐ Lấy mẫu phiêu sinh, thực vật	SMEWW 10200B: 2017
☐ Độ đục	SMEWW 2130B : 2017	☐ Bụi khí thải	US EPA Method 5
☐ Độ muối	SMEWW 2520B : 2017	☐ Lưu lượng khí thải	US EPA Method 2

Các thông tin khác: .....

Người yêu cầu/Nơi lấy mẫu	Người giám sát	Người lấy mẫu
Võ Anh Hiếu		Trần Văn Ngọc

ETC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**	Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514 Email: hungnphuoc@yahoo.com
TT 7.3	**BIÊN BẢN LẤY MẪU**	Trang: 1/2

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Trà Vinh, Ngày 22 Tháng 9 Năm 2022

Đơn vị / khách hàng yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH**

Nơi lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ V1-3**

Địa chỉ: Xã Trường Long Hòa, Tx. Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Ghi nhận hiện trường: Trời Nắng!

TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	
1	Điện từ trường Khu vực trạm biến áp	KK01	909 V/m Điện từ trường 3	09°39.788'	106°34.433'
	Điện từ trường Khu vực quản lý vận hành	KK02		09°39.781'	106°34.452'
2	Nước thải sinh hoạt đầu vào	NT01	pH, TSS, BOD_5, $P\text{-}PO_4^{3-}$ $N\text{-}NH_4^+$, Tổng Coliform, NO_3^-	09°39.784'	106°34.455'
	Nước thải sinh hoạt đầu ra	NT02		09°39.785'	106°34.456'

ETC	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG	Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514 Email: hungnphuoc@yahoo.com
TT 7.3	**BIÊN BẢN LẤY MẪU**	Trang: 2/2

TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	

Hướng dẫn lấy mẫu:

☐ Tiếng ồn	TCVN 7878-2 : 2018	☐ H_2S	MASA Method 701
☐ Ánh sáng	TCVN 5176 : 1990	☐ NH_3	TCVN 5293 : 1995
☐ Bụi	TCVN 5067:1995	☐ Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT
☐ NO_2	TCVN 6137:2009	☐ Benzen	NIOSH 1501:1994
☐ SO_2	TCVN 5971 : 1995	☐ Toluen	NIOSH 1501:1994
☐ CO	HDPP-92	☐ Xylen	NIOSH 1501:1994
☐ Bụi chì	TCVN 5067 : 1995	☐ Độ rung	TCVN 6963 : 2001
☐ O_3	MASA Method 411	☐ Mercaptan	Method 118
☐ Nước thải	TCVN 5999 : 1995	☐ Bùn thải	TCVN 6663 – 13: 2015
☐ Ao hồ	TCVN 5994: 1995	☐ Chất thải rắn	TCVN 9466 : 2012
☐ Sông, suối	TCVN 6663 – 6: 2018	☐ Đất	TCVN 7538-2:2005
☐ Nước ngầm	TCVN 6663-11 : 2011	☐ Kỹ thuật lấy mẫu nước	TCVN 6663-1:2011
☐ Nước biển	TCVN 5998 : 1995 &	☐ Bảo quản xử lý mẫu nước	TCVN 6663-3 : 2016
☐ pH	TCVN 6492: 2011	☐ Trầm tích	TCVN 6663 – 19: 2015
☐ Nhiệt độ	SMEWW 2550B : 2017	☐ Bảo quản xử lý mẫu bùn	TCVN 6663 – 15: 2004
☐ TDS	HDPP-03	☐ Động vật đáy	SMEWW 10500B: 2017
☐ DO	TCVN 7325 : 2004	☐ Lấy mẫu phiêu sinh, thực vật	SMEWW 10200B: 2017
☐ Độ đục	SMEWW 2130B : 2017	☐ Bụi khí thải	US EPA Method 5
☐ Độ muối	SMEWW 2520B : 2017	☐ Lưu lượng khí thải	US EPA Method 2

Các thông tin khác: .....

Người yêu cầu/Nơi lấy mẫu	Người giám sát	Người lấy mẫu
Phan Hoàng Nam		Hoàn Sơn Ngọc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514

Ngày: 14/03/2023
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 103/2023

VILAS 495

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 - TẠI VỊ TRÍ V1-3**
3. Địa chỉ lấy mẫu: Khu điều hành Nhà máy điện gió số 3 – tại vị trí V1-3, Ấp Nhà Mát, Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
4. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 02 mẫu
5. Ký hiệu mẫu:
   - NT.070323.001: Nước thải sinh hoạt đầu vào
   - NT.070323.002: Nước thải sinh hoạt đầu ra
6. Ngày lấy mẫu: 07/03/2023 Thời gian thử nghiệm: 07/03 – 14/03/2023
7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B
				NT.070323.001	NT.070323.002	
1.	$pH^{(a,b)}$	-	TCVN 6492:2011	6,7	6,6	**5 – 9**
2.	$TSS^{(a,b)}$	mg/L	TCVN 6625:2000	36,4	32,0	**100**
3.	$BOD_5^{(a,b)}$	mg/L	TCVN 6001-1:2008	21,1	14,5	**50**
4.	$N\text{-}NO_3^{-\,(a,b)}$	mg/L	US EPA Method 352.1	2,18	2,02	**50**
5.	$N\text{-}NH_4^{+\,(a,b)}$	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 B&F:2017	6,70	3,88	**10**
6.	$P\text{-}PO_4^{3-\,(a,b)}$	mg/L	TCVN 6202:2008	2,25	1,47	**10**
7.	Tổng coliform$^{(b)}$	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:2020	6240	4290	**5000**

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thuý Lan

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514

Ngày: 14/03/2023
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 104/2023

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 - TẠI VỊ TRÍ V1-3**
3. Địa chỉ lấy mẫu: Khu điều hành Nhà máy điện gió số 3 – tại vị trí V1-3, Ấp Nhà Mát, Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
4. Tên mẫu: Điện từ trường Số lượng: 02 mẫu
5. Ký hiệu mẫu:
   - ĐTT.070323.001: Khu vực trạm biến áp
   - ĐTT.070323.002: Khu vực quản lý vận hành
6. Ngày lấy mẫu: 07/03/2023 Thời gian thử nghiệm: 07/03 – 14/03/2023
7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 25:2016/BYT
				ĐTT.070323.001	ĐTT.070323.002	
1.	Điện từ trường[(c)]	kV/m	Đo nhanh bằng máy Metrix VX 0100	0,34	0,0023	**<5** **Thời gian tiếp xúc (phút): Không giới hạn**

Ghi chú:

QCVN 25:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thuý Lan

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514

Ngày: 24/06/2023
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 846/2023

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 - TẠI VỊ TRÍ V1-3**
3. Địa chỉ lấy mẫu: Khu điều hành Nhà máy điện gió số 3 – tại vị trí V1-3, Ấp Nhà Mát, Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
4. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 02 mẫu
5. Ký hiệu mẫu:
   - NT.170623.002: Nước thải sinh hoạt đầu vào
   - NT.170623.003: Nước thải sinh hoạt đầu ra
6. Ngày lấy mẫu: 17/06/2023 Thời gian thử nghiệm: 17/06 – 24/06/2023
7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B
				NT.170623.001	NT.170623.002	
1.	pH[a,b]	-	TCVN 6492:2011	6,1,	6,9	**5 – 9**
2.	TSS[a,b]	mg/L	TCVN 6625:2000	42,0	26,8	**100**
3.	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20,2	13,3	**50**
4.	$N\text{-}NO_3^-$ [a,b]	mg/L	US EPA Method 352.1	1,87	1,45	**50**
5.	$N\text{-}NH_4^+$ [a,b]	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 B&F:2017	6,21	3,64	**10**
6.	$P\text{-}PO_4^{3-}$ [a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008	2,29	1,32	**10**
7.	Tổng coliform[b]	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:2020	5.600	3.440	**5000**

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thuý Lan

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514

Ngày: 24/06/2023
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 847/2023

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 - TẠI VỊ TRÍ V1-3**
3. Địa chỉ lấy mẫu: Khu điều hành Nhà máy điện gió số 3 – tại vị trí V1-3, Ấp Nhà Mát, Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
4. Tên mẫu: Điện từ trường Số lượng: 02 mẫu
5. Ký hiệu mẫu:
   - ĐTT.170623.001: Khu vực trạm biến áp
   - ĐTT.170623.002: Khu vực quản lý vận hành
6. Ngày lấy mẫu: 17/06/2023 Thời gian thử nghiệm: 17/06 – 24/06/2023
7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 25:2016/BYT
				ĐTT.0703 23.001	ĐTT.0703 23.002	
1.	Điện từ trường[(c)]	kV/m	Đo nhanh bằng máy Metrix VX 0100	0,31	0,0026	**<5** **Thời gian tiếp xúc (phút): Không giới hạn**

Ghi chú: *QCVN 25:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.*

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thuý Lan

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	
Ngày: 07/10/2023 Trang: 1/1	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *Mã số: 1288/2023*	

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 - TẠI VỊ TRÍ V1-3**
3. Địa chỉ lấy mẫu: Khu điều hành Nhà máy điện gió số 3 – tại vị trí V1-3, Ấp Nhà Mát, Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
4. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 02 mẫu
5. Ký hiệu mẫu:
   - NT.300923.002: Nước thải sinh hoạt đầu vào
   - NT.300923.003: Nước thải sinh hoạt đầu ra
6. Ngày lấy mẫu: 30/09/2023 Thời gian thử nghiệm: 30/09 – 07/10/2023
7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B
				NT.300923.002	NT.300923.003	
1.	pH[a,b]	-	TCVN 6492:2011	6,5	6,4	**5 – 9**
2.	TSS[a,b]	mg/L	TCVN 6625:2000	48,4	28,0	**100**
3.	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-1:2008	30,3	28,8	**50**
4.	$N\text{-}NO_3^-$ [a,b]	mg/L	US EPA Method 352.1	4,35	2,89	**50**
5.	$N\text{-}NH_4^+$ [a,b]	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 B&F:2017	7,16	5,22	**10**
6.	$P\text{-}PO_4^{3-}$ [a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008	3,62	2,58	**10**
7.	Tổng coliform[b]	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:2020	5.300	4.200	**5000**

Ghi chú: (-) Không quy định.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thuý Lan

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514

Ngày: 07/10/2023
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 1289/2023

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 - TẠI VỊ TRÍ V1-3**
3. Địa chỉ lấy mẫu: Khu điều hành Nhà máy điện gió số 3 – tại vị trí V1-3, Ấp Nhà Mát, Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
4. Tên mẫu: Điện từ trường Số lượng: 02 mẫu
5. Ký hiệu mẫu:
   - ĐTT.300923.001: Khu vực trạm biến áp
   - ĐTT.300923.002: Khu vực quản lý vận hành
6. Ngày lấy mẫu: 30/09/2023 Thời gian thử nghiệm: 30/09 – 07/10/2023
7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 25:2016/ BYT
				ĐTT.0703 23.001	ĐTT.0703 23.002	
1.	Điện từ trường[(c)]	kV/m	Đo nhanh bằng máy Metrix VX 0100	0,45	0,0032	<5 Thời gian tiếp xúc (phút): Không giới hạn

Ghi chú: QCVN 25:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thuý Lan

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết qua thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514

Ngày: 15/12/2023
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 1506/2023

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 - TẠI VỊ TRÍ V1-3**
3. Địa chỉ lấy mẫu: Khu điều hành Nhà máy điện gió số 3 – tại vị trí V1-3, Ấp Nhà Mát, Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
4. Tên mẫu: Điện từ trường Số lượng: 02 mẫu
5. Ký hiệu mẫu:
   - ĐTT.081223.001: Khu vực trạm biến áp
   - ĐTT.081223.002: Khu vực quản lý vận hành
6. Ngày lấy mẫu: 08/12/2023 Thời gian thử nghiệm: 08/12 – 15/12/2023
7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 25:2016/BYT
				ĐTT.081223.001	ĐTT.081223.002	
1.	Điện từ trường[(c)]	kV/m	Đo nhanh bằng máy Metrix VX 0100	1,837	0,0009	<5 Thời gian tiếp xúc (phút): Không giới hạn

Ghi chú: QCVN 25:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thuý Lan

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514

Ngày: 15/12/2023
Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 1505/2023

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 - TẠI VỊ TRÍ V1-3**
3. Địa chỉ lấy mẫu: Khu điều hành Nhà máy điện gió số 3 – tại vị trí V1-3, Ấp Nhà Mát, Xã Trường Long Hòa, TX. Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
4. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 02 mẫu
5. Ký hiệu mẫu:
   - NT.081223.005: Nước thải sinh hoạt đầu vào
   - NT.081223.006: Nước thải sinh hoạt đầu ra
6. Ngày lấy mẫu: 08/12/2023 Thời gian thử nghiệm: 08/12 – 15/12/2023
7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B
				NT.081223 .005	NT.081223 .006	
1.	$pH^{(a,b)}$	-	TCVN 6492:2011	6,1	6,5	**5 – 9**
2.	$TSS^{(a,b)}$	mg/L	TCVN 6625:2000	74,0	31,6	**100**
3.	$BOD_5^{(a,b)}$	mg/L	TCVN 6001-1:2008	38,4	36,4	**50**
4.	$N\text{-}NO_3^{-\,(a,b)}$	mg/L	US EPA Method 352.1	4,03	3,12	**50**
5.	$N\text{-}NH_4^{+\,(a,b)}$	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 B&F:2017	8,06	5,37	**10**
6.	$P\text{-}PO_4^{3-\,(a,b)}$	mg/L	TCVN 6202:2008	3,90	2,42	**10**
7.	Tổng coliform$^{(b)}$	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:2020	4.780	3.440	**5000**

Ghi chú: (-) Không quy định.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Thuý Lan

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

ETC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**	Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514 Email: hungnphuoc@yahoo.com
TT 7.3	**BIÊN BẢN LẤY MẪU**	Trang: 1/2

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Trà Vinh, Ngày 7 Tháng 3 Năm 2023

Đơn vị / khách hàng yêu cầu: **Công ty TNHH Điện Gió REE Trà Vinh**

Nơi lấy mẫu: **NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ V1-3**

Địa chỉ: Khu nhà điều hành Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V1-3, ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Ghi nhận hiện trường: Trời Nắng

TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	
1	Điện từ trường Khu vực trạm biến áp	KK01	Điện từ trường	09°39.788'	106°34.433'
	Điện từ trường Khu vực quản lý vận hành	KK02		09°39.781'	106°34.452'
2	Nước thải sinh hoạt đầu vào	NT01	pH, TSS, BOD_5, $P\text{-}PO_4^{3-}$ $N\text{-}NH_4^+$, Tổng Coliform, NO_3^-	09°39.784'	106°34.455'
	Nước thải sinh hoạt đầu ra	NT02		09°39.785'	106°34.456'

TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	

Hướng dẫn lấy mẫu:

☐ Tiếng ồn	TCVN 7878-2 : 2018	☐ H_2S	MASA Method 701
☐ Ánh sáng	TCVN 5176 : 1990	☐ NH_3	TCVN 5293 : 1995
☐ Bụi	TCVN 5067:1995	☐ Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT
☐ NO_2	TCVN 6137:2009	☐ Benzen	NIOSH 1501:1994
☐ SO_2	TCVN 5971 : 1995	☐ Toluen	NIOSH 1501:1994
☐ CO	HDPP-92	☐ Xylen	NIOSH 1501:1994
☐ Bụi chì	TCVN 5067 : 1995	☐ Độ rung	TCVN 6963 : 2001
☐ O_3	MASA Method 411	☐ Mercaptan	Method 118
☐ Nước thải	TCVN 5999 : 1995	☐ Bùn thải	TCVN 6663 – 13: 2015
☐ Ao hồ	TCVN 5994: 1995	☐ Chất thải rắn	TCVN 9466 : 2012
☐ Sông, suối	TCVN 6663 – 6: 2018	☐ Đất	TCVN 7538-2:2005
☐ Nước ngầm	TCVN 6663-11 : 2011	☐ Kỹ thuật lấy mẫu nước	TCVN 6663-1:2011
☐ Nước biển	TCVN 5998 : 1995 &	☐ Bảo quản xử lý mẫu nước	TCVN 6663-3 : 2016
☐ pH	TCVN 6492: 2011	☐ Trầm tích	TCVN 6663 – 19: 2015
☐ Nhiệt độ	SMEWW 2550B : 2017	☐ Bảo quản xử lý mẫu bùn	TCVN 6663 – 15: 2004
☐ TDS	HDPP-03	☐ Đông vật đáy	SMEWW 10500B: 2017
☐ DO	TCVN 7325 : 2004	☐ Lấy mẫu phiêu sinh, thực vật	SMEWW 10200B: 2017
☐ Độ đục	SMEWW 2130B : 2017	☐ Bụi khí thải	US EPA Method 5
☐ Độ muối	SMEWW 2520B : 2017	☐ Lưu lượng khí thải	US EPA Method 2

Các thông tin khác: .....

Người yêu cầu/Nơi lấy mẫu	Người giám sát	Người lấy mẫu
Võ Anh Hiếu		Phan Văn Ngọc

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG	Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514 Email: hungnphuoc@yahoo.com
TT 7.3	**BIÊN BẢN LẤY MẪU**	Trang: 1/2

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

.....Trà Vinh....., Ngày 17 Tháng 06 Năm 2023

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH**.....

Địa điểm lấy mẫu: **KHU NHÀ ĐIỀU HÀNH NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 - TẠI VỊ TRÍ V1-3** .....

Địa chỉ lấy mẫu: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, TX Duyên hải, tỉnh Trà Vinh.....

Người lấy mẫu: .....

Ghi nhận hiện trường: .....

TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	
1	Nước thải sinh hoạt đầu vào	NT	pH, lưu lượng, TSS, BOD_5, Nitrat, Amoni, Phosphat, tổng coliform		
2	Nước thải sinh hoạt đầu ra	NT			
3	Điện từ trường Tại trạm biến áp	ĐTT	Điện từ trường		
4	Điện từ trường tại khu quản lý vận hành	ĐTT			

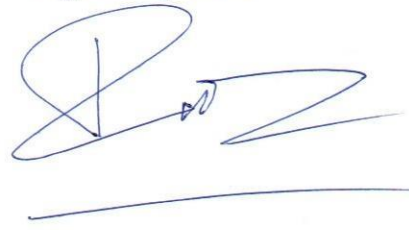
TT	Tên mẫu (Loại mẫu và vị trí lấy mẫu)	Kí hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ	

Hướng dẫn lấy mẫu:

□ Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	□ H_2S	MASA Method 701
□ Ánh sáng	TCVN 5176:1990	□ NH_3	TCVN 5293:1995
□ Bụi	TCVN 5067:1995	□ Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT
□ NO_2	TCVN 6137:2009	□ Benzen	NIOSH 1501:1994
□ SO_2	TCVN 5971 : 1995	□ Toluen	NIOSH 1501:1994
□ CO	HDPP-92	□ Xylen	NIOSH 1501:1994
□ Bụi chì	TCVN 5067:1995	□ Độ rung	TCVN 6963:2001
□ Lấy mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011	□ Mercaptan	Method 118
□ Nước thải	TCVN 5999 :1995	□ Bùn thải	TCVN 6663 – 13:2015
□ Ao hồ	TCVN 5994:1995	□ Chất thải rắn	TCVN 9466:2012
□ Sông, suối	TCVN 6663 – 6:2018	□ Đất	TCVN 7538-2:2005
□ Nước ngầm	TCVN 6663-11:2011	□ Kỹ thuật lấy mẫu nước	TCVN 6663-1:2011
□ Nước biển	TCVN 5998:1995 &	□ Bảo quản xử lý mẫu nước	TCVN 6663-3:2016
□ pH	TCVN 6492:2011	□ Trầm tích	TCVN 6663 – 19:2015
□ Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	□ Bảo quản xử lý mẫu bùn	TCVN 6663 – 15:2004
□ TDS	HDPP-03	□ Đông vật đáy	SMEWW 10500B:2017
□ DO	TCVN 7325:2004	□ Lấy mẫu phiêu sinh, thực vật	SMEWW 10200B:2017
□ Độ đục	SMEWW 2130B:2017	□ Bụi khí thải	US EPA Method 5
□ Độ muối	SMEWW 2520B:2017	□ Lưu lượng khí thải	US EPA Method 2

Các thông tin khác: .....

Người yêu cầu/Nơi lấy mẫu **Người giám sát** **Người lấy mẫu**



Đoàn Văn Ngọc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Hotline: 091 3377646 Email: moitruongrec@gmail.com

Mã số: 160124/00399:3/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 23 tháng 01 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ REE TRÀ VINH**
2. Địa chỉ: Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V1-3, Xã Trường Long Hòa, Thị xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.
3. Tên mẫu: Không khí Số lượng: 03 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KK4.160124	**0116/KK/A-MTTT-RTV/1**: Khu vực tua bin gần bờ
2	KK5.160124	**0116/KK/A-MTTT-RTV/1**: Khu vực trạm biến áp
3	KK6.160124	**0116/KK/A-MTTT-RTV/1**: Khu vực nhà dân gần khu vực tua bin

4. Ngày lấy mẫu: 16/01/2024
5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN	QUY CHUẨN SO SÁNH
I	**KK4.160124**					
1.	$H_2S^{(a)(b)}$	µg/Nm^3	MASA Method 701	KPH (MDL=5)	**42**	**QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)**
2.	$NH_3^{(a)(b)}$	µg/Nm^3	MASA Method 401	KPH (MDL=5)	**200**	
3.	$SO_2^{(a)(b)}$	mg/Nm^3	TCVN 5971 : 1995	0,070	**0,35**	
4.	$NO_2^{(a)(b)}$	mg/Nm^3	TCVN 6137 : 2009	0,081	**0,2**	
5.	$CO^{(a)}$	mg/Nm^3	HDKK-CO/REC	5,76	**30**	
II	**KK5.160124**					
1.	$H_2S^{(a)(b)}$	µg/Nm^3	MASA Method 701	KPH (MDL=5)	**42**	**QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)**
2.	$NH_3^{(a)(b)}$	µg/Nm^3	MASA Method 401	KPH (MDL=5)	**200**	
3.	$SO_2^{(a)(b)}$	mg/Nm^3	TCVN 5971 : 1995	0,083	**0,35**	
4.	$NO_2^{(a)(b)}$	mg/Nm^3	TCVN 6137 : 2009	0,096	**0,2**	
5.	$CO^{(a)}$	mg/Nm^3	HDKK-CO/REC	5,97	**30**	
III	**KK6.160124**					
1.	Độ ồn$^{(a)(b)(c)}$	dBA	TCVN 7878-2:2010	53,7	**70**	**QCVN 26:2010/BTNMT**

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

P. Giám đốc

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG ★ QUẬN 10-T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thúy Hạ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu đo tại hiện trường.
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

REC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**	Số hiệu: BM: 12.03 Lần ban hành: 06
	BIÊN BẢN LẤY MẪU Số: ..... Tháng ... năm ...	Ngày BH: 30/11/2023 Trang : 1

- Hôm nay, vào lúc: 9 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 01 năm 2024.

I. CHÚNG TÔI GỒM CÓ:

1. Đại diện đơn vị lấy mẫu: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG - REC

- Ông (bà): Huỳnh Văn Bưng Chức vụ: .....
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

2. Đại diện đơn vị giám sát: .....

- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

3. Đại diện đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN

- Ông (bà): Châu Thị Thuý Chức vụ: .....
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC:

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy điện gió số 3, tại vị trí V1-3

Địa chỉ: xã Trường Long Hòa, Thị xã Duyên Hải, Trà Vinh

Mục đích lấy mẫu: Làm báo cáo

Điều kiện lấy mẫu: thời tiết bình thường

Ngày trả kết quả (Dự kiến): 23.01.2024

I/ LOẠI MẪU KHÍ:

Số lượng 03

Phương pháp lấy mẫu, đo đạc:

☑ TCVN 5971:1995 – SO_2	☐ QCVN 46:2012/BTNMT – Vi khí hậu
☑ TCVN 6137:2009 – NO_2	☐ THƯỜNG QUI KỸ THUẬT (2015)
☐ TCVN 5067:1995 – Bụi	☐ Standard Method for Air Examination (USA)-Dung môi hữu cơ
☑ TCVN 7878-2:2010 – Độ ồn	☐ TCVN 6963:2001 – Độ rung
☑ Phương pháp khác:	

Thiết bị sử dụng tại hiện trường:

☐ Máy đo nhiệt độ	☐ Máy đo ánh sáng	☐ Khí thải tại nguồn
☐ Máy đo độ ẩm	☐ Máy đo độ rung	☑ Máy lấy mẫu khí
☐ Máy đo tốc độ gió	☑ Máy đo ồn	☐ Máy lấy mẫu bụi

REC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**	Số hiệu: BM: 12.03 Lần ban hành: 06
	BIÊN BẢN LẤY MẪU Số: ..... Tháng ... năm ...	Ngày BH: 30/11/2023 Trang : 2

VỊ TRÍ LẤY MẪU

STT	Vị trí lấy mẫu/tọa độ	Ký hiệu mẫu	Chỉ tiêu	Loại mẫu	
				Đơn	Tổ hợp
01	Khu vực tua bin gần bể	KK4.160124.	H_2S, NH_3, SO_2, NO_2, CO	☐	☐
02	Khu vực trạm biến áp	KK5.160124.	H_2S, NH_3, SO_2, NO_2, CO	☐	☐
03	Khu vực nhà dân	KK6.160124	Độ ồn	☐	☐
	gần khu vực tua bin			☐	☐
				☐	☐
				☐	☐
				☐	☐
				☐	☐
				☐	☐
				☐	☐

Điều kiện bảo quản mẫu: .....

2/ LOẠI MẪU NƯỚC: .....

Số lượng .....

Phương pháp lấy mẫu:

- ☐ Nước mặt: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-6:2018
- ☐ Nước ngầm: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-11:2011
- ☐ Nước thải: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999;1995
- ☐ Nước sạch, nước uống: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 5995:1995
- ☐ Nước biển: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016 TCVN 5998:1995
- ☐ Nước mưa: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016 TCVN 5997:1995
- ☐ Nước khoáng: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016 TCVN 5997:1995

REC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**	Số hiệu: BM: 12.03 Lần ban hành: 06
	BIÊN BẢN LẤY MẪU Số: …….. Tháng ... năm …	Ngày BH: 30/11/2023 Trang : 3

Thiết bị sử dụng tại hiện trường

☐ Thiết bị lấy mẫu theo phương ngang
☐ pH/ Nhiệt độ
☐ Độ muối
☐ Thiết bị khác:
☐ Độ đục
☐ EC/ TDS
☐ DO

Hóa chất cố định mẫu

(1) HNO_3 (2) Formaldehyde (3) HCl (7) Hóa chất khác:……
(4) H_2SO_4 (5) NaOH (6) H_3PO_4

VỊ TRÍ LẤY MẪU

TT	Vị trí lấy mẫu/ tọa độ	Ký hiệu mẫu	Chỉ tiêu	Thể tích mẫu	Số lượng chai	Số lượng can	Loại mẫu	
							Đơn	Tổ hợp
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐

REC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**	Số hiệu: BM: 12.03 Lần ban hành: 06
	BIÊN BẢN LẤY MẪU Số: ..... Tháng ... năm ...	Ngày BH: 30/11/2023 Trang : 4

TT	Vị trí lấy mẫu/ *tọa độ*	Ký hiệu *mẫu*	Chỉ tiêu	Thể tích mẫu	Số lượng chai	Số lượng can	Loại mẫu	
							Đơn	Tổ hợp
							☐	☐
							☐	☐
							☐	☐

REC	**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**	Số hiệu: BM: 12.03 Lần ban hành: 06
	BIÊN BẢN LẤY MẪU Số: ..... Tháng ... năm ...	Ngày BH: 30/11/2023 Trang : 5

3/ LOẠI MẪU KHÁC: .....

Số lượng .....

Phương pháp lấy mẫu:

☐ Đất: TCVN 4046:1985, TCVN 7538-2:2005, TCVN 5297 :1995
☐ Bùn, trầm tích: TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-15:2004
☐ Chất thải rắn: TCVN 9466:2012

Dụng cụ chứa mẫu:

☐ Túi nhựa PE ☐ Hủ nhựa PE

VỊ TRÍ LẤY MẪU

TT	Vị trí lấy mẫu/tọa độ	Chỉ tiêu	Ký hiệu mẫu	Loại mẫu		Lượng mẫu
				Đơn	Tổ hợp	
				☐	☐	
				☐	☐	
				☐	☐	
				☐	☐	
				☐	☐	
				☐	☐	
				☐	☐	
				☐	☐	

Điều kiện bảo quản mẫu: .....

Biên bản này được lập thành 02 bản, kết thúc lúc 10 giờ 00 phút, ngày 16/11/2024,
đã đọc lại biên bản cho những người có tên trên cùng nghe và đồng ý.

Đại diện đơn vị yêu cầu	Đại diện đơn vị giám sát	Đại diện đơn vị lấy mẫu
Châu Như Thúy		Huỳnh Văn Trọng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1451 /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc

môi trường và thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn môi trường;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn môi trường;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận **"Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn môi trường"**, địa chỉ tại số 88 đường Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **101/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 101)** theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn môi trường phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

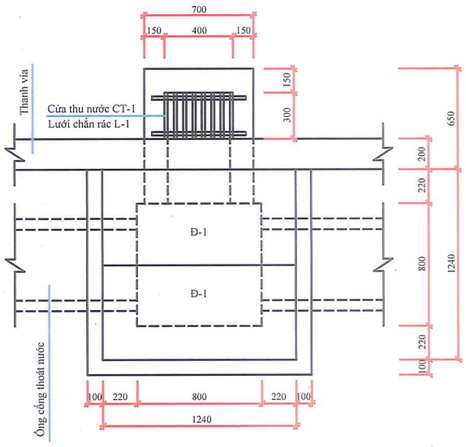
Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (12).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

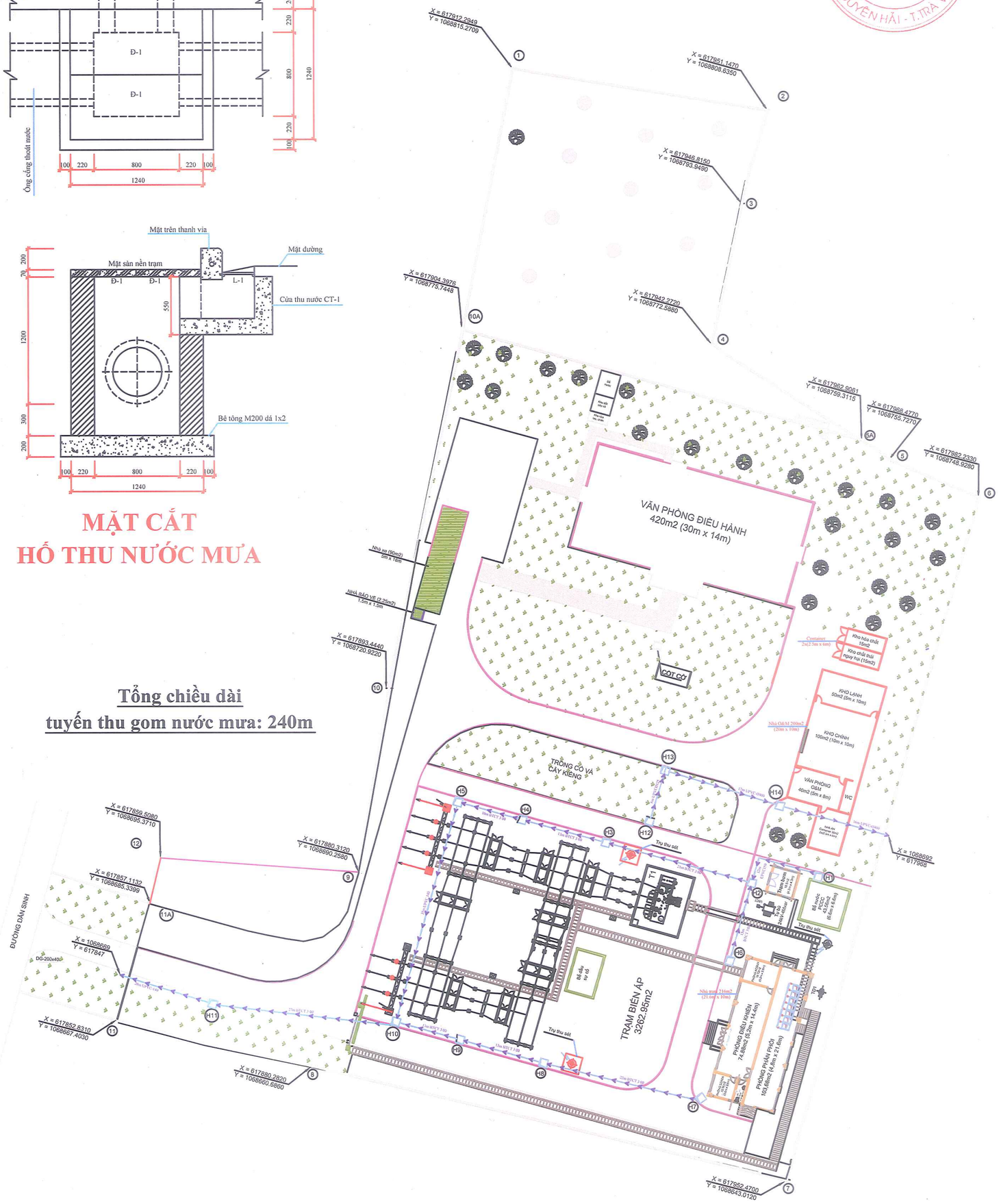
Võ Tuấn Nhân



MẶT BẰNG TỔNG THỂ KHU NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3

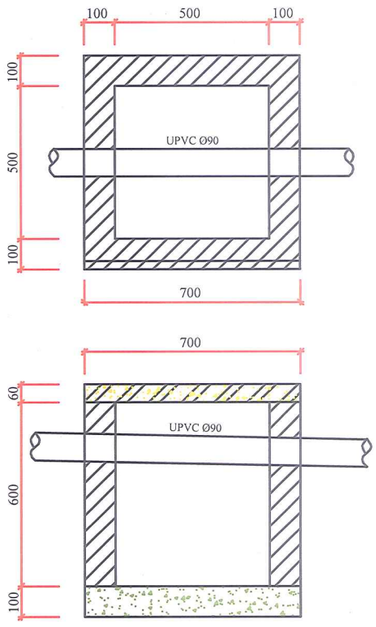


MẶT CẮT
HỐ THU NƯỚC MƯA

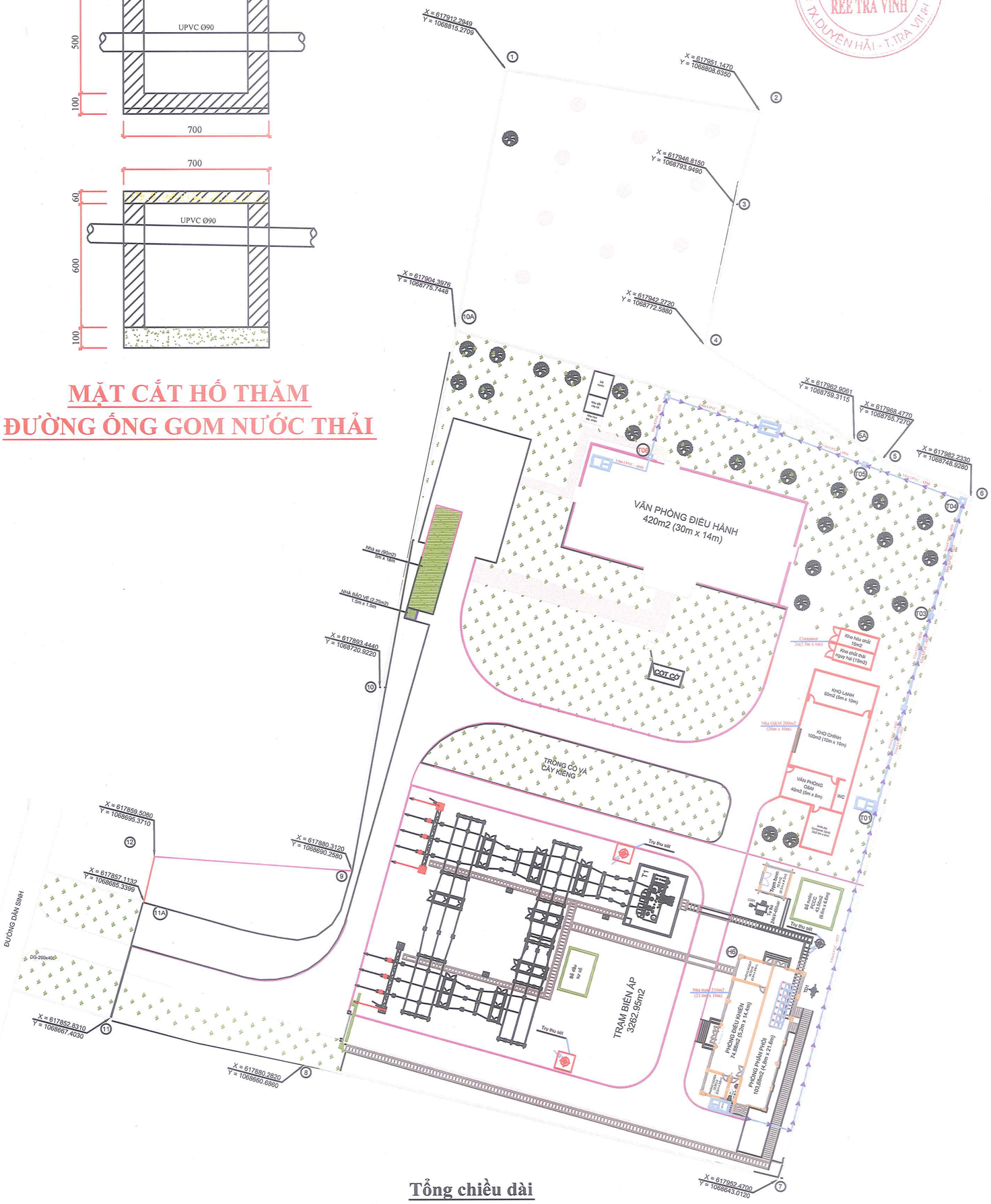


Tổng chiều dài
tuyến thu gom nước mưa: 240m

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA
NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3

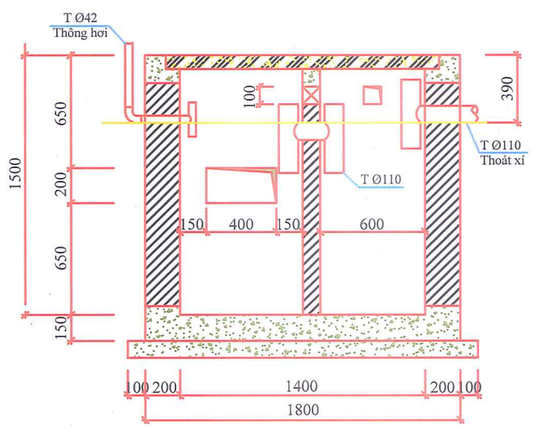


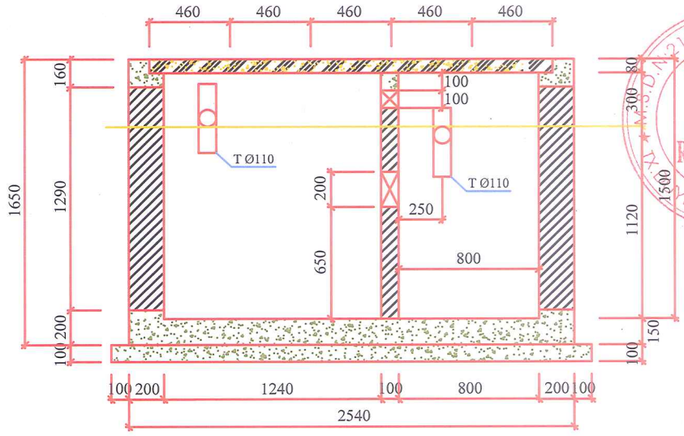
MẶT CẮT HỐ THĂM
ĐƯỜNG ỐNG GOM NƯỚC THẢI

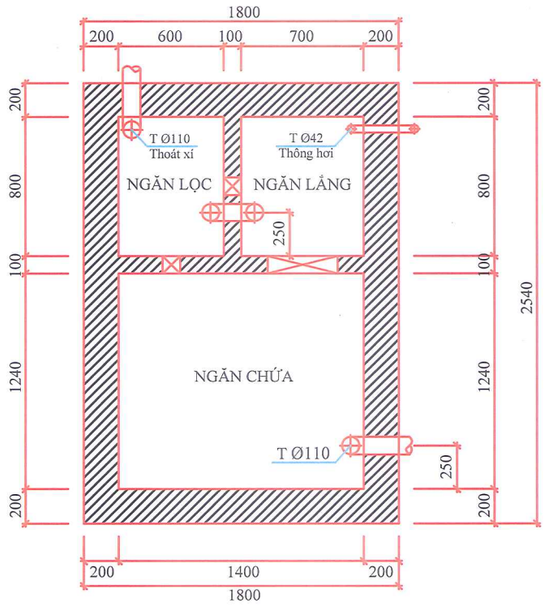


Tổng chiều dài
tuyến thu gom nước thải: 176m

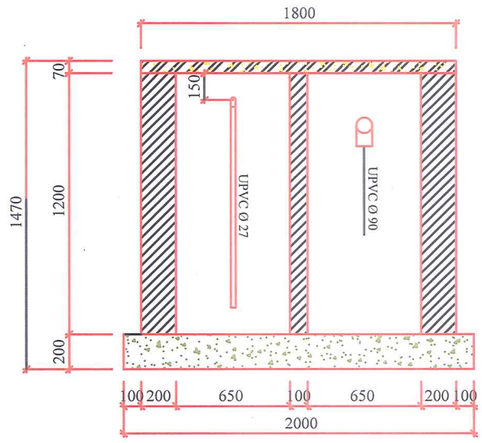
MẶT BẰNG THU GOM NƯỚC THẢI
NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3

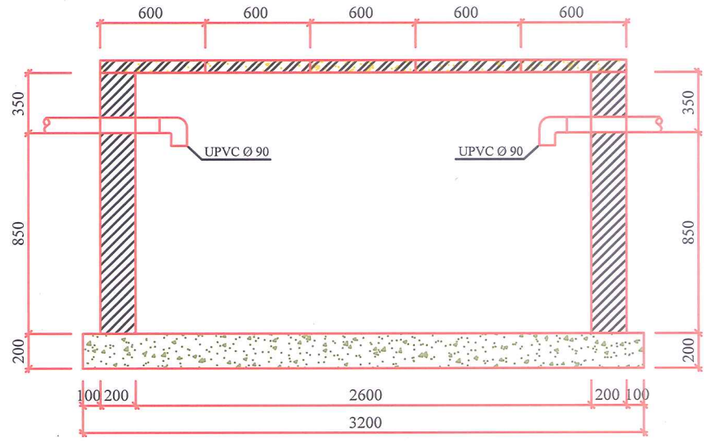


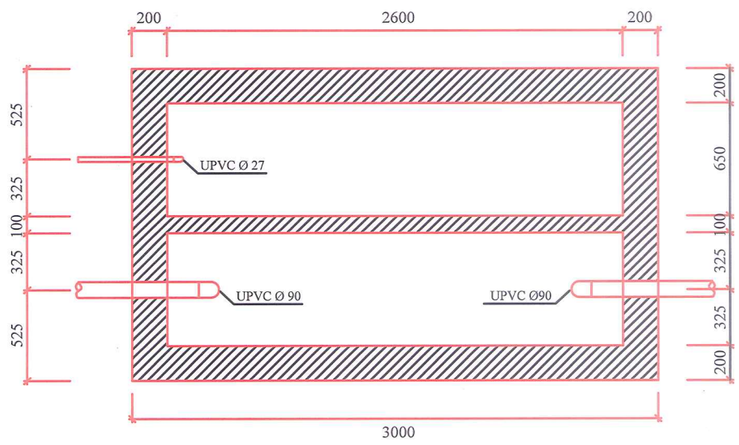




MẶT CẮT HẦM TỰ HOẠI







MẶT CẮT HẦM CHỨA NƯỚC THẢI

BẢN ĐỒ DẢI THỬA DỰ ÁN Tỷ lệ 1:10.000

Đường dây 110kV TBA 110kV NMĐG Hiệp Thạnh - Cầu Ngang

GHI CHÚ

- MỐC DỰ ÁN
- ĐƯỜNG DÂY 110KV NMĐG SỐ 3 - NMĐG HIỆP THẠNH
- ĐƯỜNG DÂY 22KV TRÊN BỜ ĐẤU NỐI VỀ TRẠM
- CÁP BIỂN 22KV ĐẤU NỐI TUABIN GIÓ
- CÁP NGẦM 22KV TUABIN GIÓ
- G1, G2... ĐIỂM GÓC

BẢNG THAM CHIẾU TỌA ĐỘ
DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3
QUY MÔ CÔNG SUẤT : 48MW
ĐỊA ĐIỂM XÃ TRƯỜNG LONG HÒA, THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

STT	VN 2000 múi chiếu 3° - Kinh tuyến trục 105° 30'		WGS-84		WGS-84	
	X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)	N (m)	E(m)
1.TỌA ĐỘ DANH DỰ ÁN						
2.2A	1067801.00	618227.00	1067688.97	618422.75	9°39'15.1"N	106°34'44.5"E
2.2B	1069780.00	618639.00	1069676.97	618834.75	9°40'19.83"N	106°34'58.26"E
2.2C	1071667.00	618656.00	1071554.97	618851.75	9°41'20.95"N	106°34'59.01"E
2.2D	1071627.00	621502.00	1071514.97	621697.76	9°41'19.35"N	106°36'32.36"E
2.2E	1069414.00	621374.00	1069301.97	621569.76	9°40'7.34"N	106°36'27.92"E
2.2F	1066909.00	620887.00	1066694.07	675897.15	9°38'45.87"N	106°36'11.03"E
2.TỌA ĐỘ KHU TRẠM BIẾN ÁP VÀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH						
1	1068815.271	617912.295	1068703.243	618108.047	9°39'48.12"N	106°34'34.32"E
2	1068808.635	617951.147	1068698.607	618146.899	9°39'48.00"N	106°34'35.59"E
3	1068793.849	617906.815	1068681.921	618102.567	9°39'47.52"N	106°34'34.15"E
4	1068772.388	617917.772	1068661.56	618138.024	9°39'86.92"N	106°34'35.30"E
5	1068755.727	617968.477	10686 43.699	618164.229	9°39'46.37"N	106°34'36.16"E
6	1068748.928	617982.293	10686 36.9	618178.045	9°39'46.05"N	106°34'36.61"E
7	1068643.12	617952.47	1068531.092	618148.222	9°39'42.61"N	106°34'35.62"E
8	1068660.686	617880.282	1068548.658	618076.034	9°39'43.19"N	106°34'33.25"E
9	1068690.258	617888.312	1068578.23	618084.064	9°39'44.15"N	106°34'33.52"E
10	1068720.922	617893.444	1068608.894	618089.196	9°39'45.15"N	106°34'33.69"E
11	1068677.403	617852.831	1068565.375	618048.583	9°39'43.74"N	106°34'32.35"E
12	1068695.571	617859.508	1068583.343	618055.26	9°39'44.32"N	106°34'32.58"E
3.TỌA ĐỘ ĐƯỜNG DẪN VÀO DỰ ÁN						
D1	1068667.69	617852.06	1068555.66	618047.81	9°39'43.42"N	106°34'33.33"E
D2	1068695.22	617860.11	1068583.19	618055.86	9°39'44.31"N	106°34'32.59"E
D2(M2)	1068693.81	617879.50	1068581.78	618075.25	9°39'44.27"N	106°34'33.22"E
D4	1068664.42	617865.40	1068552.39	618061.15	9°39'43.31"N	106°34'32.77"E
4.TỌA ĐỘ TUABIN GIÓ						
TB1	1070084.958	619018.32	1069972.931	619214.073	9°40'30.42"N	106°35'10.73"E
TB2	1069814.739	619148.937	1069702.711	619344.69	9°40'20.02"N	106°35'14.98"E
TB3	1069544.52	619279.554	1069432.492	619475.307	9°40'11.41"N	106°35'19.24"E
TB4	1069539.166	619377.614	1069162.775	619604.924	9°40'03.6"N	106°35'23.46"E
TB5	1069004.084	619539.788	1068892.055	619735.541	9°39'54.15"N	106°35'27.72"E
TB6	1068733.866	619670.405	1068621.837	619866.158	9°39'45.38"N	106°35'31.97"E
TB7	1068463.647	619801.022	1068351.618	619996.775	9°39'36.58"N	106°35'36.23"E
TB8	1068193.429	619931.64	1068081.4	620127.393	9°39'27.77"N	106°35'40.49"E
TB9	1067923.212	620061.257	1067811.182	620257.01	9°39'18.96"N	106°35'44.71"E
TB10	1067652.994	620191.874	1067540.964	620387.627	9°39'10.15"N	106°35'48.96"E
TB11	1067382.776	620322.492	1067270.746	620518.245	9°39'01.35"N	106°35'53.22"E
TB12	1067112.558	620453.11	1067000.527	620648.863	9°38'52.54"N	106°35'57.48"E
5.TỌA ĐỘ ĐIỂM GÓC ĐƯỜNG DÂY 110KV						
D3	1068694.778	617871.676	1068578.582	618070.182	9°39'44.16"N	106°34'33.06"E
G1	1068862.976	617755.779	1068753.852	617954.332	9°39'49.65"N	106°34'29.28"E
G2	1069842.001	617904.119	1069722.243	618099.372	9°40'21.38"N	106°34'34.14"E
G3	1070821.250	617967.435	1070709.224	618165.173	9°40'53.50"N	106°34'36.33"E
G4	1071045.850	617509.360	1070933.824	617705.112	9°41'00.85"N	106°34'21.33"E
G5	1071570.010	617094.179	1071457.085	617289.912	9°41'17.95"N	106°34'07.77"E
G6	1072345.670	616697.090	1072133.645	616892.842	9°41'39.48"N	106°33'54.81"E
G7	1074722.511	616177.629	1074647.678	616365.573	9°43'01.86"N	106°33'37.77"E
G8	1076970.500	615738.110	1076858.48	615933.863	9°44'13.86"N	106°33'23.84"E
DC	1077383.440	615674.280	1077271.42	615870.033	9°44'27.30"N	106°33'21.79"E
6.TỌA ĐỘ ĐIỂM GÓC CÁP 22KV						
Điểm đầu	1070067.33	618042.15	1069955.303	618237.903	9°40'28.80"N	106°34'58.39"E
Điểm cập bờ	1070060.7	618405.24	1069948.673	618600.993	9°40'28.70"N	106°34'50.62"E
Điểm góc 1	1070051.16	618131.54	1069939.133	618327.293	9°40'28.42"N	106°34'41.64"E
Điểm chuyển tiếp 1	1070036.2	618131.44	1069924.173	618327.193	9°40'27.95"N	106°34'41.63"E
Điểm chuyển tiếp 2	1068739.19	617860.8	1068627.162	618056.552	9°39'45.75"N	106°34'32.82"E
Điểm cuối	1068076.57	617854.54	1068564.542	618050.292	9°39'25.71"N	106°34'32.41"E
7.TỌA ĐỘ CẦU DẪN						
Điểm đầu	1067107.06	620441.58	1066995.029	620637.333	9°38'52.36"N	106°35'57.10"E
DC -G1	1070077.92	619007.53	1069965.893	619203.283	9°40'29.70"N	106°35'10.27"E
Điểm cập bờ	1070060.7	618405.24	1069948.673	618600.993	9°40'28.70"N	106°34'50.62"E

Đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm (18,6 năm)

HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG

2.2A, 2.2B, 2.2C, 2.2D, 2.2E, 2.2F, HK1, HK3

Điểm đầu cáp 22kV, Điểm CD - G1, Điểm chuyển tiếp 1, Điểm chuyển tiếp 2, Điểm cuối cáp 22kV, Điểm đầu

TB01, TB02, TB03, TB05, TB06, TB07, TB08, TB09, TB10, TB11, TB12

TỶ LỆ 1:10.000
1cm trong bản đồ bằng 100m trên thực địa
0 100 300 500 700 900 1100 1300 (m)

REV	DATE/NGÀY	REMARKS/ GHI CHÚ	DSN N.VẼ	CKED K.TRA
		REVISIONS/ NỘI DUNG SỬA ĐỔI		
R03		Điều chỉnh khu QLVH và TBA và ĐD 110kV	T.Đ.B	P.D.A
R02		Điều chỉnh khu QLVH và TBA	T.Đ.B	P.D.A
R01		Điều chỉnh tuyến đường dây 110kV	T.Đ.B	P.D.A
R00		ĐỂ TRÌNH DUYỆT	N.T.H	P.D.A

CLIENT/ CHỦ ĐẦU TƯ
REE CORP.
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

CONSULTANT/ TƯ VẤN:
VIET NAM APPLIED TECHNICAL COMPANY Ltd.
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ỨNG DỤNG VIỆT NAM

PROJECT TITLE/ DỰ ÁN:
NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 3 TẠI VỊ TRÍ V1-3

ITEMS/ HẠNG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG DỰ ÁN

DRAWING TITLE/ TÊN BẢN VẼ:
TỔNG MẶT BẰNG DỰ ÁN

DRAWING NO/ SỐ HIỆU BV:
TV-WIND-REE-TMB.01

DATE/ NGÀY			
P.TGĐ/ D.G.DIRECTOR	NGUYỄN VĂN SỸ	GIAI ĐOẠN/ STATE	TKBVTC
CNLĐA/ P. MANAGER	NGUYỄN ĐÌNH HUY	TỶ LỆ/ SCALE	1:10.000
CTTK/ DESIGN LEADER	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	KHỔ GIẤY/ PAPER SIZE	A0
KIỂM TRA/ CHECKED BY	PHẠM DUY ÁNH	SỬA ĐỔI/ REV. NO	R03
THIẾT KẾ/ DESIGNED BY	NGUYỄN ĐÌNH CHƯƠNG	SỐ TỜ/ SHEET NO.	1/5

SIZE A0